

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VỀ GIA ĐÌNH VÀ PHỤ NỮ

G.S LÊ THI

**VAI TRÒ GIA ĐÌNH
TRONG VIỆC XÂY DỰNG
NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM**

5739

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

22/4/05

2015-62-184

LỜI GIỚI THIỆU

Từ xưa đến nay, gia đình luôn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người. Gia đình là môi trường nuôi dưỡng trẻ em và tổ ấm của người lớn. Nếu đứa trẻ được sinh ra và lớn lên trong một gia đình tốt, nề nếp, nhân bản thì sẽ trở thành một người nhân hậu, có ích cho xã hội, và ngược lại.

Vấn đề gia đình được rất nhiều người, nhiều tổ chức từ các nhà hoạt động chính trị, hoạt động xã hội đến các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu.

Giáo sư Lê Thị, nguyên Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Khoa học về Gia đình và Phụ nữ đã cùng các cộng sự của bà dành nhiều thời gian và tâm huyết để khảo sát, nghiên cứu đề tài “Vai trò của gia đình trong sự hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam”, kết quả đã được thể hiện qua cuốn sách này.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc với lòng mong muốn đóng góp thêm tiếng nói vào CHIẾN LƯỢC CON NGƯỜI mà Đại hội Đảng lần thứ VII đã đề ra và mục tiêu TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA GIA ĐÌNH trong Kế hoạch hành động quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2000.

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

LỜI MỞ ĐẦU

Nhân loại đang chuẩn bị bước sang thế kỷ XXI, với những niềm hy vọng lớn lao và nhiều nỗi lo lắng băn khoăn. Bởi vì vào những năm cuối của thế kỷ XX này, những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực tin học đang làm nức lòng chúng ta về khả năng sáng tạo, trí tuệ thông minh tuyệt vời của con người, chinh phục thiên nhiên và cải tạo xã hội, hứa hẹn đem lại những bước tiến bộ vượt bậc cho cuộc sống cá nhân, gia đình, cộng đồng cả về mặt vật chất và tinh thần, tăng cường sức khỏe, giảm tỷ lệ tử vong, kéo dài tuổi thọ của người già. Về mặt xã hội, nhân quyền ngày càng được bảo đảm, quyền bình đẳng nam nữ, quyền của trẻ em được đề cao, v.v...

Tuy nhiên, nếu tất cả những tiến bộ vĩ đại đạt được cho đến nay là *do con người tạo ra*, thì hàng loạt những việc làm sai lầm, thiếu suy nghĩ, những hành động dã man điên cuồng, những tệ nạn xấu xa, nguy hiểm đang tồn tại trên thế giới cũng lại *do con người gây ra* và họ

đã và đang *phải chịu hậu quả lâu dài*. Những mâu thuẫn sắc tộc, dân tộc, tôn giáo, sự tranh chấp quyền lực, đất đai, tài nguyên đã dẫn đến những cuộc chiến tranh cục bộ kéo dài, những cuộc tàn sát kỳ thị chủng tộc đẫm máu, những cuộc chạy loạn của hàng triệu gia đình bị tan tác, chia ly, cùng khổ. Sự khai phá bừa bãi thiên nhiên dẫn đến ô nhiễm môi trường sống; sự gia tăng dân số quá nhanh dẫn đến nạn thất nghiệp, sự thiếu hụt các phương tiện sinh sống tối thiểu cho các gia đình, các nhu cầu y tế, văn hoá, giáo dục không thể đáp ứng nổi, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Các tệ nạn xã hội, xì ke ma tuý, mại dâm gắn liền với bệnh AIDS đang đe doạ tính mạng hàng triệu con người và có chiều hướng phát triển nhanh ở châu Á, châu Phi.

Các sự kiện đau lòng trên đã gây nên bao nỗi băn khoăn lo lắng, day dứt cho tất cả những người có lương tri, có tâm phúc. Các lực lượng tiến bộ trên thế giới đang đoàn kết nhau lại, bàn bạc và phối hợp hành động Liên Hiệp Quốc cùng đại diện các chính phủ, quốc gia đã có nhiều cuộc họp lịch sử thảo luận để tìm ra phương hướng và biện pháp hạn chế, ngăn chặn các thảm hoạ đang diễn ra, vì mục tiêu Hoà bình, Bình đẳng và Phát triển cho toàn nhân loại. Ví dụ, các Hội nghị toàn cầu về môi trường ở Rio de Janeiro (Braxin), về dân số ở Le Cairo (Ai Cập), về nhân quyền ở Viên (Áo), về phát triển

xã hội ở Copenhagen (Đan Mạch), Hội nghị thế giới lần thứ IV về phụ nữ ở Bắc Kinh (Trung Quốc), v.v... Đây là những cố gắng lớn của các quốc gia và các tổ chức quốc tế, đánh dấu những xu hướng tiến bộ của thế giới, dưới áp lực của các phong trào quần chúng rộng rãi.

Trên thế giới người ta đã chú ý đến sự phát triển không đồng đều giữa kinh tế và xã hội, sự gia tăng của nạn nghèo khổ trong nhiều dân tộc, quốc gia, sự xa cách giàu nghèo giữa các tầng lớp nhân dân. Vì vậy, nhiều hội nghị quốc tế đã nhấn mạnh đến sự cần thiết chú ý đến mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội tiến bộ, ổn định.

Bàn về sự phát triển ổn định của xã hội không thể tách rời sự phát triển của con người và vai trò gia đình trong việc bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực, xây dựng nhân cách con người. Đồng chí Nguyễn Khánh, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ, trong bài phát biểu tại Hội thảo "Gia đình Việt Nam trong sự đổi mới của đất nước và vấn đề xây dựng con người" tổ chức tháng 4/1995 đã nói: "Vấn đề gia đình ai cũng quan tâm, tuy có một thời kỳ đã bị xem nhẹ. Gần đây, trên thế giới cũng như trong nước ta, vấn đề gia đình được đặt ra rất nhiều so với 10 năm về trước: việc Liên Hiệp Quốc lấy năm 1994 là Năm Quốc tế Gia đình có rất nhiều ý nghĩa !"

"Tại Hội nghị Thượng đỉnh của thế giới về những vấn đề xã hội (Copenhagen), những vấn đề xã hội được nêu lên rất đậm nét. Trong các vấn đề đó, có vấn đề gia đình. Các vị nguyên thủ quốc gia, ai cũng nói đến gia đình. Trước đây các nước phương Tây tưởng như đã là mô hình tốt cho các nước phương Đông. Nhưng giờ đây họ thấy xã hội của họ có nhiều vấn đề rắc rối, cả vấn đề gia đình: tình trạng trẻ em không gia đình do cha mẹ ly hôn, những nhiễu loạn gia đình ... Ngược lại, ở các nước phương Đông, các nước đang phát triển lại có rất nhiều kinh nghiệm tốt về gia đình".

Vai trò của gia đình đối với từng cá nhân và toàn xã hội ngày càng được khẳng định rõ và được đặt ra ở vị trí chính sách quốc gia quan trọng. Năm 1994 Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc tuyên bố là năm Quốc tế về gia đình với chủ đề "Gia đình các nguồn lực, các trách nhiệm trong thế giới đang biến động". Tư tưởng chủ đạo của năm Quốc tế gia đình là sự thay đổi của thế giới phải tạo nên sự tiến bộ và tăng cường phúc lợi cho cá nhân và gia đình, nhấn mạnh đến việc đảm bảo các quyền cơ bản của con người, đặc biệt chú ý đến quyền của phụ nữ và trẻ em, kêu gọi các chính phủ, các tổ chức xã hội quan tâm giúp đỡ các gia đình làm tròn trách nhiệm đối với các thành viên và là hạt nhân của sự phát triển tiến bộ của cộng đồng, dân tộc, quốc gia.

Ở nước ta quan điểm đúng đắn về gia đình đã được khẳng định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước tiến lên Chủ nghĩa xã hội*, thông qua ở Đại hội Đảng lần thứ VII (tháng 7/1991):

"Gia đình là tế bào xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống, và hình thành nhân cách. Các chính sách của nhà nước phải chú ý tới xây dựng gia đình ấm no, hoà thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức và nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người".

Giáo sư Phạm Minh Hạc, nguyên Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong bài "Tiếp cận giá trị trong nghiên cứu gia đình và giáo dục gia đình" ⁽¹⁾ đã nói rõ: nhiều nhà nghiên cứu của UNESCO cũng nhấn mạnh *Giá trị gia đình* trong vốn tinh thần của loài người. Đây cũng là một giá trị nhân loại, nghĩa là gia đình ở tất cả các thời đại, các châu lục, đều mang đặc trưng chung

⁽¹⁾ Bài phát biểu của Gs. Phạm Minh Hạc tại Hội thảo khoa học "Gia đình trong sự đổi mới của đất nước..." do Trung tâm Nghiên cứu Khoa học về Gia đình và Phụ nữ tổ chức tháng 4/1995.

của con người, đều mang tính nhân văn, nhân ái và nhân đạo. Vì vậy, giáo sư cho rằng "Trong chương trình nghiên cứu về con người, gia đình thật sự là một lối ra, đem tri thức cho quảng đại quần chúng".

Từ các quan điểm đặt vấn đề như trên, trong bối cảnh quốc tế và quốc gia hiện nay, việc nghiên cứu vai trò gia đình trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam là hết sức cần thiết và cấp bách. Nhiệm vụ đặt ra đòi hỏi vừa phải nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về gia đình, xác định những quan điểm tiếp cận đúng đắn, vừa phải khảo sát, quan sát thực tiễn cuộc sống các gia đình Việt Nam hiện nay, kết hợp với việc nhìn lại lịch sử phát triển xã hội của dân tộc và gia đình Việt Nam qua các thời đại, dù chỉ là sơ lược, trên những nét lớn, để hiểu được tình hình hiện tại một cách đúng đắn.

Công việc thật nặng nề, phức tạp. Với sự đóng góp công sức nhiệt tình của một tập thể cán bộ, cùng tiến hành nghiên cứu trong thời gian ba năm qua (1992 - 1995), đề tài cấp Nhà nước KX-07-09 : "Vai trò của gia đình trong sự hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam" đã hoàn thành tốt đẹp. Những kết quả đạt được rất phong phú, đa dạng, chúng tôi sẽ cố gắng trình bày tổng hợp trong cuốn sách này. Mong rằng, việc xuất bản cuốn sách sẽ cung cấp cho đông đảo bạn đọc cũng như các nhà nghiên cứu một tài liệu tham khảo bổ ích.

Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các cộng sự đã giúp tôi có thể hoàn thành cuốn sách này, đặc biệt là các chủ nhiệm đề tài nhánh: Nguyễn Thị Khoa, Lê Ngọc Văn, Võ Tấn Quang, Phạm Nguyệt Lăng, Lê Ngọc Lân, Dương Tự Đàm, Phạm Khắc Chương, Nguyễn Tài Thư, Lê Hồng Hà, Bùi Thị Kim Quỳ, v.v...

Tôi cũng rất cảm ơn Nhà xuất bản Phụ nữ và tổ chức SIDA (Thụy Điển) đã tạo điều kiện thuận lợi để tôi có thể xuất bản cuốn sách này.

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 1997

G.S. LÊ THI

Chương I

CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI HOÁ. VAI TRÒ GIA ĐÌNH VÀ SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH

I. CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ XÃ HỘI HOÁ

Con người là một sinh vật xã hội, có sự thống nhất giữa mặt sinh vật và mặt xã hội. Con người là một thực thể xã hội - sinh vật, nhưng *mang bản chất xã hội*. Tuy nhiên, khi xem trọng mặt xã hội của con người cũng như các quan hệ xã hội của nó, chúng ta không nên xem thường mặt sinh vật, các mối quan hệ của con người với môi trường tự nhiên. Gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến cả hai mặt sinh vật và xã hội của mỗi cá nhân.

Vấn đề *xã hội hoá*, tức tác động của xã hội đối với con người, có ý nghĩa quyết định. Nếu không có

quá trình xã hội hoá, con người - sinh vật không thể trở thành con người *xã hội*, tức một *con người bình thường*. Đã từng có trường hợp trẻ em từ lúc sinh ra đến 6, 7 tuổi, bị cách ly hoàn toàn với xã hội loài người, chỉ sống như con vật, không biết đứng thẳng, không nói được tiếng người và điều tai hại nhất là không biết tư duy. Trái lại, những đứa trẻ do tác động tốt của việc xã hội hoá chuyên trách đã trở thành những thực thể sáng tạo. Vì vậy, quá trình xã hội hoá là quá trình hình thành nhân cách, nhờ đó đứa trẻ mới sinh ra yếu ớt, bất lực, qua tiếp xúc với người khác, đã dần dần trở thành một con người biết nhận thức về mình, có khả năng nắm bắt được phương thức hành động trong một nền văn hoá, một xã hội nhất định.

1. Quá trình xã hội hoá diễn ra đầu tiên ở *môi trường xã hội nhỏ trong gia đình* (là nơi hình thành gốc nhân cách của đứa trẻ) dần dần mở ra cả *môi trường xã hội rộng lớn*: nhà trường, bạn bè, đoàn thể, nhà nước và cộng đồng xã hội. Con người ngày càng tiếp xúc với nhiều thông tin xã hội phong phú, đa dạng. Nhân cách con người qua đó ngày càng được phát triển và hoàn thiện.

Môi trường gia đình cũng từ gia đình hạt nhân,

bố mẹ anh chị em, đến gia đình lớn: ông bà và hệ thống thân tộc, họ hàng.

Tác động xã hội đối với con người như vậy là *tác động tổng hợp của nhiều thiết chế xã hội* (trong đó gia đình chỉ là một thiết chế, mặc dù rất quan trọng) và *các điều kiện sinh sống của con người* trong môi trường tự nhiên và xã hội nhất định. Ảnh hưởng của các thiết chế xã hội đối với con người cũng thay đổi vị trí, tầm quan trọng theo các giai đoạn khác nhau trong cuộc đời một con người, lúc còn trẻ, khi đã trưởng thành, lúc về già. Nhưng ảnh hưởng của thiết chế gia đình là *liên tục, xuyên suốt cuộc đời người*, ở những con người có cuộc sống bình thường.

2. Cũng không nên hiểu quá trình xã hội hoá chỉ là tác động một chiều của xã hội đối với cá nhân, họ thụ động tiếp thu, bị phụ thuộc vào tự nhiên và xã hội bên ngoài; không có tính chủ động của chủ thể. Trái lại đây là *một quá trình có tính 2 chiều, xã hội hoá và tự do ý chí* không mâu thuẫn. Xã hội hoá cá nhân gắn với cá thể hoá, tuy không đồng nhất.

Quá trình xã hội hoá và cá thể hoá con người diễn ra hết sức đặc biệt và lý thú. Con người càng tham gia hoạt động xã hội tích cực, đa dạng, càng tiếp xúc với các nguồn thông tin nhiều chiều, phong

phú thì càng được xã hội hoá mạnh mẽ. Nhưng kết quả không phải là sẽ có những con người giống nhau, rập khuôn nhau. Bởi vì, sự tiếp thu thông tin, kiến thức, sự tiếp xúc với xã hội, tự nhiên ở mỗi người hết sức khác nhau và sự tiếp nhận, biến thành cái *tôi* chủ quan cũng không hề giống nhau. Do đó *quá trình xã hội hoá và cá thể hoá diễn ra đồng thời*, hình thành những con người có cá tính, năng lực khác nhau, cách suy nghĩ, tiếp cận các vấn đề, tư tưởng, tình cảm, tâm lý không giống nhau, cách ứng xử, đối xử với gia đình, xã hội và bản thân cũng khác nhau.

Ý nghĩa và tầm quan trọng của quá trình xã hội hoá là: nó cho phép *cá nhân* học được những điều cơ bản đối với đời sống xã hội; và *xã hội* tái tạo được bản thân nó về mặt văn hoá, cũng như mặt sinh học, từ đó đảm bảo tính liên tục từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Xã hội hoá được hiểu như một quá trình nhờ đó *nền văn hoá nhân loại được truyền bá từ thế hệ này sang thế hệ khác* (trước hết thông qua môi trường gia đình). Đó là quá trình giao tiếp, học hỏi, nhờ đó cá nhân có thể phát triển bản chất xã hội và có khả năng tham gia vào đời sống xã hội. Thiếu mối liên hệ

này thì cá nhân và xã hội đều không thể tồn tại được. Mỗi quan hệ này diễn ra suốt chu trình sống của con người, mỗi giai đoạn của cuộc sống có đặc điểm riêng, có những bước chuyển tiếp quá độ, hoặc những khủng hoảng cần vượt qua, đến giai đoạn cuối cùng khi phải đương đầu với cái chết. Nếu đồng nghĩa khái niệm xã hội hoá với việc giáo dục, xã hội hoá trẻ em là thu hẹp nội dung khái niệm này.

II. NHÂN CÁCH VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH

1. Khái niệm nhân cách. Theo từ điển bách khoa do Nguyễn Hữu Trác chủ biên, *nhân cách* là một bộ mặt tâm lý, mang bản chất xã hội, lịch sử của từng người, bao gồm hệ thống thái độ, thuộc tính, trong quan hệ hành động với thế giới bên ngoài, với bản thân. Theo Từ điển tâm lý của Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, *nhân cách* là tổng hoà tất cả những gì hình thành một con người, một cá nhân với bản sắc và cá tính rõ nét, đặc điểm thể chất (tạng), tài năng, phong cách, ý chí, đạo đức vai trò xã hội.

Ở đây chúng tôi hiểu *nhân cách* một cách toàn

diện cả tài và đức, năng lực thể chất và năng lực trí tuệ, trạng thái tinh thần, tâm lý, tình cảm của mỗi con người (bao gồm cả nhận thức, tình cảm, hành động, phong thái, tính khí, lối sống của mỗi người). Đó là *sự thống nhất biện chứng giữa mặt cá nhân và mặt xã hội* ở mỗi con người cụ thể, là thái độ ứng xử của họ trước hiện thực tự nhiên và xã hội. Bằng sự hoạt động của bản thân, dưới sự hướng dẫn giáo dục của thế hệ trước, từ các mối quan hệ trong gia đình, tập thể, nhóm, cộng đồng, con người hình thành và phát triển nhân cách của mình.

2. Điều kiện hình thành nhân cách. Có thể nói đến ba điều kiện hình thành nhân cách:

- Điều kiện cơ học, sinh lý, di truyền
- Điều kiện xã hội
- Hoạt động của tâm linh cá nhân

Cả ba điều kiện này mới giải thích được sự khác nhau của nhân cách từng con người. Điều kiện *sinh học, thể lực* có ảnh hưởng đến cách ứng xử và hành động của con người, nhưng giá trị nhân cách chủ yếu là ở mặt *xã hội* (giá trị đạo đức, tư cách, phẩm chất xã hội). Đề tài *Vai trò gia đình trong sự hình thành và phát triển nhân*

cách tập trung chú ý nghiên cứu mặt *xã hội* của nhân cách.

Nhân cách con người thể hiện *ra ngoài*, đồng thời cũng phản ánh *bản chất bên trong*. Đó là cách *ứng xử* của con người khi *tiếp xúc* với xã hội, quan niệm của họ thế nào và hành động ra sao. Có thể ở năm tình huống:

- Con người kinh tế (lao động sản xuất kinh doanh)
- Con người gia đình (với cha mẹ, vợ chồng, con cái)
- Con người công dân (với Nhà nước)
- Con người xã hội (giao tiếp với các tầng lớp xã hội)
- Con người với bản thân

Cách ứng xử với bản thân cũng rất quan trọng. Vì cách nhìn về mình (việc làm, thái độ đúng sai thế nào v.v...) *sự tự khẳng định* đó nói lên nhân cách cá biệt của cá nhân. Hạt nhân của nhân cách là ý thức, tự ý thức. Trẻ còn nhỏ chưa có nhân cách vì chưa tiếp xúc với xã hội, chưa hoạt động xã hội, chưa tự khẳng định. Còn người tâm thần không được coi là người có nhân cách.

Quá trình hình thành nhân cách thể hiện ở sự hình thành và biến đổi *cách ứng xử* khi thực hiện các vai trò trong cộng đồng, theo các góc độ khác nhau:



- Xét về *tuổi tác*: mỗi chuỗi thứ bậc: trẻ em, thiếu niên, thanh niên, người lớn, người già, v.v...

- Xét về *giới*: nam và nữ có nét giống nhau và khác nhau, khi lập gia đình, nuôi con, dạy con v.v...

- Xét trong *gia đình*: trong các vai vợ chồng, bố mẹ, con cái, ông bà, chú bác v.v...

- Xét về *xã hội*: trong cương vị người công dân, một thành viên của cộng đồng làng xóm, đoàn thể, dân tộc, đảng phái v.v...

- Xét về *nghề nghiệp*: công nhân, nông dân, nhà buôn, trí thức v.v...

Cách ứng xử và thực hiện các vai được hình thành dần dần, thông qua giáo dục, truyền thụ bởi nhiều thiết chế xã hội, trong đó gia đình giữ vị trí hết sức quan trọng.

3. Sự hình thành và phát triển nhân cách chịu ảnh hưởng của một số tác động chính sau đây:

- Yếu tố *bẩm sinh di truyền*, từ lúc mang thai, hình thành thai trong bụng mẹ. Do vậy, khoa học ngày nay đã nói đến việc giáo dục trẻ em từ trong bào thai (thai giáo).

- *Hoàn cảnh và môi trường*: hoàn cảnh tự nhiên, môi trường xã hội (con người thích ứng với tự nhiên, với xã hội).

- *Ảnh hưởng của giáo dục* (gia đình, nhà trường, xã hội): do nhu cầu của gia đình và xã hội quy định, đặc biệt ảnh hưởng của văn hoá gia đình.

- *Hoạt động của cá nhân*: lao động sản xuất, sáng tạo, sự giao tiếp xã hội và sự tự xử sự.

Như vậy sự hình thành nhân cách có phần do chịu tác động khách quan và có phần do sự rèn luyện chủ quan tạo nên.

Động lực phát triển của nhân cách chính là sự nảy sinh và giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, sự đòi hỏi của xã hội và cách giải quyết của con người. Con người biết cách giải quyết mâu thuẫn đúng đắn thì sẽ vươn lên, đáp ứng nhu cầu của xã hội và bước tiến của bản thân. Vì vậy sự phát triển nhân cách không diễn ra đồng đều cho mọi người.

Trong một đời người, nhân cách có giai đoạn phát triển nhanh chóng, có giai đoạn chậm chạp, có giai đoạn chủ đạo cần chú ý. Ví dụ, nhân cách đứa trẻ được hình thành chủ yếu ở những năm đầu mới sinh ra, từ 1 đến 6 tuổi và gia đình có vai trò rất lớn ở giai đoạn này. *Môi trường gia đình tạo ra gốc nhân cách của đứa trẻ*, nếu môi trường đó không ổn định, nhiễu loạn thì sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự hình thành nhân cách trẻ.

Nhân cách mang *tính xã hội*, nên khi cách nhìn nhận của xã hội và yêu cầu đối với con người thay đổi thì bản thân nhân cách cũng chuyển đổi tương ứng. Do đó, mỗi thời kỳ lịch sử đều có *những chuẩn mực đặc thù của nhân cách*, tạo nên những *mẫu hình nhân cách hiện thực* của từng thời kỳ. Sự hình thành và phát triển nhân cách con người là cả một quá trình kéo dài từ lúc sơ sinh cho đến lúc trưởng thành, gồm hai giai đoạn chính là:

- Giai đoạn *hình thành* nhân cách ở trẻ em: nó biết tự sống, biết cách ứng xử trong xã hội, phát huy được tính chủ động trong hoạt động cá nhân.

- Giai đoạn *củng cố, hoàn thiện nhân cách* ở người lớn, có trường hợp có sự biến dạng, suy thoái của nhân cách.

III. GIA ĐÌNH VÀ VAI TRÒ GIA ĐÌNH TRONG VIỆC HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH

1. Khái niệm gia đình

Bàn về khái niệm gia đình, Liên Hiệp Quốc đã lưu ý chúng ta rằng: *Gia đình là một thể chế có tính*

toàn cầu ⁽¹⁾. Thể chế đó lại có những hình thức khác nhau và thực hiện các chức năng một cách khác nhau. Nhận thức về vai trò của nó thay đổi từ nền văn minh này sang nền văn minh khác, vì vậy, không có một quan niệm duy nhất về gia đình và người ta không thể đưa ra một định nghĩa để có thể áp dụng cho toàn cầu.

Trên thế giới có nhiều nền văn hoá, nhiều lối sống khác nhau, nên tất yếu có nhiều hình thức và cấu trúc gia đình khác nhau. Ở các nước phát triển hiện nay, đặc biệt là các nước Âu, Mỹ, việc hôn nhân và kết hôn chậm, sinh con đầu lòng muộn và có những cặp vợ chồng chủ trương không có con. Dân số và gia đình ở một số vùng đang già cỗi đi. Quy mô và thành phần gia đình thay đổi. Đồng thời có sự biến đổi các hình thức chung sống các cặp vợ chồng, nhiều đôi nam nữ sống chung không cưới xin; các gia đình được tổ chức lại (sau khi ly dị hay goá chồng, goá vợ) tăng lên. Tỷ lệ ly dị tăng. Hậu quả 1/3 số gia đình là gia đình không đầy đủ, thường chỉ có người mẹ sống với các con, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không đảm bảo cuộc sống an toàn cho trẻ em.

⁽¹⁾ Trích tài liệu: "Sự tiến triển của cấu trúc gia đình" do Liên Hiệp Quốc phát hành năm Quốc tế gia đình 1994.

Mặt khác, có những yếu tố tích cực mới được hình thành: quá trình người phụ nữ tham gia rộng rãi vào sản xuất xã hội, tạo nên sự độc lập kinh tế của họ và trong gia đình có sự bình đẳng về giới. Những tiến bộ của công nghệ sinh học, của y tế đã giúp phụ nữ được chủ động trong sinh sản và làm tăng tuổi thọ con người. Quyền của trẻ em được đề cao và bảo vệ. Tuổi trẻ có nhận thức nhanh chóng về quyền tự do và độc lập cá nhân.

Vì vậy, Liên Hiệp Quốc đã nhấn mạnh đến *tính đa dạng của gia đình* trong một thế giới đang biến động. Từ quan niệm sống đến hình thức tổ chức gia đình, vai trò chức năng của nó đều bắt nguồn từ đặc điểm kinh tế, văn hoá từng nước, từ trình độ phát triển của từng xã hội cụ thể. Tuy nhiên, Liên Hiệp Quốc vẫn khẳng định gia đình là *một yếu tố tự nhiên và cơ bản của xã hội, một đơn vị kinh tế*⁽¹⁾. Gia đình được coi như *một giá trị tinh thần* vô cùng quý báu của nhân loại, cần được giữ gìn và phát huy.

Đối với chúng ta, gia đình từ trước đến nay vẫn là một *thiết chế xã hội* hết sức quan trọng, *một đơn vị kinh tế* và *đơn vị xã hội* cơ sở, đồng thời là *một*

⁽¹⁾ Trích tài liệu "Các quyền của con người và gia đình" do Liên Hiệp Quốc phát hành năm Quốc tế gia đình 1994.

nhóm tâm lý tình cảm đặc thù. Đó là nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của xã hội và sự hoàn thiện của các cá nhân, thông qua việc thực hiện các chức năng trọng đại.

Căn cứ vào tình hình chung của hôn nhân và gia đình ở *nước ta*, khái niệm hôn nhân và gia đình có thể định nghĩa như sau:

Hôn nhân là quan hệ giữa đôi nam nữ (chủ yếu là quan hệ tính giao) được xã hội công nhận dưới nhiều hình thức: sự phê chuẩn của chính quyền về mặt pháp lý; sự đồng ý của gia đình, họ hàng, bạn bè, dưới các hình thức nghi lễ, theo các phong tục tập quán, tôn giáo của địa phương. Quan hệ hôn nhân là quan hệ nền tảng, trên đó thiết kế đời sống gia đình.

Khái niệm *gia đình* được sử dụng để chỉ một nhóm xã hội hình thành trên cơ sở *quan hệ hôn nhân* và *quan hệ huyết thống* nảy sinh từ quan hệ hôn nhân đó và cùng chung sống (cha mẹ, con cái, ông bà, họ hàng nội, ngoại). Đồng thời, gia đình cũng có thể bao gồm một số người được gia đình nuôi dưỡng, tuy không có quan hệ huyết thống. Các thành viên gia đình gắn bó với nhau về trách nhiệm và quyền lợi (kinh tế, văn hoá, tình cảm), giữa họ có những điều ràng buộc có tính pháp lý, được Nhà nước thừa nhận và bảo vệ (được ghi rõ trong Luật Hôn nhân và gia

đình của nước ta). Đồng thời trong gia đình có những quy định rõ ràng về quyền được phép và những cấm đoán trong quan hệ tình dục giữa các thành viên.

Cần phân biệt khái niệm gia đình với *khái niệm hộ* (xem phụ lục kèm theo).

Khi xem xét gia đình như *một thiết chế*, chúng ta tìm hiểu gia đình tồn tại nhằm *mục đích* gì, thực hiện *chức năng* ra sao. Thiết chế gia đình ra đời, tồn tại và phát triển trước hết do sự cần thiết điều tiết các quan hệ nam nữ, quan hệ tính giao của xã hội⁽¹⁾. Xã hội thừa nhận và phê chuẩn sự chung sống của đôi nam nữ dưới hình thức hôn nhân, quy định *trách nhiệm* của họ với nhau, với con cái và xã hội.

⁽¹⁾ Từ các quan hệ tính giao bừa bãi của chế độ quần hôn chuyển sang hình thức gia đình *cùng dòng máu* cho phép có quan hệ tính giao giữa những người cùng một thế hệ, đến *gia đình* punaluan, cấm quan hệ tính giao giữa anh em ruột thịt, sau chuyển sang *gia đình cặp đôi*, *gia đình một vợ một chồng*. Như vậy cùng với sự phát triển của lịch sử văn minh nhân loại, các quan hệ tính giao trong nhóm người gọi là gia đình ngày càng bị thu hẹp lại do nguyên tắc đào thải tự nhiên thúc đẩy, sau đó mới được các phong tục, luật lệ, đạo đức xã hội cố định và bảo vệ chặt chẽ (xem Nguồn gốc gia đình, sở hữu tư nhân và nhà nước của F. Engels).

Là một thiết chế xã hội, gia đình có mối quan hệ chặt chẽ với xã hội thông qua việc thực hiện các chức năng của nó, và có sự tác động lẫn nhau giữa gia đình với các thiết chế xã hội khác (nhà trường, nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức văn hoá, chính trị, tôn giáo v.v...).

Nhưng mặt thứ hai đáng chú ý là: *Gia đình là một nhóm tâm lý - tình cảm xã hội đặc thù*. Nó được duy trì và củng cố bởi các mối *quan hệ nội tại*, sự *cấu kết giữa các thành viên*, bắt nguồn từ các quan hệ huyết thống ruột thịt và quan hệ tình cảm, trách nhiệm. Gia đình là một tập thể nhỏ mà ở đó các thành viên gắn bó với nhau bằng những sợi dây liên hệ thường xuyên, lâu dài, suốt đời người. Họ quan tâm đến nhau, hy sinh cho nhau, không ngại thiệt thòi. Dù có sự xa cách, chia ly, dù xã hội có những biến thiên lịch sử, có những đảo lộn to lớn cũng khó lòng phá nổi những mối quan hệ này.

Lịch sử nước ta trải qua 30 năm chiến tranh và cách mạng đã chứng minh tính bền chặt của những mối quan hệ gia đình. Hiện nay nhiều người tìm về quê hương, họ hàng để hỏi tin tức của bố mẹ, anh em, gia đình bị thất lạc trong chiến tranh, bị chết chóc, hy sinh v.v... (đi tìm mồ mả người chết trong

chiến tranh) kể cả những Việt kiều đã rời bỏ đất nước ra đi từ nhiều năm nay.

Khi xét gia đình như một thiết chế, người ta nhấn mạnh đến mối quan hệ, tác động lẫn nhau giữa gia đình và xã hội, các chức năng của gia đình. Còn khi xem xét gia đình như một nhóm tâm lý xã hội đặc thù, người ta chú ý đến *tính độc lập tương đối của nó*, lực liên kết, sức thu hút của thành viên nhằm thoả mãn các nhu cầu riêng tư của họ.

Tóm lại, sự phát triển của gia đình chịu ảnh hưởng mạnh mẽ, *có tính quyết định* của sự biến đổi môi trường bao quanh, tự nhiên và xã hội, đồng thời gia đình có *quy luật vận động độc lập tương đối của nó*.

2. Các chức năng của gia đình trong việc xã hội hoá, hình thành nhân cách

a) *Chức năng của gia đình* là sự đóng góp của nó vào sự tồn tại của hệ thống xã hội. Gia đình được sinh ra, tồn tại và phát triển, chính do nó có sứ mệnh đảm đương những chức năng đặc biệt mà xã hội, tự nhiên đã trao cho và không một thiết chế xã

hội nào có thể thay thế được. Các chức năng đó tồn tại trong mỗi liên hệ thống nhất, tác động lẫn nhau để tạo nên con người, để xã hội hoá con người. Vì vậy, phải đặt chức năng giáo dục của gia đình trong hệ thống các chức năng khác một cách toàn diện.

- Trước hết là *chức năng tái sản xuất ra con người*, ra thế hệ tương lai. Theo quan điểm duy vật lịch sử, xã hội tồn tại và phát triển dựa trên hai cơ sở quan trọng: là tái sản xuất ra của cải vật chất và tái sản xuất ra chính bản thân con người. Việc tái sản xuất ra thế hệ tương lai, một mặt để đáp ứng yêu cầu của xã hội, mặt khác đáp ứng và thoả mãn nhu cầu của chính các thành viên gia đình, niềm vui và hạnh phúc của đôi vợ chồng. Con cái ngày càng trở thành nguồn tình cảm của bố mẹ mà không phải là hình thức đầu tư có tính chất vụ lợi cho tương lai.

- Gắn liền với chức năng tái sản xuất chính là *chức năng làm kinh tế*, lao động sản xuất, đảm bảo nguồn sinh sống cho thành viên gia đình. Tùy theo trình độ phát triển của xã hội, gia đình có thể là đơn vị kinh tế cơ sở, hoạt động chủ động và tự chủ (như ở Việt Nam hiện nay), hoặc gia đình vẫn làm kinh tế nhưng không hoạt động như một đơn vị độc lập, tự chủ. Dù trong điều kiện nào, gia đình cũng phải đảm

bảo cho các nhu cầu sinh hoạt vật chất và tinh thần của các thành viên được thoả mãn, thông qua đó gia đình đóng góp vào việc tái sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội. Đồng thời, gia đình trở thành *một đơn vị tiêu dùng* mà những yêu cầu đa dạng ngày càng phát triển của nó lại là yếu tố thúc đẩy sự phát triển sản xuất của xã hội.

- Chức năng *nuôi dưỡng, giáo dục con cái* là một chức năng hết sức quan trọng, mặc dù xã hội (nhà trường, các tổ chức quần chúng) có sự hỗ trợ, nhưng không thể thay thế được. Sự hình thành gốc nhân cách của trẻ em chịu ảnh hưởng của giáo dục gia đình. Việc hoàn thiện củng cố nhân cách con người ở tuổi trưởng thành và khi về già cũng do tác động của đời sống, sinh hoạt, văn hoá gia đình.

- Chức năng đảm bảo *sự cân bằng tâm lý, thoả mãn các nhu cầu tình cảm* cho các thành viên; gia đình ngày càng chiếm một vị trí quan trọng trong xã hội hiện đại, để củng cố sự bền vững của gia đình, giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái.

Gia đình cần thoả mãn các nhu cầu tình cảm giữa vợ chồng (kể cả sự hoà hợp về tình dục), giữa cha mẹ và con cái. Trong xã hội hiện đại, độ bền vững của gia đình không chỉ phụ thuộc vào sự ràng

buộc các mối quan hệ về trách nhiệm, nghĩa vụ giữa vợ chồng, cha mẹ con cái, ông bà già. Nó ngày càng bị chi phối bởi các mối quan hệ tình cảm, tình yêu giữa đôi vợ chồng (sự hoà hợp về tình cảm, tâm lý, tình dục), giữa cha mẹ và con cái, sự bảo đảm yêu cầu về hạnh phúc, tự do dân chủ của mỗi cá nhân trong cuộc sống chung.

Gia đình là nơi thể hiện tình cảm sâu sắc nhất. *Đời sống nội tâm gia đình* có ý nghĩa ngày càng tăng, khiến cho chức năng tình cảm và giáo dục con cái của gia đình trở nên hết sức quan trọng.

- *Chức năng bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ người ốm, người già, trẻ em* của gia đình. Mặc dù các dịch vụ y tế có phát triển đến đâu thì chức năng này vẫn rất cần thiết cho cuộc sống của các thành viên. Bởi vì đây không phải chỉ là vấn đề chữa bệnh, mà còn là việc săn sóc, an ủi kịp thời về mặt tâm lý, tình cảm, đặc biệt là với trẻ em và người già.

Tóm lại, gia đình có trách nhiệm *quản lý, tổ chức đời sống vật chất và tinh thần cho từng thành viên* thoả mãn những nhu cầu ăn, ở, học tập, giải trí, chăm lo sức khoẻ, hiện trạng tâm lý, tình cảm. Gia đình là hệ thống bảo trợ tốt nhất đảm bảo sự an toàn cho trẻ thơ phát triển, người lao động được khôi phục

sức khoẻ và lấy lại sự cân bằng tâm lý sau những giờ lao động mệt mỏi, người già có nơi nương tựa, không cảm thấy bơ vơ, cô quạnh.

Sự hình thành các chức năng của gia đình như vậy bắt nguồn từ hai yếu tố cơ bản là: *nhu cầu của xã hội* và đặc điểm của *bản thân tổ chức gia đình*. Hai yếu tố này biến đổi trong lịch sử. Có hai xu hướng hiện nay:

- Từ gia đình *đa chức năng* sang gia đình *đơn chức năng* (chuyên môn hoá). Gia đình lúc đầu là quan hệ xã hội duy nhất (Marx - Engels), gia đình là cộng đồng sinh hoạt và cộng đồng lao động, là khuôn khổ tồn tại và là thế giới của mỗi người. Dần dần cùng với sự phát triển của phân công lao động và các quan hệ xã hội, *các quan hệ gia đình tách biệt với các quan hệ xã hội*, các chức năng của gia đình được chuyên môn hoá và trở thành tương đối độc lập với xã hội và bị xã hội chi phối.

- Gia đình từ một đơn vị sản xuất tự chủ, độc lập ở một số nước (chủ yếu các nước phát triển) chuyển dần thành *một đơn vị tiêu dùng* là chủ yếu (việc tổ chức sản xuất kinh doanh do các tổ chức xã hội, tư nhân và nhà nước, chịu trách nhiệm là chính), nhiều chức năng của gia đình được các thiết

chế xã hội khác san sẻ trách nhiệm như giáo dục trẻ em, săn sóc người ốm, bảo vệ các thành viên gia đình v.v...

Hiện nay có *sự thay đổi* đáng kể trong một số chức năng của gia đình.

- Chức năng *sinh đẻ* từ một quá trình tự nhiên sang quá trình xã hội *tự giác*. Trước đây không có sự tách rời giữa chức năng sinh đẻ của gia đình với sự thoả mãn tình dục của đôi vợ chồng. Ngày nay với các biện pháp tránh thai, người ta tách được chức năng sinh đẻ ra khỏi nhu cầu đáp ứng về tình dục.

- Về chức năng *giáo dục*, trước đây giáo dục của gia đình đối với trẻ em *đồng nhất* với giáo dục xã hội. Ngày nay có sự bổ sung, hỗ trợ rất nhiều của giáo dục xã hội, qua hoạt động của các trường học, các tổ chức xã hội, đoàn thể. Vì vậy có *sự kết hợp giữa giáo dục xã hội và giáo dục gia đình*.

b) Chức năng xã hội hoá của gia đình và các yếu tố liên quan

Mục tiêu xã hội hoá, cũng như việc bồi dưỡng, xây dựng nhân cách con người của gia đình là căn cứ vào yêu cầu của xã hội, vào hệ thống giá trị thay đổi tuỳ mỗi thời kỳ lịch sử.

Gia đình tác động đến sự hình thành tình cảm, tâm lý, hành vi đối xử, hành vi văn hoá, kinh nghiệm lao động của trẻ em (qua lời nói, việc làm). Còn về thế giới quan, nhân sinh quan chủ yếu được định hình sau này trong quá trình tiếp xúc với môi trường nhà trường và cộng đồng xã hội, tuy gia đình vẫn có vai trò quan trọng.

Cùng với *nội dung xã hội hoá, phương thức, cơ cấu hoạt động xã hội hoá* của gia đình có liên quan nhiều đến *điều kiện lịch sử* của từng gia đình, vai trò các thành viên và *sự phối hợp* giữa gia đình với các thiết chế xã hội khác.

Mỗi thành viên gia đình: cha mẹ, ông bà, anh chị em (mở rộng ra họ hàng thân tộc) có ảnh hưởng đến việc hình thành nhân cách trẻ em và hoàn thiện nhân cách người lớn... Chúng ta có lúc chỉ đề cao vai trò người mẹ hiền trong việc giáo dục con cái, mà không xem trọng đúng mức vai trò người cha, hay chỉ chú ý vai trò của ông bà, nhưng lại xem nhẹ sự tác động của anh chị em trong một gia đình. Ở đây có *tác động riêng biệt, cụ thể, đặc thù của từng người* (có thể mức độ ảnh hưởng khác nhau tùy hoàn cảnh mỗi gia đình). Trong mỗi quan hệ *tác động đa phương* ấy còn có *sự phối hợp, kết hợp nhịp nhàng giữa các*

thành viên, ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách trẻ nhỏ, ổn định hoàn thiện nhân cách người trưởng thành.

Đồng thời cần chú ý đến *tác động hai chiều* từ phía người giáo dục và đối tượng giáo dục. Những lời chỉ bảo của người lớn, trẻ em có thể tiếp nhận, hoặc có thể phản ứng lại cho là không đúng v.v... Trước đây cha mẹ nói bắt các con phải nghe lời, không cãi lại, (rút cục nhiều trẻ em phản ứng ngầm và có những hành động phản kháng tiêu cực). Cần chú ý không chỉ có ảnh hưởng của người lớn tới trẻ nhỏ, người già đối với người trẻ mà có *tác động ngược lại*. Ngày nay, cùng với sự cần thiết phát huy tính năng động sáng tạo, chủ động, độc lập, tích cực của trẻ em, bố mẹ cần quan tâm đến ý kiến con cái, không thể áp đặt một chiều. Các nhà khoa học đã lưu ý chúng ta về *tác động trở lại* của con cái tới bố mẹ có ý nghĩa giáo dục, thông tin cho họ về nhiều vấn đề hữu ích. Đặc biệt trong thời đại ngày nay, trình độ xã hội hoá, phạm vi xã hội hoá của trẻ em phát triển rất nhanh, nhiều khi nhanh hơn cả bố mẹ và ông bà.

Vậy *những yếu tố nào của đời sống gia đình* ảnh hưởng đến chức năng xã hội hoá, hình thành nhân cách con người?



5. Gia đình được giải thưởng

“Gia đình văn hoá Thành phố Hà Nội năm 1994”.

Đầu tiên là *định hướng giá trị* đạo đức, thẩm mỹ, lý tưởng sống, lối sống, nếp sống gia đình, trong đó có ảnh hưởng chung của xã hội đương thời đối với các gia đình, đồng thời có những đặc điểm riêng ở từng gia đình.

Tri thức, hiểu biết của các thành viên, trước hết là của cha mẹ - trụ cột gia đình, kinh nghiệm sản xuất, kinh nghiệm sống gắn nhiều với nghề nghiệp, trình độ văn hoá của họ, tạo nên những đặc điểm riêng của môi trường xã hội hoá ở mỗi gia đình.

Điều kiện sinh hoạt vật chất và tinh thần ở mỗi gia đình, tạo thuận lợi hay gây khó khăn cho quá trình xã hội hoá trẻ em. Ví dụ, việc tiếp xúc với các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài, tivi, điều kiện học tập, giải trí v.v... của các thành viên.

Trạng thái tâm lý tình cảm giữa các thành viên, đặc biệt giữa cha mẹ với con cái, cũng có ý nghĩa lớn đến việc hình thành, phát triển nhân cách. Ví dụ, gia đình êm ấm hoà thuận, hay mâu thuẫn, lủng củng, nghi kị nhau.

Đặc biệt phải nói đến vai trò của *nền văn hoá dân tộc* và thời đại ảnh hưởng trực tiếp đến *văn hoá gia đình* là hết sức quan trọng trong sự hình thành, phát triển nhân cách con người, có nét chung ở các gia đình và có đặc điểm riêng ở từng gia đình.

Cuối cùng là *tác động của các thiết chế xã hội khác* (nhà trường, đoàn thể, nhà nước, cộng đồng làng xóm v.v...) hỗ trợ cho gia đình trong việc xã hội hoá con người. Tác động đó đến đâu, có sự phối hợp tích cực hay có trường hợp bài trừ lẫn nhau là tùy hoàn cảnh mỗi gia đình. Tác động đó đối với mỗi cá nhân lại khác nhau khi còn trẻ, lúc trưởng thành và khi về già.

Tóm lại, gia đình giữ vị trí hết sức trọng đại trong quá trình xã hội hoá và cá thể hoá con người, từ khi sinh ra đến lúc chết. Ở các lứa tuổi khác nhau, ở các loại gia đình khác nhau, vai trò trên lại có những đặc điểm khác nhau. Ở đây thể hiện rõ sự *tác động tổng hợp của nhiều yếu tố và sự kết hợp đan xen giữa các chức năng*. Chức năng giáo dục có mối liên hệ trực tiếp với chức năng thoả mãn các nhu cầu tình cảm, tâm lý của mỗi cá nhân, đồng thời cũng chịu ảnh hưởng của việc thực hiện chức năng nuôi dưỡng, chăm lo sức khỏe, sinh hoạt vật chất của các thành viên. Nghệ thuật điều chỉnh, phối hợp nhịp nhàng, đúng lúc, giữa các yếu tố và các chức năng kể trên là bí quyết thành công của quá trình gia đình giáo dục các thành viên. Vai trò đó thuộc về người bố, hay người mẹ, ông hay bà, là tùy trường hợp cụ thể; nhưng hai nhân vật chính là người bố và người mẹ: sự thoả thuận, nhất trí của họ về nội dung và phương pháp giáo dục con cái. Người ta thường nói:

người cha thể hiện uy quyền, còn người mẹ là tình thương, anh em là sự ganh đua và cả gia đình là sự đoàn kết.

Gia đình giúp trẻ em trưởng thành cả về *thể chất, trí tuệ* và *tình cảm*. Đứa trẻ sẽ có tính *tự chủ* cao khi có sức mạnh vật chất (cơ thể), có năng lực trí tuệ và sự thăng bằng về tình cảm.

Đối với trẻ em, *sự an toàn* là hết sức quan trọng, an toàn về vật chất, an toàn về tinh thần. Ba yếu tố chính tạo nên sự an toàn của đứa trẻ là: tình *yêu thương* của cha mẹ, gia đình, sự *chấp nhận* (là thành viên gia đình mong đợi), sự *ổn định* của môi trường gia đình. Một đứa trẻ được yêu thương là đứa trẻ có hạnh phúc. Mỗi quan hệ giữa cha mẹ, con cái, thành viên gia đình thể hiện tình thương, sự hy sinh vô điều kiện và liên tục cả đời người.

IV. MỘT VÀI QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN VẤN ĐỀ

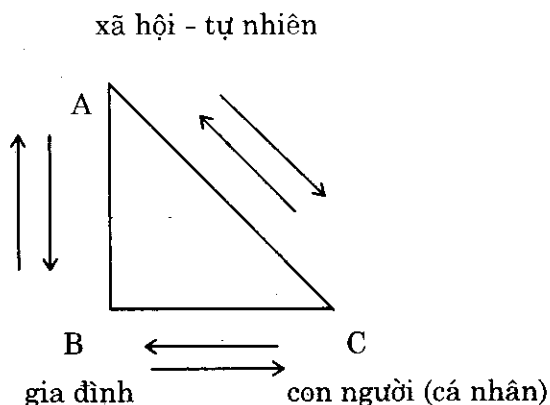
1. Nghiên cứu vai trò của gia đình trong sự hình thành nhân cách phải có sự tiếp cận phức hợp và hệ thống

Gia đình là một thiết chế xã hội, là tế bào cơ sở, cần nghiên cứu gia đình và hoạt động của nó trong

mối quan hệ tác động hai chiều, giữa *gia đình và xã hội* nói chung, gia đình với các thiết chế xã hội khác nói riêng, như là *một bộ phận trong tổng thể*, có cấu trúc chặt chẽ.

Việc xã hội hoá con người và hình thành phát triển nhân cách của họ được đặt ra trong mối quan hệ giữa cả *tự nhiên và xã hội* và trong sự tác động qua lại hai chiều giữa *cá nhân, gia đình - xã hội*.

Mối quan hệ giữa ba yếu tố: xã hội tự nhiên - gia đình - cá nhân đặt trong một tam giác ba cạnh có một góc vuông thể hiện sự tác động ngược chiều và xuôi chiều giữa ba yếu tố đó, đồng thời gia đình ở vị trí góc vuông. Chúng tôi muốn nhấn mạnh đến vị trí gia đình như *cầu nối giữa cá nhân và xã hội*.



Gia đình và con người (cá nhân) đều chịu ảnh hưởng *trực tiếp* của xã hội - tự nhiên (A), của các thiết chế xã hội khác (nhà trường, cơ quan, đoàn thể.v...) $A \rightarrow B$; $A \rightarrow C$; cá nhân (C) chịu ảnh hưởng gián tiếp của xã hội thông qua gia đình $A \rightarrow B \rightarrow C$, gia đình (B) cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp của xã hội thông qua con người $A \rightarrow C \rightarrow B$.

Ngược lại, gia đình - con người đều tác động *trực tiếp* lại xã hội tự nhiên, $B \rightarrow A$; $C \rightarrow A$ cũng như gia đình và con người tác động *gián tiếp* đến xã hội - tự nhiên thông qua trung gian, $B \rightarrow C \rightarrow A$; $C \rightarrow B \rightarrow A$.

Như vậy xã hội - gia đình - con người đặt trong một hệ thống, một tổng thể có mối liên hệ *phụ thuộc*, ảnh hưởng lẫn nhau, đồng thời gia đình, con người lại có sự *tồn tại độc lập* tương đối, đem lại những nét đặc thù trong hoạt động của mỗi yếu tố ở từng trường hợp cụ thể. Ví dụ, trong sự phát triển của cơ chế thị trường nước ta hiện nay, mỗi gia đình chịu ảnh hưởng của xã hội một cách khác nhau (tuy có những nét chung), có sự thích ứng khác nhau và tác động khác nhau trong việc giáo dục con cái v.v...

Quan điểm tiếp cận hệ thống cũng thể hiện ngay việc phân tích chức năng xã hội hoá của gia

đình, đặt trong mối liên hệ và tác động lẫn nhau với các chức năng khác (sinh đẻ, nuôi dưỡng, v.v...) trong một tổng thể hoạt động của gia đình, khó tách rời. Đồng thời cũng chú ý tác động của các thiết chế xã hội khác, tính đa phương trong việc hình thành phát triển nhân cách con người, mà không chỉ có gia đình.

Dù sao, chúng ta cũng thấy rằng gia đình là cầu nối giữa cá nhân và xã hội, là khâu trung gian rất cơ bản giữa con người và xã hội, đặc biệt trong giai đoạn hình thành nhân cách của trẻ nhỏ.

2. Quan điểm tiếp cận phức hợp và hệ thống gắn liền với quan điểm phát triển lịch sử cụ thể.

Đặt con người, gia đình trong sự phát triển biến đổi của đất nước, của thời đại về các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội để hiểu được vai trò ảnh hưởng của gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người, lịch sử và hiện tại. Cần chú ý đến đặc điểm phát triển kinh tế, phương thức sản xuất ở từng vùng, từng dân tộc, đặc điểm văn minh thời đại (văn minh nông nghiệp, công nghiệp, hậu công nghiệp v.v...), đặc điểm văn hoá phương Đông, phương Tây, đặc điểm văn hoá dân tộc bản địa và các luồng văn hoá du

nhập. Như vậy, là cần phải xem xét *tác động tổng hợp* của môi trường tự nhiên và xã hội trong thời kỳ lịch sử đến con người, gia đình và chức năng giáo dục của nó.

Quan điểm phát triển đòi hỏi xem xét vai trò gia đình *theo chiều dọc của thời gian*, sự biến đổi của gia đình qua các thời kỳ lịch sử của dân tộc Việt Nam. Do đó tác động của nó cũng thay đổi theo *quy luật vận động có kế thừa và đổi mới*. Mục tiêu của gia đình trong việc rèn luyện nhân cách các thành viên đã thay đổi trong quá trình phát triển lịch sử, nhưng không phải là sự cắt đứt giữa truyền thống và hiện tại, mà sự *kế thừa có chọn lọc*. *Nhân cách con người Việt Nam trong lịch sử có những nét đặc trưng, những giá trị đạo đức tinh thần cần được giữ gìn phát huy trong giai đoạn mới.*

Đồng thời cũng không thể coi nhẹ cách xem xét trong *không gian*, theo *chiều ngang*, mối quan hệ giữa gia đình với xã hội đương thời, với các thiết chế xã hội đương thời. Tổng hợp tác động của các yếu tố đó đối với gia đình, con người, trong điều kiện *lịch sử cụ thể*. Hiện nay cần xem xét con người Việt Nam, gia đình Việt Nam trong bước *chuyển đổi kinh tế - xã*

hội hết sức lớn lao của những năm 90 và trong bối cảnh *thời đại mới*. Đất nước ta đang từ mô hình của chủ nghĩa xã hội nhà nước chuyển sang nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự chuyển biến đó có tác động sâu xa đến sự phát triển nhân cách mỗi cá nhân, vai trò của gia đình hiện nay và sắp tới đây.

3. Chúng ta đánh giá đúng tác động có ý nghĩa quyết định của các điều kiện kinh tế đối với sự biến đổi của gia đình và hoạt động của nó, đồng thời cần chú ý tới sự vận động độc lập tương đối của gia đình.

Quan điểm duy vật lịch sử nhấn mạnh đến vai trò quyết định của các yếu tố kinh tế, của sự phát triển kinh tế, đối với sự đổi mới của xã hội, của gia đình, của con người và nhân cách của họ, điều đó là đúng. Nhưng trong sinh hoạt nội tại của mỗi gia đình, cũng như quá trình xã hội hoá con người, thì rõ ràng không thể đơn giản lấy yếu tố kinh tế để giải thích mọi hiện tượng xảy ra trong đời sống gia đình, trong các diễn biến tình cảm, tâm linh, ý chí của mỗi thành viên. Bởi vì gia đình là một nhóm tâm lý tình cảm đặc thù mà các quan hệ họ hàng, ruột thịt, trách

nhiệm và tình thương đã tạo nên lực liên kết nội tại mạnh mẽ. Đồng thời ở mỗi cá nhân, cách ứng xử, phản ứng của họ với các sự kiện xã hội lại diễn ra rất phức tạp, thông qua *cái tôi chủ quan*, và ảnh hưởng môi trường gia đình rất lớn, đặc biệt ở giai đoạn vị thành niên.

Quan điểm lịch sử cụ thể cũng đòi hỏi xem xét các đối tượng nghiên cứu (gia đình - con người) trong mối *quan hệ giữa cái chung và cái riêng*, cái phổ biến và cái đặc thù. Gia đình Việt Nam, con người Việt Nam có những nét chung, đồng thời ở *mỗi tầng lớp, giai cấp xã hội* lại có đặc điểm riêng: gia đình trí thức, công nhân, nông dân, nhà buôn có những nét riêng biệt trong sinh hoạt đời sống và trong giáo dục con cái. Cần nghiên cứu so sánh những đối tượng gia đình cụ thể trong việc hình thành phát triển nhân cách các thành viên.

Ở đây, *việc kế thừa kết quả nghiên cứu* đã có cũng rất quan trọng, vì trách nhiệm, vai trò của gia đình trong việc giáo dục con cái vẫn được xem là một chức năng trọng đại từ xưa đến nay. Ở Việt Nam, cũng như trên thế giới trong nhiều thế hệ, đã có nhiều

học giả, các nhà giáo dục học, tâm lý học đã quan tâm bàn bạc, nghiên cứu về vấn đề này. (xin xem các tài liệu tham khảo).

Tuy nhiên *sự đổi mới về quan điểm, cách xem xét vấn đề cần hết sức được lưu ý*. Với bước chuyển biến của thế giới sang thế kỷ XXI, thì sự đổi mới của xã hội, gia đình, con người Việt Nam hiện nay và tương lai sẽ chịu nhiều sức ép và có nhiều biến động lớn. Yêu cầu của xã hội đối với mỗi cá nhân, đồng thời sự đòi hỏi của cái tôi đối với gia đình, đối với xã hội cũng khác trước. Họ đang vươn tới *tính độc lập tự chủ cao, sự phát huy cá tính mạnh mẽ v.v...* Vì vậy, việc *dự đoán tương lai phát triển của gia đình, của con người Việt Nam*, các vấn đề cần đón trước cũng là một nhiệm vụ đặt ra tuy chưa thể đi sâu và có khả năng giải đáp đầy đủ.

Chương II

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM VÀ CHỨC NĂNG GIÁO DỤC CON NGƯỜI QUA CÁC GIAI ĐOẠN LỊCH SỬ CỦA ĐẤT NƯỚC (TRƯỚC ĐỔI MỚI)

I. NGHIÊN CỨU SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ ĐỂ HIỂU ĐƯỢC GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG VIỆC XÃ HỘI HOÁ CON NGƯỜI

Nhận dạng cho rõ gia đình Việt Nam xưa và nay là một *nhiệm vụ* và là *nội dung* rất quan trọng của việc nghiên cứu gia đình, từ đó mới hiểu được vị trí, vai trò của nó trong việc hình thành, bồi dưỡng nhân cách con người Việt Nam qua *các thế hệ* cho tới ngày nay.

Xuất phát từ *quan điểm phát triển*, cần gắn sự phát triển của gia đình với sự phát triển của dân tộc, của xã hội Việt Nam trong lịch sử và hiện tại. Chính những nhu cầu nội tại của xã hội, của con người Việt Nam, ở mỗi giai đoạn lịch sử là những căn cứ có giá trị khoa học để hiểu và có những nhận định đúng đắn về gia đình Việt Nam.

1. Sự phát triển của gia đình Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

Mỗi một nước, một dân tộc đều có quá trình phát triển đặc thù của mình, không giống bất cứ một nước nào, một dân tộc nào trên thế giới. Sự biến đổi của gia đình, tế bào xã hội, một đơn vị cơ sở, tất yếu không tách rời quá trình biến đổi của dân tộc, của đất nước mình. Đồng thời xã hội Việt Nam, cũng như mọi xã hội khác, lại luôn chịu ảnh hưởng của những sự kiện, những đổi mới về kinh tế, văn hoá của thế giới, của nền văn minh thời đại.

Cần nhấn mạnh rằng *trình độ văn minh của mỗi thời đại* đã có ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống, cấu trúc, chức năng các quan hệ nội bộ gia đình, tạo nên những *nét phổ biến* trong sự biến đổi của gia đình trên thế giới.

Nói đến nền văn minh là nhắc tới những *đặc điểm tổng hợp* của trình độ phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, mối quan hệ giữa người với người ở mỗi thời đại lịch sử của nhân loại. Ở đây chúng tôi chú ý các ảnh hưởng đến các mối quan hệ nội bộ gia đình.

Trong nền *văn minh nông nghiệp* - Gia đình là giường cột của xã hội (tề gia - trị quốc - bình thiên hạ). Với nền sản xuất nông nghiệp tự cấp tự túc, gia đình là đơn vị tổ chức sản xuất tự chủ.

Hôn nhân do cha mẹ, đôi khi cả họ hàng, dòng họ áp đặt. *Lợi ích cá nhân phải phục tùng lợi ích gia đình, gia tộc*. Vai trò người con trai rất được coi trọng. Việc thờ phụng tổ tiên, dòng họ được đề cao. Người con trai trưởng có nhiều quyền hành và quyền lợi. Còn người phụ nữ ở vào địa vị phụ thuộc, thấp hèn. Lao động sản xuất và lao động nội trợ gia đình, đặc biệt với phụ nữ, có sự xen kẽ, kết hợp, không có sự phân biệt rõ ràng. Trẻ em phải lao động sớm, không có thời kỳ niên thiếu, không được học hành, vui chơi. Việc nuôi nấng, giáo dục trẻ em, chăm sóc người ốm, người già hoàn toàn do gia đình đảm nhiệm. Do thiếu các phương tiện thông tin đại chúng, nên cơ bản trẻ em chịu sự giáo dục độc quyền

của gia đình. *Gia đình sống nhiều thế hệ*, với chế độ đa thê và những khó khăn, cấm đoán trong việc ly dị. *Quy mô gia đình thường lớn*, tuy tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh rất cao và tuổi thọ người già còn thấp.

Nền văn minh công nghiệp ra đời cùng với sự phát triển các ngành công nghiệp máy móc, kỹ thuật, sự hình thành nhiều nhà máy, xí nghiệp, nhiều đô thị lớn tập trung, thu hút dân cư từ nông thôn ra thành thị. Việc thuê lao động phát triển nhanh, trong đó có đông đảo phụ nữ tham gia. Gia đình không còn là đơn vị sản xuất tự chủ, mà gồm những người làm thuê, công nhân viên chức ăn lương, hoặc chủ xí nghiệp, các nhà quản lý kinh doanh v.v... Phụ nữ tham gia sản xuất ở các địa điểm tập trung, xa gia đình, con cái. Công việc nội trợ gia đình trở thành gánh nặng cho họ, làm không được hưởng lương. Còn người làm nội trợ lại bị coi là thất nghiệp, không đem lại lợi ích kinh tế cho gia đình.

Hôn nhân của đôi nam nữ ngày càng trở thành sự tự do lựa chọn, mà không phải là sự áp đặt của cha mẹ, họ hàng. *Lợi ích cá nhân, hạnh phúc cá nhân ngày càng được chú trọng*, cùng với sự khẳng định, bảo vệ của nhà nước về quyền tự do cá nhân. Nhiều chức năng của gia đình được các thiết chế xã

hội khác hỗ trợ như chăm sóc trẻ em, người ốm, người già, phát triển các dịch vụ gia đình ... Xã hội cũng can thiệp sâu hơn vào một số công việc của gia đình (ví dụ khuyến khích hay hạn chế việc sinh đẻ, tạo điều kiện dễ dàng hay khó khăn cho việc nạo, phá thai, ly hôn, chung sống không kết hôn v.v...)

Cơ cấu gia đình hai thế hệ là phổ biến, tuổi thọ con người tăng lên, vấn đề chăm sóc người già, người sống cô đơn, nổi lên gay gắt trong một số nước. Quy mô gia đình nhỏ đi nhiều, số con sinh ra chỉ một hay hai đứa, quan hệ anh em ruột thịt ngày càng ít đi, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy trẻ. Đồng thời, tỷ lệ ly hôn tăng nhanh, mỗi người đàn ông hay đàn bà lại nhiều lần tái hôn, khiến cho con cái họ sinh ra có nhiều mối quan hệ phức tạp với nhiều ông bố, bà mẹ khác nhau, không có lợi cho sự phát triển tình cảm và nuôi dạy chúng. Tình trạng trẻ em bị bố mẹ bỏ rơi không săn sóc, hay những gia đình một mình người phụ nữ nuôi, dạy con cái, rất khó khăn và vất vả cũng phát triển. Đồng thời, thời gian con cái sống phụ thuộc vào bố mẹ kéo dài, từ tuổi trẻ thơ đến tuổi thanh niên, học xong đại học 24, 25 tuổi, gia đình vẫn chịu trách nhiệm nuôi dưỡng, lo toan mọi nhu cầu. Thời gian chung sống của các cặp vợ chồng cũng

kéo dài hơn trước, do tuổi thọ tăng lên và thường họ ít sống cùng con cái đã trưởng thành.

Ngày nay cùng với những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ thế giới, chúng ta đang bước vào *nền văn minh hậu công nghiệp* hay văn minh tin học, với sự phát triển cao của trí tuệ. Lao động trí óc thay thế lao động chân tay, đem lại những thành tựu tuyệt vời trong mỗi lĩnh vực sản xuất và hoạt động xã hội. Ở nhiều nước trên thế giới, khu vực sản xuất của cải vật chất chỉ còn chiếm tỷ lệ khoảng 40% trong nền kinh tế quốc dân, còn 60% hay cao hơn thuộc khu vực dịch vụ xã hội. Do đó, gánh nặng công việc gia đình được giảm nhẹ, con người (đặc biệt là phụ nữ) được giải phóng bớt các khâu lao động chân tay, mệt nhọc, năng suất thấp khiến họ có nhiều thời gian nghỉ ngơi, học tập, giải trí, vui chơi với gia đình.

Gia đình Việt Nam hiện nay đang chịu ảnh hưởng đồng thời của ba nền văn minh nói trên, trong sự đan xen và mâu thuẫn (mà chương sau chúng tôi sẽ phân tích), nói lên những đặc điểm phát triển của gia đình ở mỗi nước. Đồng thời gia đình Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của *văn hoá phương Đông* (khác với văn hoá phương Tây), của *văn hoá khu vực*

Đông Nam Á, cùng với nhiều *tôn giáo* vốn đã tồn tại lâu đời trên thế giới như đạo Phật, đạo Thiên chúa, đạo Hồi v.v... Những vấn đề nêu trên đây giúp chúng ta hiểu được rằng: bên cạnh những đặc điểm riêng biệt, độc đáo, tiến trình phát triển của gia đình Việt Nam vẫn bao hàm những *nét phổ biến*. Mặc dù chúng ta thừa nhận rằng: thể chế gia đình rất bền vững, lịch sử gia đình không nhất thiết thay đổi (lập tức, rập khuôn) theo lịch sử phát triển của xã hội, nhưng bước tiến của gia đình không thể tách rời bước tiến của nhân loại.

2. Vị trí của gia đình ở Việt Nam trong lịch sử và hiện tại

Việt Nam là một nước nông nghiệp ở phương Đông, gia đình từ xưa đến nay vẫn có một ý nghĩa hết sức hệ trọng. Xã hội Việt Nam với nền *văn minh lúa nước*, về cơ bản là *sống định cư* và lấy gia đình làm đơn vị gốc. Vì vậy tình cảm, tâm lý con người Việt Nam gắn với gia đình rất bền chặt, gia đình lại không tách rời họ và làng. Đó là một trong ba mắt xích cho phép hiểu sâu sắc đất nước, con người, lịch sử Việt Nam. Gia đình (nhà) - làng - nước, sự gắn bó

mật thiết giữa ba yếu tố đó là nét đặc thù của quá trình phát triển dân tộc, đất nước Việt Nam.

Việc nhận dạng gia đình Việt Nam trước đây và hiện nay, cùng với chức năng đào tạo, bồi dưỡng con người là kết quả sự phân tích đời sống xã hội Việt Nam, cũng như bản thân cuộc sống gia đình trong các mối quan hệ nội tại giữa các thành viên, trong mối quan hệ giữa gia đình - làng - nước. Bởi vì từ quan niệm đến hình thức tổ chức gia đình, vai trò, chức năng của nó đều bắt nguồn từ đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hoá Việt Nam, từ trình độ phát triển của xã hội (cách tổ chức sản xuất, chế độ chính trị xã hội v.v...) trong từng thời kỳ lịch sử, do đó cũng xuất phát từ yêu cầu nội tại của các gia đình, dưới tác động của môi trường kinh tế, văn hoá hộ sinh sống.

Xét về vai trò của *yếu tố kinh tế* đến đời sống gia đình thì ở Việt Nam đã có sự tồn tại lâu dài của chế độ ruộng công định kỳ phân chia lại ở các làng xã, với *nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước*, tự cấp tự túc. Ngày nay chúng ta đang chuyển dần sang nền kinh tế mới, có sự phát triển của công nghiệp, thương nghiệp, của nền kinh tế hàng hoá và cơ chế thị trường. Tuy nhiên, nhìn chung đến nay vẫn là nền kinh tế nông nghiệp dưới dạng hộ gia đình, tiểu

sản xuất, quy mô nhỏ, kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, sự giao lưu hàng hoá chưa mở rộng ở nhiều xã, đặc biệt là ở vùng núi và thôn quê hẻo lánh.

Xét về cách *tổ chức xã hội* sự phân chia làng, xã, quận, huyện cổ truyền, có sự thay đổi quy mô, sát nhập, tách ra và đổi tên v.v... nhưng dáng dấp làng xã cũ, kiểu công xã nông thôn còn đậm nét ở nông thôn Việt Nam. Mỗi làng gồm một số họ, mỗi họ có nhiều gia đình, bà con hàng xóm thường có quan hệ thân tộc gần xa. Những năm gần đây phát triển các phong trào tìm họ, họp dòng họ nhiều đời, gây lại thanh thế cho các họ lớn có nhiều người làm quan, trí thức, cán bộ cách mạng v.v...

Về *chế độ chính trị*, nước ta đã có những thay đổi căn bản từ chế độ phong kiến, thực dân sang chế độ dân chủ nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, nhiều phong tục tập quán, lệ làng trong sinh hoạt cộng đồng làng xã dường như vẫn được giữ lại đến ngày nay, không mấy thay đổi. Những năm gần đây các hội hè lại được khôi phục, lấy đình chùa làm nơi hội họp của đông đảo dân làng.

Về ảnh hưởng của *các nền văn hoá và tôn giáo* thì có sự đan xen và chung sống của các đạo lớn là Nho, Phật, Lão, Thiên chúa giáo và Hồi giáo, cùng

với các tín ngưỡng địa phương, đồng thời có sự hoà nhập và cùng tồn tại của các nền văn hoá cổ truyền, văn hoá phương Đông, văn hoá phương Tây, văn hoá mác-xít.

Gia đình là một xã hội thu nhỏ, các yếu tố xã hội đã tác động đến sinh hoạt gia đình đậm, nhạt khác nhau ở từng thời kỳ lịch sử của dân tộc và tùy phản ứng của mỗi gia đình. Vì nhân cách mang tính xã hội, nên khi cách nhìn nhận của xã hội và yêu cầu của xã hội đối với con người thay đổi thì bản thân nhân cách cũng chuyển đổi tương ứng.

Do vậy, cần nghiên cứu (bước đầu có thể chưa sâu) về tình hình gia đình Việt Nam ở những giai đoạn lịch sử cơ bản, xem xét tác động của gia đình ở mỗi giai đoạn đến việc xây dựng nhân cách con người, sự thay đổi và phát triển về nội dung và biện pháp thực hiện v.v... Có ý kiến nhấn mạnh rằng từ gia đình truyền thống đến gia đình hiện tại, *gia đình Việt Nam không bị giải thể* (chỉ có chế độ chính trị cũ bị giải thể) *mà nó lớn lên và chuyển hoá.*

Chúng tôi có thể tạm chia làm năm giai đoạn:

- Gia đình truyền thống (trước thời kỳ Pháp sang xâm lược)
- Gia đình thời Pháp thuộc

- Gia đình Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ chống Pháp và chống Mỹ

- Gia đình Việt Nam thời kỳ tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa

- Gia đình Việt Nam hiện nay, trong thời kỳ đổi mới

Sự phân chia này là tương đối, có thể có nhiều cách chia khác nhau. Ví dụ, trong thời kỳ Pháp thuộc đã có phong trào yêu nước chống Pháp, hay thời kỳ tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, thì cuộc đấu tranh chống Mỹ vẫn được tiến hành trong cả nước. Cách phân chia của chúng tôi có căn cứ vào đặc điểm xã hội, ảnh hưởng đến đặc điểm gia đình và đặc điểm nhân cách con người ở từng giai đoạn lịch sử kể trên.

3. Vai trò đặc biệt quan trọng của văn hoá gia đình trong chức năng xã hội hoá con người

Quá trình xã hội hoá là *quá trình chuyển giao các nền văn hoá giữa các thế hệ*

Quan hệ ứng xử trong nội bộ gia đình và giữa gia đình với xã hội được hình thành liên tục qua các thế hệ, dưới những hình thức thành văn và không

thành văn: gia lễ, gia phong, gia kỷ, v.v... Gia phong của đại bộ phận các gia đình trong một dân tộc, một quốc gia được coi như cơ sở của *nền văn hoá gia đình*, một bộ phận của nền văn hoá chung của dân tộc.

Do đó, bàn về vấn đề hình thành, phát triển nhân cách con người Việt Nam không thể tách rời việc nghiên cứu ảnh hưởng của các nền văn hoá đã và đang tồn tại ở nước ta. Nghiên cứu vai trò của gia đình Việt Nam trong việc xã hội hoá con người cũng không thể tách rời việc xem xét đến *nội dung* của văn hoá gia đình, ảnh hưởng của nó đến việc giáo dục trẻ em, ổn định và hoàn thiện nhân cách người đã trưởng thành trước đây và hiện nay.

Các nền văn hoá đã có trong lịch sử dân tộc Việt Nam và hiện còn ảnh hưởng đến ngày nay, có thể kể đến các nền văn hoá chính sau đây:

- Văn hoá bản địa truyền thống Việt Nam.

- Các Đạo Nho - Phật - Lão (phương Đông), (Đạo Hồi chỉ có một phạm vi rất hẹp ở người Chăm).

- Văn hoá phương Tây và đạo Thiên chúa (có sự kết hợp đạo Tin lành, đạo Cao Đài).

- Văn hoá mác-xít xã hội chủ nghĩa và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Các nền văn hoá này đều có ảnh hưởng đến con người (định hướng giá trị - quan niệm về nhân cách con người v.v...), gia đình Việt Nam (nội dung - phương pháp giáo dục của gia đình v.v...) và đến văn hoá gia đình với mức độ khác nhau, cần được nghiên cứu, lý giải một cách nghiêm túc. Ở đây chúng tôi coi *các tôn giáo* như các dạng văn hoá đã có nhiều ảnh hưởng trong đông đảo quần chúng.

Có thể nói rằng con người có nhân cách là con người có văn hoá. Đã có nền văn hoá truyền thống Việt Nam, có nhân văn Việt Nam. Vì vậy cần nghiên cứu đi sâu vào các nền văn hoá Việt Nam, văn hoá gia đình truyền thống Việt Nam, để hiểu được ảnh hưởng của di sản đó đến chức năng xã hội hoá của gia đình hiện nay. Đó là những nội dung mà chúng tôi cố gắng đóng góp, dù là một phần rất nhỏ.

II. GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG VÀ ĐẶC ĐIỂM GIÁO DỤC CỦA GIA ĐÌNH TRUYỀN THỐNG

1. *Đặc điểm xã hội truyền thống và giáo dục của gia đình truyền thống*

Xã hội Việt Nam truyền thống có đặc điểm nổi bật là sự tồn tại lâu dài của *phương thức sản xuất*

châu Á, không trải qua chế độ nô lệ, chế độ phong kiến phát triển không điển hình, có sự ổn định của tổ chức xã hội nông thôn, những yếu tố tự trị của sinh hoạt làng xã tồn tại song song với chế độ đẳng cấp phong kiến và sự chuyên chế của vua quan phong kiến.

Dân tộc Việt Nam từ xa xưa sống dựa vào *nông nghiệp*, trồng lúa nước, có kết hợp với chăn nuôi, thủ công nghiệp, khai thác rừng (chưa có sự phân công giữa nông nghiệp và chăn nuôi, nông nghiệp và thủ công nghiệp), chế độ ruộng công định kỳ phân chia cho nhân dân các làng xã, kéo dài nhiều thế kỷ, mặc dầu chế độ tư hữu ruộng đất dần dần hình thành và được mở rộng (ruộng công còn tồn tại ở nông thôn Việt Nam đến thời kỳ cải cách ruộng đất những năm 1952 - 1953).

Cơ cấu xã hội được hình thành với người nông dân là lớp người đông đảo nhất và một tỷ lệ nhỏ *tầng lớp địa chủ, trí thức, thợ thủ công, người buôn bán*, có bộ máy kỳ hào, quan lại giúp việc cho nhà nước quản lý đất nước.

Do đặc điểm địa lý ở khu vực Đông Nam Á, là vùng nhiệt đới có gió mùa, Việt Nam, có bờ biển dài có nhiều thuận lợi, nhưng cũng luôn luôn bị thiên

tai, bão lụt. Sản xuất lúa nước lại đòi hỏi phải có *hoạt động thuỷ lợi* để đảm bảo tưới tiêu, chống hạn, chống úng. Vì vậy, cộng đồng dân cư phải tìm ra một cách tổ chức xã hội thích hợp để có thể dễ dàng liên kết các hộ, liên kết làng xóm cùng làm thuỷ lợi, chống thiên tai, hạn hán, thú dữ. Do đó, *hộ gia đình từ rất sớm là hình thức tổ chức sản xuất thích hợp nhất cho nền kinh tế trồng lúa nước* và cũng thích hợp với chế độ định kỳ quân phân ruộng đất cho các dân đinh trong xã. Ngay từ xa xưa, tuy có thể có những gia đình lớn, nhiều thế hệ, nhưng gia đình hạt nhân với bố mẹ, con cái đã trở thành hình thức gia đình phổ biến của đất nước trước đây ⁽¹⁾.

Trong gia đình truyền thống, chế độ phụ quyền chiếm ưu thế, họ hàng, làng xã cũng có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống các thành viên. Gia đình đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của hệ tư tưởng Nho giáo, đồng thời các tư tưởng cộng đồng làng xã vẫn song song tồn tại dai dẳng.

Trong xã hội truyền thống *đội ngũ trí thức là các nhà nho* làm nhiệm vụ giáo dục thế hệ trẻ

⁽¹⁾ Xin xem phụ lục về việc tách hộ sớm của gia đình Việt Nam trong lịch sử.

(nhưng cũng chỉ có một số con của các gia đình khá giả được học tập). Nhưng những hệ thống quy tắc đạo đức, chỉ đạo mối quan hệ giữa các thành viên gia đình và hệ thống thân tộc họ hàng vẫn được truyền thụ từ thế hệ này sang thế hệ khác, bằng truyền miệng và nhiều hình thức không thành văn khác của giáo dục gia đình: đạo đức kính trên, nhường dưới, lợi ích cá nhân phục tùng lợi ích của gia đình, của dòng họ, lòng biết ơn cha mẹ, lấy chữ hiếu làm đầu, kính trọng ông bà và coi trọng việc thờ phụng tổ tiên. Tư tưởng trọng nam khinh nữ và việc thừa nhận chế độ đa thê đã đẩy người phụ nữ xuống địa vị thấp hèn. Mô hình gia đình lý tưởng lúc này là gia đình ăn ở thuận hoà, trên dưới có nề nếp, lễ nghĩa được tôn trọng và lắm con, nhiều cháu (nhiều con, nhiều của).

Trong xã hội truyền thống có ba loại gia đình tiêu biểu: gia đình nông dân, gia đình nhà nho, gia đình danh giá (quan lại, giàu sang). Gia đình nông dân, đáng chú ý là *gia đình trung nông*, chú ý dạy con cách làm ăn, cách làm người trong *hoạt động kinh tế*, chỉ dẫn kèm cặp các kinh nghiệm sản xuất, trông trọt chăn nuôi và cách ứng xử, đối xử với gia đình, họ hàng, làng xóm bằng truyền miệng, bằng việc làm thực tế của cha mẹ v.v... Còn các *gia đình*

nhà nho luôn chú ý giáo dục con cái thông qua sách vở của Thánh Hiền và truyền thống, dòng dõi ông cha. Các gia đình danh giá có gia huấn ca dạy con cái kết hợp tình cảm với lời lẽ văn chương.

Trong hoàn cảnh trên, *giáo dục gia đình là chính, có ý nghĩa quyết định và quan trọng nhất.* Việc học tập của trẻ em - mà chỉ có con trai được học, được tổ chức ở một vài lớp học quy mô nhỏ tại nhà, do các thầy đồ đảm nhiệm và học chữ Nho, nặng về đạo lý làm người. Con cái nông dân cũng có một số ít được học và học một vài năm cho biết "vài ba chữ", chỉ có con cái nhà nho, nhà giàu có, được học nhiều để thi làm quan. Như vậy, đại bộ phận trẻ em chịu sự giáo dục của cha mẹ tại nhà, thông qua sinh hoạt gia đình và lao động giúp gia đình (trẻ em tham gia lao động rất sớm, việc nhà, việc đồng áng). Do đó việc trưởng thành về thể chất, *sự phát triển nhân cách gắn liền với việc giáo dục của gia đình*, việc tham gia vui chơi với bạn bè trong ngõ xóm. Các mối quan hệ bạn bè, xóm giềng, thôn xã cũng đáng lưu ý, như tục ngữ Việt Nam xưa đã có câu "Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng" để phản ánh tác động quan trọng của môi trường xã hội.

Con người chịu sự giáo dục của cha mẹ, ông bà,

họ hàng, làng xóm, nhằm tạo ra *con người cộng đồng* của nhà, của họ, của làng nước, *không có cá nhân, cũng không có nhân cách độc lập*. Như vậy, một đặc điểm đáng chú ý trong sự hình thành nhân cách con người Việt Nam truyền thống (mà còn ảnh hưởng cho tới ngày nay) đó là *không phải cá nhân, lợi ích cá nhân, cá tính của con người được đề cao* như ở các xã hội phương Tây, mà *lợi ích gia đình - của tập thể gia đình* (mở rộng ra là của họ hàng, dòng họ) là yếu tố hàng đầu, rất được coi trọng trong xã hội Việt Nam. Điều đó cũng có nghĩa là đơn vị đối tác của xã hội không phải là cá nhân, mà là gia đình.

Nuôi dạy con cho "thành người" là lý tưởng của bố mẹ. Khái niệm "thành người" có nghĩa là người có nhân cách. Trong xã hội thời đó, người có nhân cách là người thực hiện tốt các chức vị đối với gia đình (là con, là anh, chị, em, là chồng hoặc vợ, là bố hay mẹ, là ông hoặc bà v.v...), đối với làng xã và đối với đất nước.

Với người trí thức, nhân cách còn thể hiện ở thái độ chăm chỉ học tập sách Thánh hiền, thi cử đỗ đạt, mang lại vinh dự cho gia đình, quê hương. Nếu không đỗ đạt thì ít nhất cũng làm thầy đồ tại thôn xóm. Với *lớp quan lại*, người có nhân cách là người

thực sự đem lại lợi ích cho dân, cho đất nước.

Với người lao động bình thường thì nhân cách là biết lao động tốt để nuôi sống gia đình và đóng góp cho làng xóm. Với người phụ nữ, nhân cách còn có nghĩa là rèn luyện để khi lấy chồng sẽ có thể làm vợ hiền, dâu thảo, gánh vác được công việc của nhà chồng, sinh con, nuôi dạy con khôn lớn, gây dựng cho con cái, hy sinh cho chồng con, giữ gìn gia đình êm ấm, thuận hoà.

Trong suốt nhiều thế kỷ lập nước, xây dựng đất nước, nhân dân ta đã phải thường xuyên đấu tranh để cải tạo thiên nhiên, sản xuất, duy trì cuộc sống và phát triển văn hoá, tư tưởng. Đồng thời, trong nhiều thế kỷ họ cũng đã liên tục đấu tranh chống nạn xâm lược của các lực lượng bên ngoài, giữ gìn nền độc lập dân tộc. Đã có giai đoạn nước Việt Nam trong 10 thế kỷ bị nước ngoài đô hộ (thời kỳ Bắc thuộc) nhưng nhân dân ta đã không chịu khuất phục, không bị đồng hoá và cuối cùng đã quật cường đứng lên giành lại độc lập cho Tổ quốc. *Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần quật cường bất khuất* trước kẻ thù cũng chính là những giá trị tư tưởng nổi bật của con người Việt Nam. Những con người có phẩm chất cao đẹp, dũng cảm, thẳng thắn, vô tư, quên mình, hy sinh cho lợi

ích chung của đất nước, của cộng đồng làng xã ... đã được sự kính phục và biết ơn của cả dân tộc. Trong xã hội truyền thống, nhân dân đã lập đền thờ và phong họ thành các vị Thánh, qua nhiều thế kỷ đến nay nhân dân vẫn dâng hương, cúng bái, tỏ lòng biết ơn và kính phục.

2. Ảnh hưởng của nền văn hoá bản địa và của Khổng giáo đối với văn hoá gia đình Việt Nam

Tìm về cội nguồn dân tộc để hiểu được gia đình Việt Nam truyền thống, cũng như văn hoá gia đình, có liên quan mật thiết đến việc đánh giá ảnh hưởng của các nền văn hoá đã tồn tại ở nước ta trước đây và còn được duy trì đến ngày nay. Ở đây nổi lên việc đánh giá đúng đắn những giá trị tư tưởng tốt đẹp của văn hoá bản địa Việt Nam và ảnh hưởng của Khổng giáo đối với văn hoá gia đình Việt Nam.

Có hai cách đánh giá:

Quan điểm thứ nhất cho rằng Khổng giáo là hệ tư tưởng đã thống trị trong xã hội Việt Nam truyền thống và đến nay còn nhiều ảnh hưởng nặng nề. Các nguyên lý đạo đức Khổng giáo là nền tảng của văn hoá gia đình Việt Nam và chi phối các quan hệ giữa các thành viên gia đình, giữa gia đình và xã hội rất

đậm nét. Ví dụ, các gia đình theo chế độ gia trưởng, với quyền thống trị tuyệt đối của người đàn ông, người chủ gia đình, sự phụ thuộc và phục tùng vô điều kiện của người phụ nữ, người vợ và các con vào người chồng, người bố. *Mọi người phải đặt lợi ích gia đình lên trên hết và tuân thủ một tôn ti trật tự rõ ràng.* Người con trai, đặc biệt người con trưởng, được hết sức coi trọng và có những đặc quyền. Còn người phụ nữ bị coi khinh. Chồng có thể năm thê, bảy thiếp, còn vợ phải *tuyệt đối chung thủy với chồng*, có ngoại tình sẽ bị nghiêm trị nặng nề. Chồng chết, đạo lý yêu cầu người phụ nữ thờ chồng, nuôi con, không tái giá (nhà vua tặng bằng Tiết hạnh khả phong cho những người phụ nữ ấy). *Con cái đặt chữ hiếu lên hàng đầu*, vâng lời, tận tụy với quan trên và tuyệt đối trung thành với nhà vua - *đạo trung*, hiếu là hàng đầu với người quân tử.

Đạo lý của Khổng Tử, đồng thời cũng là của giai cấp phong kiến, vua quan thống trị đã tồn tại nhiều thế kỷ trong xã hội và trong gia đình Việt Nam, trở thành nếp sống, cách ứng xử, phong cách tư duy, tập quán bền vững và đến nay còn ảnh hưởng nặng nề. Người ta cũng cho rằng các phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam như: Nhân - Nghĩa - Trí - Dũng - Liêm; Trung với nước, hiếu với cha mẹ là do các nguyên lý đạo đức Khổng giáo xây dựng nên.

Quan điểm thứ hai cho rằng trước khi đạo Khổng xâm nhập vào nước ta, thì Việt Nam đã có nền văn hoá bản địa khá đậm nét và toàn diện. Vì vậy đạo Khổng tuy có ảnh hưởng lớn (đặc biệt ở đầu thế kỷ XVIII nó trở thành quốc giáo), nhưng khi vào Việt Nam nó đã bị khúc xạ, bị địa phương hoá ở nhiều góc độ. Nó có ảnh hưởng nhiều đến tầng lớp trí thức, quan lại, còn đối với các gia đình nông dân lao động thì tình hình có khác.

Nền văn hoá bản địa Việt Nam có những đặc trưng của nền văn hoá Đông Nam Á: canh tác lúa nước, chế độ ruộng công, cơ cấu làng xã gần như tự trị với chính quyền trung ương, với triều đình nhà vua. Có một nền dân chủ nguyên sơ lấy đình, chùa làm nơi hội họp bàn việc làng, có một tôn giáo phổ biến là thờ cúng tổ tiên. Gia đình từ lâu được coi là đơn vị cơ sở xã hội, đặt trong mối quan hệ gắn bó nhà - làng - nước. Trong đặc trưng của nền văn hoá đó đã nổi lên tư tưởng cộng đồng, sự hoà hợp dân tộc, sự đoàn kết tín ngưỡng, sự khoan dung kết hợp với tính kiên cường, sự cởi mở và thấu hoá, sự hài hoà giữa con người với đất đai vũ trụ ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Tham khảo tác phẩm "Văn hoá Việt Nam và cách tiếp cận mới" của Phan Ngọc, NXB Khoa học Xã hội.

Xuất phát từ đặc điểm của văn hoá bản địa Việt Nam, có những ý kiến nêu *đặc điểm của văn hoá gia đình Việt Nam* là: vừa đề cao tính cộng đồng, lợi ích chung của gia đình, vừa coi trọng các thành viên trong gia đình, đồng thời đề cao vai trò người bố và người mẹ (công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra, một lòng thờ mẹ kính cha v.v...), vì vậy không phải là coi khinh, coi thường người phụ nữ.

Trong gia đình, rất đề cao tình và nghĩa giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, giữa gia đình và họ hàng, làng xóm. Gia đình tôn trọng người già, chăm lo phụng dưỡng cha mẹ già, đồng thời cũng rất yêu thương con trẻ, hết lòng với các con và hy vọng đời con cái sẽ hơn đời bố mẹ (con hơn cha là nhà có phúc), có sự tin tưởng vào lớp trẻ (tre già măng mọc). Tư tưởng hướng về tương lai, tuy còn mờ nhạt, nhưng đó là điều khác hẳn với Khổng giáo luôn hướng về quá khứ.

Từ cách đánh giá ảnh hưởng của Khổng giáo trong gia đình Việt Nam khác nhau, nên đã dẫn tới cách nhận định khác nhau về *vị trí người phụ nữ trong gia đình ngoài xã hội*.

Có ý kiến cho rằng về cơ bản phụ nữ được bình đẳng với nam giới do đặc điểm của văn hoá Việt

Nam, do nhu cầu cuộc sống và hoạt động sản xuất trồng lúa nước (có sự phân công chồng cấy, vợ cấy v.v...), do hoàn cảnh nước ta luôn có chiến tranh kéo dài, người chồng thường phải đi vắng xa nhà, người vợ phải đảm nhiệm mọi công việc gia đình nên họ thật sự có vị trí quan trọng, có quyền và được kính nể (lệnh ông không bằng công bà). Hạnh phúc và sức mạnh gia đình là nhờ "Thuận vợ thuận chồng, tát bể Đông cũng cạn". Còn ý kiến khác lại cho rằng, phụ nữ Việt Nam cơ bản vẫn ở vào địa vị phụ thuộc người chồng và chịu sự bất bình đẳng trong gia đình, ngoài xã hội. Nam giới nắm quyền làm chủ hộ, quyết định mọi công việc quan trọng trong gia đình, bạo lực của người chồng đối với người vợ vẫn tồn tại.

Đây là những vấn đề còn tranh cãi, chưa thể kết luận được, nhưng chúng tôi thấy có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nhận định đặc điểm văn hoá gia đình Việt Nam trước đây, ảnh hưởng của nó đến việc hình thành nhân cách con người Việt Nam truyền thống và những giá trị quý báu cần được giữ gìn ngày nay. Dù con người Việt Nam còn nhiều mặt hạn chế, do sự trì trệ kéo dài của xã hội, nhưng sự phát triển của xã hội Việt Nam trong mấy nghìn năm trước đây, đã chứng minh con người Việt Nam và nhân cách của nó được hình thành trong gia đình truyền thống, đã đảm nhiệm được nhiệm vụ lịch sử:

vừa đảm bảo sản xuất, nuôi dưỡng con cái, mở rộng bờ cõi và gìn giữ nền độc lập dân tộc trọn vẹn của đất nước. Gia đình Việt Nam thời đó đã thực hiện có kết quả nhiệm vụ giáo dục con em theo nhu cầu của xã hội đương thời.

Quan điểm của chúng tôi cho rằng qua cuộc tiếp xúc đầu tiên, với sự áp đặt của nền văn hoá ngoại lai Trung Quốc kéo dài trong nhiều năm, văn hoá Việt Nam, nhân cách Việt Nam truyền thống đã chịu ảnh hưởng khá nhiều của văn hoá Trung Quốc, của đạo Khổng. Nhưng cái chính là đã sử dụng nhiều khái niệm của Khổng giáo, mà nội dung đã bị thay đổi, bị địa phương hoá. Do đó, không thể nói rằng văn hoá Việt Nam là văn hoá Trung Quốc; nhân cách con người Việt Nam là theo đạo lý của Khổng Tử; gia đình Việt Nam là gia đình xây dựng theo Khổng giáo.

Thực tế hiện nay ai cũng công nhận văn hoá Việt Nam, gia đình, con người Việt Nam có *bản sắc dân tộc đậm đà*. Bản sắc đó chỉ có thể bắt nguồn từ *văn hoá bản địa* vốn có của người Việt Nam trước khi tiếp xúc với đạo Khổng, được hình thành từ lúc khai thiên lập địa và được củng cố, ổn định vững bền. Nền văn hoá nảy sinh từ đặc điểm địa dư và kinh tế nông nghiệp lúa nước vùng nhiệt đới, từ điều kiện sinh

sống của người Việt Nam trong quá trình đấu tranh với thiên nhiên và đấu tranh giữ gìn, mở rộng bờ cõi. Tính cộng đồng và tự trị của các làng xã, truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, tính đoàn kết đùm bọc nhau trong họ, ngoài làng, sự nhân nhượng, điều hoà nhau giữa các tôn giáo, tín ngưỡng, nhân - nghĩa - tín trong quan hệ gia đình, giữa con người với con người. Các giá trị đạo đức nhân văn đó vẫn tồn tại lâu bền trong nhân dân, mặc dù có ảnh hưởng của Khổng giáo, nhưng chủ yếu ở giai cấp phong kiến, tầng lớp trí thức, nho sĩ...

III. GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ PHÁP THUỘC (1858 - 1945). ĐẶC ĐIỂM GIÁO DỤC GIA ĐÌNH VÀ NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM

1. Tình hình xã hội Việt Nam trong thời kỳ Pháp thuộc

Gần 80 năm sống dưới ách thống trị của đế quốc Pháp, nhân dân ta đã chịu bao nỗi đau khổ, nhọc nhằn, bị bóc lột và đàn áp dã man, với chính sách vơ vét thuộc địa và khủng bố về chính trị của bọn cầm quyền thực dân.

Sau khi hoàn thành công cuộc xâm lược kéo dài

từ 1858 đến 1884, tư bản Pháp đã đặt được nền thống trị ở Việt Nam, qua đó họ áp đặt nền văn hoá phương Tây vào nước ta. Sự áp đặt văn hoá này có phần giống như đế chế Trung Hoa trước đây ở chỗ hai bên đều dùng vũ lực thôn tính và đặt nền đô hộ. Nhưng chủ nghĩa tư bản Pháp đã đem lại những biến đổi mới về kinh tế, chính trị văn hoá ở Việt Nam, khác với chủ nghĩa phong kiến Trung Hoa trước đây.

Khi tư bản Pháp tiến hành các công trình khai thác Đông Dương thì họ đã chú ý (buộc phải chú ý để cố sức vơ vét được các nguồn nguyên liệu phong phú ở Việt Nam) mở mang các ngành công nghiệp, các nhà máy, khai thác than, kẽm, thiếc, lập các hầm mỏ, các đồn điền cao su, cà phê, chè, lúa gạo v.v..., mở mang đường xá giao thông trên các trục lớn, các bến cảng, thúc đẩy việc thông thương xuất nhập khẩu với bên ngoài, v.v... Từ đó thực dân Pháp đã bắt đầu thúc đẩy sự biến đổi của nền kinh tế Việt Nam từ trạng thái tự cấp, tự túc, khép kín, sang một nền kinh tế thị trường (dù chỉ mới là rất sơ khai) và mở cửa với bên ngoài (dù chủ yếu là buôn bán với nước Pháp). Một số đô thị thành phố lớn phát triển (Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng).

Sự biến đổi tính chất và cơ cấu kinh tế nói trên (bên cạnh nông nghiệp, bắt đầu phát triển công

ngiệp và thương nghiệp, mặc dù quy mô nhỏ bé và cơ cấu què quặt) đã dẫn tới sự hình thành một cơ cấu xã hội khác trước kia. Xã hội truyền thống bao gồm các tầng lớp sĩ, nông, công thương và tầng lớp quan lại thì nay đã hình thành giai cấp công nhân (năm 1930 đã có 22 vạn công nhân), giai cấp *tư sản dân tộc* (tuy số lượng còn ít), giai cấp *tiểu tư sản thành thị* (viên chức, những người làm nghề tự do, nhà giáo, nhà báo, v.v... tiểu thương buôn bán nhỏ), đặc biệt có một *tầng lớp trí thức mới* chuyển từ Hán học sang học chữ Pháp. Còn ở nông thôn vẫn tồn tại *giai cấp nông dân* đông đảo và một số nhỏ địa chủ. Các giai cấp mới ra đời mang theo những quyền lợi, nhu cầu, nguyện vọng mới, phong cách sinh hoạt và cách suy nghĩ mới.

Về mặt văn hoá cũng có nhiều biến đổi quan trọng. *Chữ quốc ngữ* ra đời (do công lao đóng góp của vị cha cố Alexandre De Rhodes) là chữ viết của người Việt Nam thay thế chữ Hán. Người Pháp *mở các trường* dạy học bằng tiếng quốc ngữ và tiếng Pháp, từ cấp tiểu học, trung học đến cao đẳng, đại học. *Chế độ thi cử mới* đã được thay thế chế độ thi cử kiểu cũ theo Hán học.

Văn hoá Pháp được truyền bá rộng rãi, những

tư tưởng về bình đẳng, tự do dân chủ, về nhà nước pháp quyền dần dần xâm nhập vào tầng lớp trí thức nước ta. Về văn chương, nghệ thuật, tư tưởng triết học v.v... của các nhà đại văn hào Pháp cũng lưu truyền trong lớp trẻ ở thành phố, cùng với các quan điểm nhân sinh về quyền lợi và hạnh phúc cá nhân, về nghề nghiệp, về quyền công dân v.v...

Về mặt khoa học, việc thành lập Viện Pasteur Viện Ra dium, Viện Hải dương học, Sở Địa dư, Viện Viễn đông Bác cổ v.v... đã giúp cho việc truyền bá các kiến thức khoa học, kỹ thuật. Nếu trước đây theo Hán học, người ta quá chú ý đến thời cổ, đến mẫu mực người xưa, làm giảm tư duy sáng tạo, tìm tòi, thì khi tiếp xúc với khoa học, kỹ thuật, văn hoá Tây phương đã giúp trí thức, thanh niên Việt Nam quan tâm đến các thông tin mới, học hỏi kiến thức khoa học, tình hình thế giới, có phương pháp tư duy mới v.v... Tiêu biểu như lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, từ chỗ tiếp thu được tư tưởng tự do bình đẳng, bác ái qua sách báo Pháp lưu truyền ở Việt Nam mà Người đã nảy sinh ý định và quyết tâm đi sang tận nước Pháp (một thế giới mới, một nền văn minh mới) để tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc ta.

Những biến đổi về kinh tế chính trị, xã hội, văn

hoá nói trên, xét một cách tổng thể, đã dẫn đến những biến đổi toàn diện tới một số vấn đề quan trọng của xã hội truyền thống Việt Nam, nhưng chủ yếu mới ở các đô thị, thành phố lớn, ở tầng lớp có học, thanh niên, trí thức, có cuộc sống khá giả. Còn cuộc sống của đại bộ phận nông dân nghèo và dân cư nông thôn, vẫn chìm trong "bùn lầy nước đọng".

Xã hội Việt Nam truyền thống cố tự duy trì như xưa, nhưng nó lại bắt đầu bị phá vỡ dần dần. Sự đột phá ấy có tác động từng bước, dần dần nhưng không kém phần mạnh mẽ và đã ảnh hưởng đến nhân cách con người Việt Nam, đến vai trò của gia đình trong việc hình thành nhân cách thời đó.

2. Những nét đổi mới trong nếp sống, lối sống gia đình Việt Nam đến văn hoá gia đình và nhân cách con người Việt Nam

Trong khi đại bộ phận gia đình ở nông thôn về cơ bản vẫn giữ nếp sống cũ cổ truyền, thì cuộc sống gia đình ở các tầng lớp, giai cấp mới nảy sinh như công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, trí thức theo Tây học, dân thành thị v.v..., đã có những nét đổi mới, từ quan điểm hôn nhân đến mối quan hệ giữa các thành viên, cách giáo dục con cái v.v...

Trong hoàn cảnh đất nước Việt Nam lúc đó, gia đình với các đặc điểm truyền thống để lại, cả mặt mạnh và mặt yếu, đã phải vươn lên và đấu tranh để duy trì cuộc sống cho các thành viên và thích ứng với môi trường mới. Ở đây có sự xen kẽ giữa nền văn hoá cổ truyền và nền văn hoá phương Tây mới lạ, vừa do bọn thực dân áp đặt, vừa được tiếp thu qua giao lưu. Có trường hợp, "ăn sống nuốt tươi" kịch kỡm xa lạ với dân tộc Việt Nam, nhưng nhiều trường hợp đã biết chọn lọc, thâm hoá cái hay, cái bổ ích.

Trước hết, các tư tưởng của phương Tây về tự do, đề cao lợi ích cá nhân, nghĩa vụ và quyền lợi công dân, về tự do luyến ái, tự do trong hôn nhân đã thâm nhập từng bước vào lớp thanh niên có học.

Trong *hôn nhân*, yếu tố tình yêu bắt đầu được chú trọng. Đặc biệt ở những người con trai đã trưởng thành, có nghề nghiệp, có nhiều cuộc kết hôn do sự tự nguyện của đôi nam nữ, mà không phải do sự xấp đặt của gia đình cha mẹ, tuy được sự đồng ý của cha mẹ. Sau khi kết hôn, phần lớn các đôi vợ chồng trẻ ra ở riêng, người phụ nữ vẫn ở dưới quyền uy người chồng, nhưng quan hệ giữa vợ chồng, cha mẹ con cái được cởi mở, tự do hơn trước. Đặc biệt ở thành phố, nhiều người phụ nữ đi làm, dạy học, làm y tá, dược sĩ, công nhân v.v..., họ bắt

đầu có sự độc lập về kinh tế và sự bình đẳng với chồng tương đối.

Về việc *giáo dục con cái*, gia đình đã được nhà trường hỗ trợ về mặt kiến thức, số trẻ em đến trường học ngày càng nhiều : từ trường tiểu học, trung học, đến cao đẳng, đại học và theo Tân học (học chữ quốc ngữ và chữ Pháp). Có gia đình giàu có đã cho con đi du học nước ngoài. Ở thành phố, các gia đình khá giả cho *con gái đi học từ cấp một đến cấp ba; cá biệt có trường hợp lên đại học (sư phạm, y tế v.v...)* Đó là một nét rất mới trong gia đình Việt Nam, mặc dù chưa phổ biến. Gia đình cho con em đi học với mục đích đạt bằng cấp để làm viên chức trong các cơ quan nhà nước lúc đó.

Giáo dục gia đình quan tâm đến mặt *đạo đức, tư cách* con người theo những giá trị truyền thống: lòng hiếu đễ với cha mẹ, sự hy sinh cho lợi ích gia đình; biết ơn ông bà, thờ phụng tổ tiên, giữ vững tôn ti trật tự trong gia đình. Đáng chú ý là tinh thần yêu nước, ý chí quật cường, lòng tự hào dân tộc vẫn là những giá trị đạo đức, được giữ gìn, truyền giao giữa các thế hệ, được các gia đình hun đúc, bồi dưỡng. Đồng thời ở nhiều gia đình có sự đan xen với việc tiếp thu các tư tưởng mới, lối sống mới và cũng nảy

sinh mâu thuẫn giữa cái mới và cái cũ, giữa các thế hệ ở một số gia đình.

Hệ thống thông tin: sách báo tuy còn ít ỏi so với ngày nay, nhưng đã có tác dụng nhiều với thế hệ thanh niên, trí thức, dân thành phố, họ được cập nhật với các thông tin mới mẻ nhanh chóng hơn. Giáo dục gia đình đối với con cái đã được sự hỗ trợ xã hội, đồng thời nó bị chia sẻ quyền lực, không còn độc quyền như trong xã hội truyền thống.

Nếp sống, cách ăn mặc được cải cách, đặc biệt ở thành phố cũng ảnh hưởng đến con người. Nam giới chuyển từ bộ áo ta sang bộ âu phục, còn đối với phụ nữ từ áo tứ thân sang chiếc áo dài. Phương tiện giải trí, hội hè cũng đã có những màu sắc phương Tây: với sự xuất hiện của các rạp chiếu phim, nhà hát, tiệm nhảy, các bài hát, điệu nhạc Âu Tây v.v...

Vậy những nét nổi bật của nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ này như thế nào ?

Con người Việt Nam vốn có lòng yêu nước nồng nàn từ ngàn đời xưa. Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược và đặt nền thống trị ở nước ta thì các tầng lớp nhân dân Việt Nam đã liên tục đấu tranh qua các thời kỳ. Từ phong trào Cần Vương đến Duy Tân,

cho đến phong trào do Đảng Cộng sản lãnh đạo (những năm 1920), con người Việt Nam đã dần dần được giác ngộ từ lòng yêu nước đến ý thức đòi dân chủ, gắn vấn đề độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Tinh thần yêu nước đó khi thì bùng lên, khi thì lắng xuống, cuối cùng, dâng lên thành phong trào rộng lớn khắp cả nước, trong các tầng lớp quần chúng đông đảo, đi tới khởi nghĩa vũ trang và thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945, giành lại nền độc lập cho dân tộc. Bản Tuyên ngôn Độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 2-9-1945 chính là sự tổng kết thành công nhân cách con người Việt Nam suốt 80 năm bị Pháp thống trị. Đỉnh cao của nhân cách Việt Nam là "thà chết không chịu làm nô lệ", cương quyết đấu tranh giành độc lập và quyền sống tự do.

Lòng yêu nước là đặc trưng quan trọng nhất của nhân cách con người Việt Nam thời kỳ này, *ý chí bất khuất quật cường* của chiến sĩ cách mạng, đảng viên cộng sản hoạt động dưới nanh vuốt của kẻ thù, dù bị tù đầy, tra tấn không hề sờn lòng, thoái chí. Đồng thời, cần thấy con người Việt Nam trong việc tiếp xúc với văn hoá phương Tây đã có *bước trưởng thành* mới qua việc học tập những kiến thức khoa học kỹ thuật tiên tiến, những giá trị văn học nghệ thuật thế giới. Con người Việt Nam cũng bắt đầu học tập đi vào

kinh tế thị trường, kinh doanh làm giàu, buôn bán, mở các xí nghiệp công nghiệp v.v...

Một bộ phận trí thức nước ta, trải qua sự tiếp xúc với văn hoá nước ngoài, đã có những chuyển biến lớn về tư tưởng, tiếp nhận ở mức độ khác nhau các học thuyết, các trào lưu tư tưởng và các phương pháp nghiên cứu mới v.v... Họ đã tiếp thu được cái hay, cái mới của thế giới, kết hợp với những giá trị truyền thống của văn hoá Việt Nam để xây dựng *nền quốc văn mới* giản dị, dễ hiểu, *nền văn học mới* (thơ ca, kịch chuyện, văn xuôi, văn viết báo v.v. ..). Trong thời Pháp thuộc, đã nổi lên nhiều nhà trí thức, nhà nghiên cứu lịch sử, văn hoá, giáo dục, nhà thơ, nhà văn, hội hoạ, nghệ thuật, họ đã có những sáng tác xuất sắc, đến ngày nay, giá trị của các tác phẩm đó vẫn còn được bao người mến mộ và đánh giá cao.

Trước đây, trong cuộc tiếp xúc với *nền văn hoá Trung Quốc*, nước ta một nước nông nghiệp lạc hậu và duy trì chế độ phong kiến đã chủ yếu tiếp thụ văn chương, các nguyên lý đạo đức, cách ứng xử của thuyết Khổng Tử. Còn trong thời kỳ này, việc tiếp xúc với *nền văn hoá Pháp*, một nước đã phát triển chủ nghĩa tư bản và đại công nghiệp, với chế độ dân chủ tư sản, thì người Việt Nam lại thu nhận được nhiều kiến thức đa dạng về khoa học, kỹ thuật, liên

quan đến sản xuất, mà không chỉ dừng ở mặt văn chương, đạo đức con người.

IV. GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG 30 NĂM CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1945 - 1975) VÀ SỰ RÈN LUYỆN NHÂN CÁCH NGƯỜI CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG, ANH BỘ ĐỘI CỤ HỒ TRONG THỜI KỲ NÀY

1. Ảnh hưởng của chiến tranh và cách mạng đối với con người và gia đình Việt Nam

Chiến tranh, xưa nay bao giờ cũng là hành động gay gắt nhất, gây nên những xáo động cực kỳ lớn lao đối với toàn bộ đời sống xã hội, đối với các gia đình và là sự thử thách nghiêm khắc nhất đối với nhân cách con người.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước dân chủ nhân dân đã đánh dấu một bước ngoặt cơ bản trong sự phát triển xã hội Việt Nam, đáng lẽ nó phải mở đầu cho giai đoạn nhân dân ta đi vào xây dựng đất nước. Nhưng thực dân Pháp không cam tâm rời bỏ quyền lợi của chúng ở

Việt Nam nên ngay lúc đó đã bố trí kế hoạch trở lại xâm lược nước ta. Do đó, nhân dân ta phải bước ngay vào cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc kéo dài gần 10 năm (1945 - 1954) mới giải phóng được một nửa đất nước ở phía Bắc, sau đó lại phải dành 20 năm tiếp theo (1955 - 1975) mới giải phóng được hoàn toàn đất nước. Trên thế giới cũng ít có dân tộc nào phải chịu 30 năm chiến tranh liên miên để giành lại độc lập như Việt Nam.

Chiến tranh là sự phá hoại trực tiếp, ghê gớm đối với cơ sở vật chất kinh tế, văn hoá, là sự tiêu hao nhân lực, giết chết bao nhiêu sinh mạng, người lớn, trẻ em, đặc biệt là thanh niên. Những trận ném bom phá hoại dã man của đế quốc xuống các thành phố, làng mạc với ý định đưa Việt Nam trở lại "thời kỳ đồ đá", những chiến dịch rải chất độc màu da cam không những đã huỷ hoại môi trường, cây cỏ, mà còn để lại nhiều di hại cho con người Việt Nam đến tận ngày nay, với những đứa trẻ sinh ra quái thai, dị dạng.

Với nhân cách con người Việt Nam, chiến tranh là một khảo nghiệm nghiêm khắc, nó buộc con người phải bộc lộ bản chất, khi phải đối mặt với cuộc chiến, phải có sự phân biệt giữa chính nghĩa và phi nghĩa.

Đồng thời nó cũng chứng minh sự thành công của đại đa số gia đình Việt Nam trong việc rèn luyện, hun đúc nhân cách người chiến sĩ cách mạng, anh bộ đội cụ Hồ, hy sinh tất cả vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, động viên lòng yêu nước, ý thức đấu tranh bất khuất của các thành viên gia đình: già, trẻ, trai, gái.

Đồng thời cần lưu ý rằng do âm mưu xảo quyết của kẻ địch, nên *tính chất* cuộc chiến tranh trở nên phức tạp và quyết liệt hơn. Trong cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp, từ cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống quân đội viễn chinh Pháp đã chuyển thành cuộc nội chiến giữa phe *cộng sản* (ở vùng tự do, rừng rú) với phe *quốc gia* bù nhìn của đế quốc Pháp (ở vùng tạm chiếm, các thành phố).

Cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, cũng do âm mưu của đế quốc Mỹ và bọn nguy quân, nguy quyền tay sai, đã biến thành cuộc chiến tranh ý thức hệ giữa hai chế độ: chế độ cộng hoà ở miền Nam và chế độ cộng sản, chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, với sự *chia cắt hai miền*.

Khi cuộc chiến đấu chống ngoại xâm bị âm mưu của kẻ địch biến thành cuộc chiến tranh ý thức hệ thì đã gây nên sự chia rẽ tư tưởng trong một số tầng lớp nhân dân, sự nghi kỵ và phủ nhận tính chất



4. Thắp hương tưởng niệm các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ Quốc

TTXVN. TRỌNG NGHIỆP

chính nghĩa của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Điều này cũng diễn ra trong nội bộ một số gia đình, gây nên những đổ vỡ, tổn hại về tình cảm.

Đối với các gia đình, chiến tranh còn là một cuộc thử thách, nhưng cơ bản mang tính phá hoại, gây tang tóc, gây trạng thái chia ly, tác động không lợi đến tình cảm gia đình và sự chăm sóc, nuôi dưỡng con cái.

Trong 30 năm chiến tranh ái quốc, *sự phân ly giữa các thành viên gia đình* là đặc điểm nổi bật. Cùng với sự chia cắt hai miền, sự tồn tại hai chế độ chính trị khác nhau đã đem lại những bi kịch trong nội bộ nhiều gia đình, sự thù địch về hệ tư tưởng, lối sống v.v...

Một số đông thanh niên, cả nam và nữ, đã tự nguyện rời xa gia đình tham gia bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến, vì tổ quốc hy sinh tất cả hạnh phúc gia đình, lợi ích cá nhân v.v... Họ ra đi chiến đấu, không bận bịu về gia đình, còn các bà mẹ, người vợ ở nhà chịu đựng, đảm đang mọi việc thay chồng, con. Khi lực lượng lao động gia đình bị giảm, thì *đàn bà, trẻ con, người già* là những người đảm nhiệm công việc sản xuất, quản lý làng xóm để duy trì cuộc sống bình thường.

Thực tế suốt 30 năm chiến tranh, đặc biệt với đại bộ phận dân cư nông thôn, gia đình vẫn là đơn vị kinh tế, xã hội cơ bản. Trong nền kinh tế cơ bản là tự cấp tự túc, *các gia đình không những phải tự nuôi mình* (đặc biệt những năm đầu cuộc chiến tranh chống Pháp, nước ta bị hoàn toàn cách ly với thế giới, không nhận được sự viện trợ của bất cứ nước nào) mà còn *cung cấp lương thực nuôi quân, nuôi cán bộ*, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến. Phụ nữ vẫn phải lo sinh đẻ, nuôi con, đào tạo thế hệ trẻ, chăm sóc người già. Các bà mẹ, ông bà già luôn luôn quan tâm đến đời sống thương binh, bệnh binh, quan tâm đến cả phần hồn của các liệt sĩ, nhiều người là vô danh. Cuộc sống bình thường của xã hội thời chiến vẫn dựa trên hệ thống bảo trợ chắc chắn nhất là gia đình.

Tuy nhiên *tình trạng vợ chồng sống xa cách* thường xuyên, có gia đình kéo dài 10 năm, 20 năm, đã gây những tổn thất về mặt tình cảm. Đồng thời gánh nặng công việc gia đình đè nặng lên vai người phụ nữ, việc nuôi dạy con thiếu vắng người cha có những khó khăn trở ngại (có trường hợp có gia đình, cả cha và mẹ đều đi vắng, hoặc đều bị hy sinh).

Chiến tranh gây chết chóc. Số người bị hy sinh trong 30 năm chiến tranh lên tới mấy triệu, đó là

những mất mát to lớn mà các gia đình Việt Nam phải gánh chịu và cũng là nỗi đau khổ không bao giờ nguôi của những ông bố, bà mẹ, người vợ, anh em, họ hàng. Thêm vào đó, một số lượng tương đương những thương binh, bệnh binh, người tàn tật do chiến tranh gây nên, đã đem lại cho các gia đình những tổn thương về tinh thần và những khó khăn trong đời sống vật chất, kéo dài nhiều năm, kể cả sau khi chiến tranh kết thúc.

Trải qua cuộc chiến tranh lâu dài, gian khổ, mối quan hệ giữa các thành viên gia đình đã được thử thách, như một nhóm tâm lý tình cảm đặc thù, gắn bó chặt chẽ với nhau bởi những tình cảm yêu thương, những mối quan hệ ruột thịt, không gì phá vỡ nổi. Người Việt Nam dù bị chia ly, xa cách do chiến tranh vẫn luôn nghĩ tới gia đình mình. Đối với người chiến sĩ ra mặt trận chiến đấu, tình cảm gia đình trước sau vẫn là một nguồn an ủi, động viên họ phấn đấu làm tròn nhiệm vụ. Vì Tổ quốc, họ không ngại ngừng hy sinh tính mạng. Đồng thời, cũng vì gia đình, quê hương làng xóm, họ mong muốn đem lại cho gia đình, con cái sự bình yên và hạnh phúc lâu dài. Còn những người ở hậu phương, luôn luôn nghĩ tới người thân, chồng, con, anh em phải đi xa. Họ phấn đấu hết sức mình, lao động gian khổ, để góp

sức vào cuộc chiến đấu, với niềm hy vọng kháng chiến nhanh chóng giành thắng lợi, chấm dứt chiến tranh, để người thân trở về, gia đình được đoàn tụ, sống trong hoà bình. Ngay với những đứa con lầm đường, lạc lối, hối hận quay về với chính nghĩa cũng được gia đình rộng lòng tha thứ và giúp đỡ.

2. Việc giáo dục trẻ em, rèn luyện nhân cách con người qua cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc

Việc giáo dục trẻ em hình thành nhân cách con người, qua 30 năm chiến tranh đối với gia đình cũng là một cuộc thử thách. Một mặt do chiến tranh, tình thương trong các gia đình càng được tăng thêm và luôn luôn là một nguồn cổ vũ cho con người vươn lên trong đời sống hàng ngày. Mặt khác, chiến tranh lại gây khó khăn cho việc học tập, trau dồi kiến thức của trẻ em. Đồng thời sự vắng mặt của người cha, người mẹ ở các gia đình khiến sự hình thành nhân cách trẻ em cũng bị hạn chế.

Điều nổi bật trong nhân cách con người Việt Nam giai đoạn này là *tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất quật cường*, quyết tâm sắt đá để giành lại nền độc lập dân tộc. Những phẩm chất đó đã được thể hiện đầy đủ ở những chiến sĩ cách mạng, cán bộ,

bộ đội, thanh niên xung phong, chiến đấu trên các địa bàn từ Nam ra Bắc; trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hoá, ở trung ương cũng như ở cơ sở, kể cả những người dân thường, ông bà già, phụ nữ, trẻ em. Lòng yêu nước khiến cho mỗi người, dù ở cương vị nào, cũng đứng vào tư thế một chiến sĩ hành động vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, hoà bình. Lòng yêu nước đó đã thể hiện bằng nhiều phẩm chất, ý thức sẵn sàng hy sinh tất cả, kể cả sinh mệnh của mình, tinh thần chịu đựng gian khổ, khó khăn, thiếu thốn, lòng thương yêu đồng bào, đồng chí, tư tưởng chí công vô tư v.v.. Cùng với hình ảnh người chiến sĩ cộng sản kiên cường, anh bộ đội Cụ Hồ, là những người phụ nữ ba đảm đang, lớp thanh thiếu nhi dũng cảm. Suốt 30 năm chiến tranh cách mạng, nhân cách con người Việt Nam được thử thách, tôi luyện, rèn dũa một cách nghiêm khắc nhất trong thực tiễn chiến đấu và sinh hoạt hàng ngày.

Đồng thời, chúng ta phải xem xét đến các mặt hoạt động khác của đời sống xã hội như phát triển kinh tế, khoa học, giáo dục và văn hoá trong điều kiện chiến tranh để hiểu hơn nhân cách con người Việt Nam trong giai đoạn này.

Về mặt *kinh tế*, sự *phát triển* còn bị hạn chế; cơ bản là kinh tế nông nghiệp, tự cấp tự túc, sản xuất

hàng hoá chủ yếu mới có ở một số đô thị, thành phố (miền Nam khá hơn miền Bắc), các ngành công nghiệp chưa mở rộng nhiều, mặc dù sau năm 1954 miền Bắc đã có sự giao dịch với kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa, còn ở miền Nam có giao dịch với một số nước Mỹ, Pháp v.v..., nhưng nền ngoại thương còn nhỏ hẹp.

Nhưng về mặt văn hoá, trước 1954 có sự đan xen nhiều thành phần: văn hoá yêu nước dân chủ nhân dân ở vùng giải phóng miền Nam và vùng tự do ở miền Bắc, kết hợp chặt chẽ với văn hoá truyền thống. Sự ra đời và lớn lên trong chiến tranh của hàng loạt các nhà văn, nhà thơ, các nghệ sĩ với các tác phẩm ưu tú, đặt những mốc vẻ vang cho nền văn học yêu nước. Sau 1954, ở miền Nam có sự xâm nhập của văn hoá Mỹ, đồng thời văn hoá Pháp vẫn còn ảnh hưởng sâu đậm trong tầng lớp trí thức. Ở miền Bắc có sự phát triển ảnh hưởng của văn hoá mác-xít, văn hoá Xã hội chủ nghĩa, văn hoá các nước Liên Xô và Đông Âu. Đặc biệt với lớp thanh niên ở miền Bắc đã đi du học ở các nước xã hội chủ nghĩa, ở miền Nam đi du học sang Mỹ, Pháp v.v..., những người này đã chịu ảnh hưởng của lối sống, của văn hoá nước ngoài khá đậm nét. *Trình độ khoa học kỹ thuật, trình độ kiến thức* của thanh niên, của tầng lớp trí

thức được nâng cao một bước rõ rệt. Ở miền Nam các kiến thức quản lý, kinh doanh, làm kinh tế trong cơ chế thị trường đã được phát triển hơn ở miền Bắc.

Về mặt *giáo dục*, xoá nạn mù chữ, mở mang các trường tiểu học, trung học, cao đẳng, đại học, trong chiến tranh chống Pháp còn nhiều hạn chế, nhưng sau 1954 ở miền Bắc đã có bước phát triển nhanh. Trong hoàn cảnh còn chiến tranh bom đạn, di sơ tán, thiếu thốn gian khổ v.v... trẻ em vẫn tiếp tục học, các trường học vẫn được duy trì với đội ngũ giáo viên tận tụy với sự nghiệp giáo dục lớp trẻ.

Có thể nói rằng: qua 30 năm chiến tranh, nhân cách con người Việt Nam được thể hiện một cách toàn diện, tuyệt vời ở *một con người: đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh*, người tiêu biểu xuất sắc nhất của dân tộc Việt Nam; người mà cả thế giới đã ca ngợi và kẻ thù phải kính phục, với những phẩm chất đạo đức vô song, trí tuệ thông minh, lòng yêu nước, thương dân, tinh thần đoàn kết đồng bào, đồng chí, lối sống giản dị, chí công vô tư; người đã thu phục lòng người dân, già trẻ, trai gái, các tầng lớp, thành phần giai cấp một cách sâu sắc. Người đã đem lại cho họ một sức mạnh phi thường, động viên họ tiến bước theo Người, dưới ngọn cờ của dân tộc, của Đảng, quyết giành thắng lợi cuối cùng cho Tổ quốc. Trong lịch sử đất nước ta, cũng không ít các vị lãnh tụ có vai trò to lớn

trong việc lãnh đạo đất nước ở những giai đoạn gay go nhất, nhưng *nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn là một tấm gương sáng nổi bật của con người Việt Nam thế kỷ XX này*, trong một cuộc chiến tranh kéo dài, liên tục, quyết liệt giữa chính nghĩa và phi nghĩa, vì cuộc sống độc lập tự do không cam chịu cảnh nô lệ của cả dân tộc. Và khi đi sâu vào sự hình thành nhân cách con người vĩ đại ấy - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thì chúng ta thấy vai trò của gia đình Người, ảnh hưởng của ông bà thân sinh ra Người khá sâu sắc.

V. GIA ĐÌNH VÀ NHÂN CÁCH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KIỂU CÚ (1955 - 1986)

1. Sự biến đổi của xã hội Việt Nam trong quá trình thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa

Quá trình nhân dân ta đi vào cách mạng xã hội chủ nghĩa thực tế bắt đầu từ năm 1955, sau khi miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng và nhân dân cả nước còn phải tiếp tục cuộc đấu tranh để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đảng ta đã đề ra nhiệm

vụ chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa đối với miền Bắc. Công cuộc cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã kéo dài suốt 20 năm (1955 - 1974) nhằm mục tiêu phục vụ cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam. Sau đại thắng mùa Xuân 1975, miền Nam được giải phóng, đất nước đã thống nhất, thì công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội được tiến hành trong cả nước. Nhưng một điều đáng lưu ý là sau một số năm thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, chúng ta đã vấp phải những trở ngại to lớn. Cả nước đã rơi vào cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội toàn diện, gay gắt. Vì vậy Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ sáu khóa IV đã thảo luận tình hình cấp bách trước mắt để tìm con đường thoát ra khỏi khủng hoảng v.v... Tại Đại hội Đảng lần thứ VI (1986), Đảng ta đã nêu ra *đường lối đổi mới* tương đối toàn diện cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Cho đến Đại hội Đảng lần thứ VI, có thể nói rằng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc và sau đó trong toàn quốc, từ năm 1955 đến 1986 (khoảng 30 năm) đã tiến hành theo mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ. Đặc trưng của mô hình này là nền kinh tế chỉ huy kế hoạch hoá tập trung cao độ (từ Trung ương xuống địa phương, cơ sở), phủ nhận kinh tế hàng hoá và thị trường, dựa trên nền tảng

của chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu (dưới hai hình thức toàn dân và tập thể), xoá bỏ chế độ tư hữu trong kinh tế. Mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu cũ đã có tác động mạnh mẽ đối với nhân cách con người, với gia đình và công tác giáo dục của gia đình, cả mặt tích cực lẫn tiêu cực.

Về mặt kinh tế có những thay đổi đáng kể, với sự tài trợ khá toàn diện của các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là của Liên Xô và một vài nước phương Tây (ví dụ Thụy Điển) đã thành lập hàng loạt xí nghiệp, doanh nghiệp quốc doanh lớn trong nhiều ngành công nghiệp và thương nghiệp, giao thông vận tải, thu hút một số lượng lớn công nhân, viên chức và nhập nhiều trang thiết bị mới. Cùng với quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhiều xí nghiệp, cửa hàng tư nhân đã trở thành xí nghiệp liên doanh. Trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp cũng đã thành lập hàng loạt nông trường, lâm trường quốc doanh, thu hút nông dân các vùng sở tại và lân cận chuyển thành công nhân quốc doanh.

Nhiều cơ quan Bộ, ngành mới của Nhà nước được thành lập, cùng hệ thống các Viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành. Có lẽ chưa có khi nào số lượng công nhân viên chức Nhà nước ở các ngành nghề lại tăng nhanh như ở giai đoạn này.

Nhưng với cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, kế hoạch tập trung cao độ, các xí nghiệp, doanh nghiệp hoạt động được bao cấp, từ đầu vào (vốn, tư liệu sản xuất, tiền lương v.v...) đến đầu ra (tiêu thụ sản phẩm, phân phối hàng hoá), nên lãnh đạo các nhà máy, xí nghiệp, của hàng đến công nhân viên, phục vụ cũng không quan tâm nhiều đến việc hạch toán lỗ lãi kinh doanh. Họ làm việc theo kế hoạch Nhà nước đề ra và lĩnh lương do Nhà nước ấn định theo cấp bậc. Tuy nguyên tắc phân phối là làm theo năng lực, hưởng theo lao động, nhưng thực tế là chủ nghĩa bình quân, không kích thích được năng suất và sáng kiến cá nhân.

Trong lĩnh vực *nông nghiệp*, ở nông thôn nổi lên việc hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp rộng rãi, nhất loạt ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung, còn các tỉnh ở miền Nam đang tiến hành việc thành lập các hợp tác xã từ quy mô thôn đến quy mô xã. Ruộng đất, công cụ sản xuất, trâu bò v.v... đã chuyển thành sở hữu tập thể. Người nông dân trở thành *xã viên hợp tác xã* ở các đội sản xuất khác nhau, làm việc theo kế hoạch chỉ huy của Ban chủ nhiệm, theo tiếng kèn ra đồng làm như *công nhân nhà máy*, không chú ý đến đặc điểm của sản xuất nông nghiệp. Thu nhập của mỗi người được tính theo công điểm ghi

trong sổ của đội trưởng sản xuất và tổng kết vào cuối mỗi vụ sau thu hoạch, hợp tác xã chỉ cho các gia đình vay trước một số thóc. Việc phân phối ở đây cũng theo chủ nghĩa bình quân, có sự chiểu cố về nhiều mặt chính sách, nhưng lại không chú ý đến năng suất, sự đóng góp của mỗi cá nhân vào sản xuất của hợp tác xã.

Nhìn chung sự lãnh đạo kinh tế lúc này, người ta đã lấy cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất (cải tạo các quan hệ sản xuất cá thể, tư nhân thành quốc doanh và tập thể) làm chìa khoá mở đường, coi nhẹ các chỉ tiêu về tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống người dân.

Về mặt y tế, giáo dục, văn hoá đã có nhiều bước tiến bộ nhờ sự bao cấp rộng rãi của Nhà nước (ở nông thôn có một phần quỹ hợp tác xã) cho các chi phí phúc lợi công cộng.

Trước hết về mặt giáo dục, hệ thống các trường phổ thông, cao đẳng, đại học được phát triển rộng rãi, số lượng học sinh và đội ngũ giáo viên được tăng lên nhanh chóng ở các cấp. Nhiều trường đại học chuyên ngành được thành lập, số thanh niên đi du học ở các nước xã hội chủ nghĩa tăng lên hàng năm, từ đại học đến trên đại học, các ngoại ngữ, đặc biệt

là tiếng Nga được dạy trong các trường học, giúp cho thanh niên Việt Nam tiếp xúc rộng rãi với nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, với sách báo, các tác phẩm triết học, văn hoá, khoa học kỹ thuật của Liên Xô (cũ) và các nước Đông Âu. Trình độ học vấn của tầng lớp trí thức được mở rộng tầm nhìn, mặc dù còn từ một phía các nước xã hội chủ nghĩa.

Đặc biệt, nhờ sự bao cấp của nhà nước hệ thống mẫu giáo, nhà trẻ được phát triển rộng rãi ở thành phố và nông thôn, đã giúp cho việc nuôi dạy tốt các cháu trước tuổi học đường.

Giai đoạn này vai trò nhà trường trong việc giáo dục trẻ em chiếm vị trí hàng đầu, được coi là tuyệt đối. Nhiều gia đình đã phó mặc việc học hành, giáo dục con cái cho nhà trường, nhà nước, từ tám bé 2,3 tuổi đến tuổi thành niên vào đại học và sau đại học.

Về mặt y tế có sự phát triển rộng rãi hệ thống trạm y tế cấp xã, cấp phường, các bệnh viện huyện, tỉnh, trung ương. Việc cung cấp thuốc và chữa bệnh là độc quyền nhà nước, việc khám, chữa bệnh tư bị cấm đoán, chỉ có một số nhỏ ông lang chữa bệnh theo y học dân tộc tại nhà. Đội ngũ y, bác sĩ theo y học phương Tây được tăng nhanh chóng. Việc khám,

chữa bệnh ở các cơ sở y tế không mất tiền, mặc dù thuốc men còn thiếu thốn nhưng đã giảm nhẹ gánh nặng chi phí cho các gia đình, đặc biệt là các gia đình nghèo.

Về mặt văn hoá. Trong điều kiện các gia đình còn nghèo, chưa thể mua sắm các phương tiện thông tin đại chúng như đài, tivi, v.v... thì việc phát triển hệ thống truyền thanh công cộng ở các làng xã, phố phường đã có tác dụng tích cực thông tin kịp thời, phổ biến chính sách của nhà nước v.v... Bên cạnh đó là việc thành lập nhiều đội chiếu phim lưu động, đội văn nghệ đi phục vụ không mất tiền, hoặc thu ít tiền tại các địa phương, làng xã, nông trường, lâm trường, đem đến cho người dân những thành tựu văn hoá, nghệ thuật quốc gia và quốc tế (các nước xã hội chủ nghĩa là chính).

Các thư viện, các câu lạc bộ ở các cấp tỉnh, huyện, xã được thành lập ở nhiều nơi, với các tủ sách báo, cũng là nguồn cung cấp thông tin không mất tiền cho sinh hoạt văn hoá, tinh thần của thanh niên và những người ham học hỏi. Thời kỳ này với thu nhập hết sức thấp, rất ít gia đình, cá nhân dám bỏ tiền hay có đủ tiền để mua sách báo, chủ yếu là mọi người đi mượn ở các thư viện hay đến phòng đọc xem.

Xét về ảnh hưởng của các nền văn hoá thời kỳ này thì chủ yếu nổi lên *văn hoá xã hội chủ nghĩa, văn hoá mác-xít*, đặc biệt ở miền Bắc, văn hoá các nước xã hội chủ nghĩa, Liên Xô (cũ) và Đông Âu, thông qua sách, báo, điện ảnh, nghệ thuật. Tuy vậy, ảnh hưởng của các nền văn hoá cũ vẫn còn tồn tại nhưng đã bị lấn át.

Về mặt tư tưởng, lợi ích giai cấp công nhân, lợi ích của tập thể được đề cao, chống chủ nghĩa cá nhân và lợi ích cá nhân. Trong thời gian này, vai trò và lợi ích của gia đình có phần bị xem nhẹ.

Về mặt xã hội, có sự nhấn mạnh đến vai trò của các tổ chức quần chúng: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Tổng Công đoàn, Mặt trận Tổ quốc v.v... có quy mô cả nước, có cơ sở từ Trung ương xuống địa phương. Mỗi giới, thanh niên, phụ nữ, công nhân,... chỉ có một tổ chức duy nhất, được Nhà nước tài trợ cho sự hoạt động. Việc thành lập các tổ chức phi chính phủ hết sức hạn chế. Cùng với tổ chức Đảng ở địa phương, cơ sở, các đoàn thể nắm quyền chi phối hoạt động của công nhân viên chức, xã viên ở nơi đó về tất cả các mặt của đời sống.

Cơ cấu xã hội. Giai đoạn này cũng thuần nhất gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể,

xã viên hợp tác xã các loại, tầng lớp trí thức, còn người buôn bán nhỏ và làm ăn cá thể có rất ít ...

2. Vai trò và chức năng giáo dục của gia đình trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu cũ

Trong một cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung cao độ, quan liêu bao cấp như đã nói trên, bộ máy nhà nước ở các ngành, các bộ hết sức công kênh, làm cả hai chức năng quản lý và trực tiếp kinh doanh (kể cả ngành văn hoá, y tế). Ở nông thôn là hệ thống hợp tác xã đầy quyền lực. Khi hệ thống các đoàn thể chính trị được đề cao thì hệ thống chính quyền đã bị hạ thấp (Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân v.v...). Sinh hoạt chính trị, tinh thần và con đường tiến thủ của mỗi cá nhân đã diễn ra theo một mô hình đặc thù, bên ngoài ảnh hưởng của gia đình. *Chức năng giáo dục của gia đình gần như được các thiết chế xã hội khác thay thế* nhưng tác động đến mức độ nào, tích cực hay tiêu cực đến đâu chúng ta sẽ xem xét sau.

Trong giai đoạn này, nhiều chức năng của gia đình bị xem nhẹ và gây hậu quả chưa có lợi trong điều kiện nền kinh tế tự cấp tự túc, nghèo nàn của Việt Nam.

Khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa về cơ bản đã hoàn thành đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh thì các thành viên của gia đình trong độ tuổi lao động phổ biến đã trở thành công nhân viên chức nhà nước, hoặc xã viên hợp tác xã. Gia đình vốn là đơn vị kinh tế tự chủ, dần dần chấm dứt hoặc công khai bị chấm dứt *chức năng làm kinh tế* (đối với các hợp tác xã, kinh tế gia đình chủ yếu giữ vị trí rất phụ mà thôi), gia đình chỉ còn là đơn vị cung cấp nguồn lao động cho xã hội. Thu nhập, tiền lương của các thành viên phụ thuộc vào sự phân phối của Nhà nước, của hợp tác xã. Trong cơ chế quan liêu bao cấp trước đây, hiệu quả kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã phổ biến là thấp (cộng thêm nạn tham ô, chèn chén, cắt xén của công của cán bộ lãnh đạo), tiền lương thu nhập của người lao động hết sức thấp, cuộc sống của họ, của con cái họ bị đẩy vào một tình trạng thiếu đói.

Do đó, ở thành phố người nào có điều kiện, cơ hội thì phải đi làm thêm (và bị phê phán là chân ngoài dài hơn chân trong) để tăng thu nhập, nuôi gia đình. Còn ở nông thôn, các gia đình sống chủ yếu bằng nguồn thu nhập từ đất 5% và chăn nuôi gia đình. Bao nhiêu sức lực, sáng kiến, kể cả chút vốn

tích lũy từ trước của gia đình, họ dôn cho đất 5%. Bởi vậy, có gia đình 80% thu nhập để nuôi các thành viên là từ đất 5% !

Như vậy, trách nhiệm chăm lo đời sống vật chất và cả đời sống tinh thần (học tập, giải trí v.v...) vẫn là nhiệm vụ của từng gia đình, còn tập thể, nhà nước chỉ lo trên cái chung, đại thể. Thực tế cuối cùng trong thời kỳ này là không ai lo lắng đến cuộc sống của các thành viên bằng chính gia đình họ. Những ông bố, bà mẹ phải lao động cực nhọc, nhiều khi còn phải giấu diếm, để kiếm thêm bát gạo, mớ rau nuôi đàn con nhỏ, phải chủ động làm kinh tế để chi cho việc sinh đẻ, chữa bệnh, cưới xin của con cháu, chăm sóc bố mẹ già, thân nhân chẳng may bị tàn tật v.v..., hàng trăm khoản chi mà không một nhà nước, hợp tác xã nào có thể lo toan hộ được, khi quỹ phúc lợi công cộng còn hết sức thấp.

Về chức năng giáo dục con cái. Việc mở các nhà trẻ, mẫu giáo không mất tiền đã hỗ trợ nhiều cho các bà mẹ nuôi con nhỏ. Nhà trường, các đoàn thể, đặc biệt các tổ chức thanh niên, thiếu nhi đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc xã hội hoá trẻ em và thanh niên. Lúc này, nhiều gia đình phó mặc con cái mình cho xã hội, nhà trường giáo dục. Người ta cũng

nghĩ rằng việc tập trung trẻ em ở các trại nuôi dưỡng, cách xa gia đình hàng tháng, hàng năm có lẽ là tốt nhất cho việc hình thành nhân cách con người xã hội chủ nghĩa. Đây là những ý tưởng hết sức sai lầm. Ngày nay, trong các trại nuôi trẻ mồ côi, người ta lại thấy cần phải tạo ra những môi trường gia đình nhỏ, thì mới bảo đảm sự hình thành nhân cách trẻ em tốt, phải có sự phối hợp giáo dục giữa gia đình và tập thể, đặc biệt về mặt tình cảm. Ngay cả việc chăm sóc sức khỏe trẻ em, người ốm, người già, người tàn tật thì hệ thống bệnh viện, trạm xá cũng không thể thay thế được gia đình hoàn toàn.

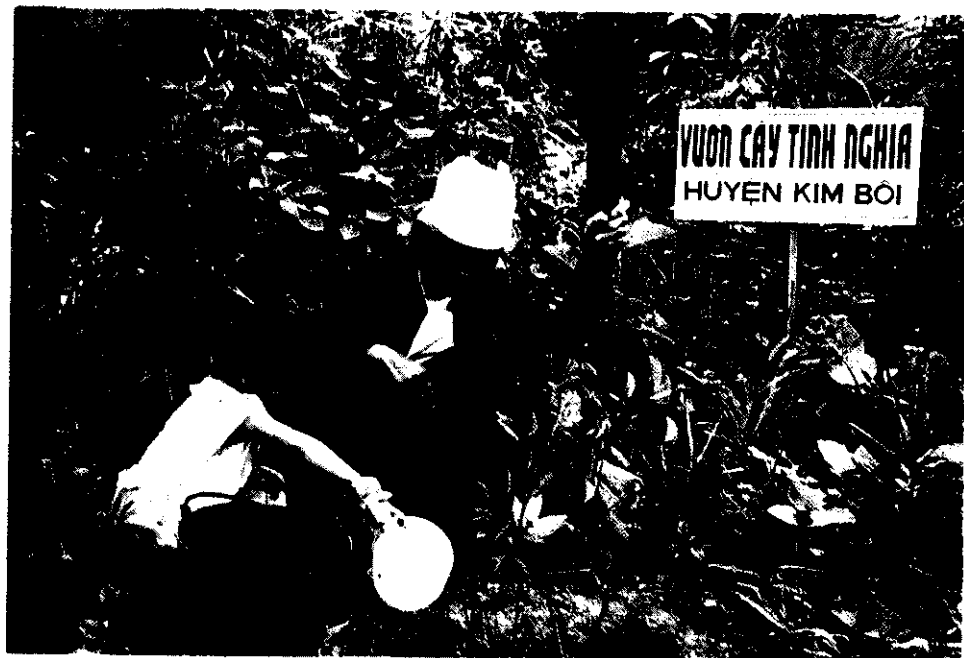
Chế độ bao cấp đã gây cho gia đình tâm lý thụ động, trông chờ sự phân phối của nhà nước, của tập thể, theo chủ nghĩa bình quân, kể cả trong hưởng thụ văn hoá, tinh thần. Mọi việc đều phụ thuộc vào nhà nước, hợp tác xã, vào ý kiến tập thể, kể cả việc cưới xin, ma chay, giải quyết công việc nội bộ gia đình. Người ta đề cao chủ nghĩa tập thể, cấm kị nói đến lợi ích gia đình và lợi ích cá nhân, nhưng lại che giấu sự tham ô, lạm dụng của công ở một số cán bộ lãnh đạo. Trong thời kỳ này, mục tiêu đào tạo con cái của các gia đình là cho chúng ăn học để *trở thành cán bộ công nhân viên chức*, sống bám vào đồng lương và các chế độ bao cấp của nhà nước, suốt đời

yên tâm, ổn định !

Nhưng cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội của cả nước ngày một đè nặng hơn lên cuộc sống gia đình. Gia đình cũng khủng hoảng, nó đứng trước tình hình bức bách phải tìm ra con đường thoát để tự cứu mình, bảo đảm cuộc sống cho các thành viên. Một lần nữa, gia đình đã chứng minh sức sống và vai trò đặc thù của nó mà không một thiết chế xã hội nào có thể thay thế nổi. Nếu xã hội có ý định muốn thay thế hay hạ thấp vai trò của gia đình, thì nó hoàn toàn không thể đảm nhiệm được tất cả các chức năng của gia đình, dù ở mức rất bình thường.

Trong thời kỳ này, sự hình thành nhân cách con người *chịu sự chi phối và ảnh hưởng của xã hội rất lớn*, lúc còn nhỏ là nhà trường, đội thiếu niên, lớn lên là cơ quan, nhà nước, Đảng và các đoàn thể. Vai trò của gia đình là phối hợp cùng với xã hội để hình thành *những con người mới, xã hội chủ nghĩa*. Còn việc giáo dục về bốn phạm con cái, đạo đức ứng xử với cha mẹ, ông bà, anh em, họ hàng, thì tùy mỗi gia đình xử lý.

Cũng trong thời kỳ này, đã hình thành những mẫu hình *nhân cách con người xã hội chủ nghĩa* rất



3. Vườn cây tình nghĩa cho bà mẹ liệt sĩ

TTXVN. TRỌNG ĐỨC

đẹp đẽ, đó là những con người toàn tâm, toàn ý phục vụ cho lợi ích chung của xã hội "mình vì mọi người, mọi người vì mỗi người", có ý thức tập thể xã hội chủ nghĩa cao, chí công vô tư. Trong hoàn cảnh chiến tranh chống Mỹ cứu nước, mẫu hình con người đó lại càng có điều kiện bộc lộ: những tấm gương hy sinh của những chiến sĩ, đảng viên ở các lĩnh vực khác nhau đã một lòng, một dạ xả thân vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Biết bao lớp thanh niên, cán bộ đã sống và làm việc theo mẫu hình đó, kể cả những người dân thường, các cháu thiếu niên, các cụ già cũng theo hướng đó mà hành động, phục vụ cho công cuộc khôi phục và xây dựng đất nước sau chiến tranh.

Đã có thời gian chúng ta nghĩ rằng càng đi vào chủ nghĩa xã hội (kiểu cũ), càng đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, chúng ta sẽ có nhiều con người đẹp đẽ, với lý tưởng cao cả, với nhân cách hoàn bị của chủ nghĩa tập thể. Nhưng thực tế vận động của xã hội lại đi ngược lại lòng mong muốn và tưởng tượng của chúng ta. Chúng ta đã chứng kiến một tình hình đáng buồn là: trong điều kiện tư liệu sản xuất được công hữu hoá, người lao động trở thành người làm công ăn lương, không có quyền

hành gì thì một số người đã lợi dụng chức quyền và các sơ hở của cơ chế quản lý quan liêu để làm giàu trên công sức của nhân dân, của tập thể. Họ hoàn toàn vì lợi ích cá nhân, tìm mọi cách vơ vét thu vén cho cá nhân, bòn rút tiền bạc, tài sản của nhà nước và của tập thể mà không từ bất cứ một thủ đoạn nào, dù bỉ ổi, tàn nhẫn.

Ở mỗi người bình thường, trước những khó khăn của cuộc sống do cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội toàn diện đem lại, thì có cả hai nhân tố cùng tồn tại và đấu tranh thường xuyên, đó là vì tập thể hay vì cá nhân? đâu là lợi ích tập thể phải tôn trọng, đâu là lợi ích cá nhân phải giành giật, bảo vệ? trong khi xung quanh mình có những kẻ sống giàu sang, phê phỡn nhờ các thủ đoạn bòn rút của công. Phải nói rằng rất nhiều người, ở các cương vị công tác khác nhau, có lương tâm, có phẩm chất cách mạng, đã trăn trở bao đêm trước sự sa sút đạo đức, nhân cách của một số cán bộ, đảng viên. Họ cố đi tìm câu giải đáp cho nguyên nhân dẫn đến tình trạng này và con đường thoát ra.

Đáng vui mừng là Đảng ta, cơ quan lãnh đạo tối cao của đất nước đã sớm nhìn nhận ra vấn đề. Công

tác giáo dục tư tưởng, tuy rất quan trọng, nhưng không phải nguyên nhân cơ bản, nguyên nhân chính là từ cơ chế quản lý kinh tế xã hội quan liêu bao cấp, gắn liền với mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu cũ, đã thủ tiêu mọi động lực phát triển của xã hội, đặc biệt là sự tăng trưởng kinh tế. Do đó, nước ta đã rơi vào tình trạng thiếu thốn trầm trọng về các mặt đời sống vật chất và tinh thần, người lao động bình thường bị bó chân bó tay trong cơ chế quản lý bao cấp, quan liêu cứng nhắc, không thể phát huy sáng kiến để tăng năng suất, tăng thu nhập, cải thiện đời sống. Trong hoàn cảnh đó nhiều người đã "vượt rào", có người vượt rào một cách lương thiện, không làm hại cho ai, nhưng cũng có những kẻ lợi dụng chức quyền và sơ hở của cơ chế để làm những điều phi pháp.

Việc Đảng và Nhà nước ta kịp thời đưa ra *đường lối đổi mới* trên các mặt kinh tế - xã hội, rõ ràng là đã đem lại một lối thoát cho cả dân tộc vươn lên. Đường lối đó không chỉ giúp cho việc cải thiện đời sống vật chất cho cá nhân và gia đình, mà còn là sự giải thoát về tư tưởng, tinh thần, tạo điều kiện cho sự hình thành nhân cách con người Việt Nam, phù hợp với yêu cầu của sự phát triển của đất nước và thời đại mới.

*

* *

Hiểu được sự biến đổi của gia đình Việt Nam, vai trò của nó trong sự hình thành nhân cách con người, bước thăng trầm của nó qua hai mươi thế kỷ tồn tại của dân tộc, đất nước, là một vấn đề rất quan trọng, mà chắc chắn trong tương lai sẽ phải có những công trình nghiên cứu tầm cỡ mới đáp ứng được nhiệm vụ này. Ở đây, việc nhìn lại lịch sử gia đình Việt Nam dù mới chỉ là bước đầu, nhưng cũng hết sức cần thiết, bởi vì *quá khứ và hiện tại* có mối quan hệ không tách rời. Vai trò của gia đình trong chức năng xã hội hoá cũng như sự hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện nay là quá trình *kế thừa và đổi mới*, kế thừa những giá trị truyền thống tốt đẹp và tiếp nhận những giá trị tư tưởng nhân loại hiện đại, tiên tiến.

Chương III

GIA ĐÌNH VIỆT NAM VÀ SỰ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH CON NGƯỜI TRONG SỰ ĐỔI MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY

I. HIỆN TRẠNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỨC NĂNG TRONG GIAI ĐOẠN ĐỔI MỚI CỦA ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY (1986 - 1995)

1. Chiến lược đổi mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam và tác động của nó đối với các gia đình

Từ 1986 đến nay, để khắc phục tình trạng yếu kém, chậm phát triển của tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện chiến lược đổi mới toàn diện, bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

Về kinh tế: Chuyển từ cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong nông nghiệp, thực hiện việc khoán hộ, giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho các gia đình nông dân. Trong thương nghiệp, tự do hoá giá cả toàn bộ các mặt hàng. Nhà nước chú trọng đầu tư và khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới kỹ thuật và công nghệ, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Về mặt chính trị: Mở rộng sinh hoạt dân chủ trong hoạt động kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của đất nước và xây dựng nhà nước pháp quyền.

Về mặt xã hội: Giảm bớt các chi phí không mất tiền trong lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá, khuyến khích phát triển các dịch vụ tư nhân.

Về mặt quốc tế: Thi hành chính sách mở cửa, mở rộng giao lưu quốc tế, mở cửa cho đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam, tăng cường sự hợp tác về kinh tế, văn hoá, khoa học, kỹ thuật với nhiều nước trên thế giới.

Những sự kiện mới mẻ đó đã tác động đến đời sống các gia đình, cả thuận lợi và khó khăn. Họ phải gánh vác trách nhiệm nặng nề hơn trong tìm kiếm việc làm, nuôi sống các thành viên, cũng như đáp ứng các nhu cầu văn hoá khác. Hơn bao giờ hết, gia đình Việt Nam đã tỏ rõ sức sống mãnh liệt, vươn lên khắc phục khó khăn để đứng vững và phát triển trong điều kiện mới của đất nước.

Phát triển kinh tế dưới dạng hộ gia đình là hình thức phổ biến nhất ở nước ta hiện nay - đặc biệt với 11 triệu hộ ở nông thôn và hàng chục vạn hộ ở các thành phố, đô thị, chủ yếu là kinh doanh dưới dạng cửa hàng, xí nghiệp gia đình. Điều này có liên quan trực tiếp đến tính năng động và tiềm lực kinh tế của gia đình. Xoá đói giảm nghèo, làm giàu bằng kinh tế hộ, có sự giúp đỡ của Nhà nước, nhưng cơ bản tự các gia đình phải lo giải quyết vốn, sức lao động, kỹ thuật, học tập phương thức kinh doanh mới để có thể làm ăn có hiệu quả.

Chức năng làm kinh tế của gia đình với đầy đủ ý nghĩa là đơn vị tự chủ về điều hành sản xuất, về tiêu thụ sản phẩm làm ra và tự hạch toán lỗ lãi. Kinh tế gia đình hiện nay có vị trí hết sức quan trọng, đóng

góp to lớn vào sự phát triển kinh tế của đất nước, phục vụ đời sống nhân dân ở cả thành phố và nông thôn, với quy mô nhỏ, nhiều ngành nghề và nhiều hình thức tổ chức.

Trong tình hình nền kinh tế của nước ta hiện nay còn rất thấp, *chức năng tái sản sinh ra con người* của gia đình lại gắn với yêu cầu cấp bách là *giảm tỷ lệ sinh đẻ*. Sinh bao nhiêu con không chỉ là việc riêng của từng gia đình mà xã hội, cộng đồng rất quan tâm động viên, tạo điều kiện cho việc phòng ngừa có thai, giảm tỷ lệ sinh đẻ. Tuy nhiên, điều cơ bản vẫn là nhận thức và hành động của từng gia đình, của chồng và vợ, của cả cha mẹ già và họ hàng, họ cần thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc hạ thấp tỷ lệ tăng dân số của nước ta.

Trong điều kiện các phúc lợi công cộng của Nhà nước bị giảm sút thì *việc chăm sóc người ốm, người già, người tàn tật* trở thành trách nhiệm nặng nề của các gia đình và họ gánh chịu những chi phí rất tốn kém. Ngày nay việc chăm sóc các thương binh tại gia đình, việc nuôi dưỡng trẻ mồ côi thành nhóm trong từng gia đình cũng được coi là cách tổ chức tốt, cả về mặt tình cảm và vật chất, hơn là tập trung họ trong

các trại tập thể. Điều này lại nói lên vai trò và trọng trách lớn của gia đình phải đảm nhiệm.

Mặt khác, cùng với việc mở rộng sinh hoạt dân chủ trong nước và tiếp xúc với nền văn minh thế giới, mối quan hệ giữa các thành viên gia đình đã thay đổi: *quyền bình đẳng giữa nam và nữ, giữa vợ và chồng trong gia đình, quyền của trẻ em được Nhà nước bảo vệ, quyền tự do và lợi ích cá nhân được xã hội coi trọng, không thể có sự áp chế của chồng đối với vợ, của cha mẹ đối với con cái.* Nhu cầu muốn được hưởng hạnh phúc của mỗi cá nhân trong gia đình là chính đáng và cấp bách, vì vậy gia đình cần hết sức coi trọng chức năng *giữ gìn sự cân bằng tâm lý tình cảm cho các thành viên*, quan tâm đúng mức đến cuộc sống, nhu cầu, nguyện vọng của mỗi thành viên thì mới củng cố được độ bền vững của gia đình.

Gia đình Việt Nam rõ ràng đang phải đảm nhận các chức năng nặng nề, phức tạp hơn trước rất nhiều. Nhưng cũng cần nhấn mạnh rằng: các chính sách mới của Nhà nước đã tạo điều kiện cho các gia đình thoát khỏi bế tắc trong cuộc sống, bị động, trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước, của hợp tác xã: lao động và hưởng thụ ở mức bình quân nghèo khổ. Các gia đình

hiện nay đang chủ động vươn lên, phát huy các nguồn lực tiềm tàng trước đây chưa được động viên, khai thác, như vốn liếng, tài sản, sáng kiến, đầu óc tổ chức và quản lý kinh doanh để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống gia đình. Mấy năm qua với chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước bộ mặt thành phố, nông thôn, nhiều nơi có những biến đổi nhanh chóng, khó ai dự đoán trước được. Công sức, tiền bạc của các gia đình bỏ ra, cùng với quyết tâm xây dựng cuộc sống ấm no và văn minh hơn có ý nghĩa rất quan trọng. Chính họ đã góp phần quyết định vào thắng lợi của công cuộc đổi mới hiện nay.

Đã có lúc ở thời bao cấp, chúng ta có phần coi nhẹ vai trò của gia đình. Ngày nay, chúng ta ngày càng có một nhận thức rõ ràng là: tùy theo trình độ phát triển của xã hội mà phạm vi phân công và phối hợp giữa gia đình và các thể chế xã hội khác (cơ quan Nhà nước, nhà trường, đoàn thể v.v...) có những xê dịch trong công việc quản lý sản xuất, trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con người, bảo hiểm xã hội và y tế. Nhưng kinh nghiệm của nước ta thời gian qua, cũng như nhận định của thế giới cho thấy rằng *sự phân công giữa gia đình và xã hội sẽ tồn tại lâu dài*. Bởi lẽ việc tái sản

xuất ra con người, duy trì nòi giống, giáo dục trẻ nhỏ, truyền thụ văn hoá, bảo đảm sự cân bằng tâm lý, tình cảm cho mỗi cá nhân, đem lại hạnh phúc cho họ là những chức năng của gia đình, không một thiết chế xã hội nào khác có thể thay thế được, mặc dù nhân loại đã và đang đạt được nhiều thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến.

2. Hiện trạng hôn nhân, đời sống gia đình Việt Nam hiện nay

a. *Về hôn nhân*: Mặc dù có ảnh hưởng của cách suy nghĩ và lối sống nước ngoài vào Việt Nam, việc kết hôn của đôi nam nữ vẫn được coi trọng, với sự công nhận về mặt pháp lý của nhà nước, sự chấp nhận của cha mẹ, họ hàng với các nghi lễ mang tính dân tộc và màu sắc tôn giáo. Tình trạng các đôi nam nữ chung sống tự do, không kết hôn còn ít xảy ra và chưa được dư luận xã hội ủng hộ. Trong một số trường hợp, việc không kết hôn chính thức là do hoàn cảnh bó buộc mà thường không phải là phương thức họ tự lựa chọn, như ở các nước phương Tây.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 1993,

tổng số đám cưới trên 1.000 dân là 5,9%, ở thành phố là 5,56%, ở nông thôn là 6,12%. Tính từ 12 tuổi trở lên, tỷ lệ có hôn phối ở nông thôn là 56,50%, ở thành thị là 52,10%. (Xem bảng 1).

Bảng 1

Tình trạng hôn nhân theo giới tính, theo khu vực của dân số từ 12 tuổi trở lên năm 1993 (tỷ lệ %)

	Có hôn phối	Ly dị	Ly thân	Goá	Chưa từng kết hôn	Tổng cộng
Nam	57,99	0,33	0,33	2,00	39,34	100%
Nữ	53,71	2,38	1,24	9,95	33,72	100%
Nông thôn	56,50	0,68	0,84	0,29	35,60	100%
Thành thị	52,10	1,64	0,72	5,97	30,08	100%

Nguồn: Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam 1992-1993 của Tổng cục Thống kê xuất bản tháng 9/94.

Về quyền tự do kết hôn của nam nữ thanh niên, tình hình phổ biến hiện nay là con cái tự quyết định, nhưng có hỏi ý kiến và được sự đồng ý của cha mẹ. Đây cũng là một đặc điểm nói lên sự hoà giải, nhân

nhượng lẫn nhau giữa thế hệ già và trẻ, giữa phong tục truyền thống và nếp sống hiện đại. Theo phong tục Việt Nam, đám cưới cần có sự chứng giám của cha mẹ, đồng thời cha mẹ thường là những người chịu trách nhiệm chính về chi phí cho đám cưới. Nếu cha mẹ không đồng ý thì đám cưới khó thành, hôn nhân có thể hợp pháp nhưng không hợp lệ. Gần đây, các phong tục cưới xin cũ được khôi phục, trở nên phức tạp, cầu kỳ, tốn kém hơn và vai trò gia đình trong hôn lễ càng được xem trọng.

Về tuổi kết hôn lần đầu trong cả nước năm 1989 là 24,5 tuổi đối với nam, 23,2 tuổi đối với nữ. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng *tảo hôn* (nữ 15,16 tuổi, nam 17,18 tuổi) chủ yếu ở nông thôn và miền núi.

Đến nay gia đình Việt Nam vẫn có *sự ổn định tương đối tốt*, mặc dù mấy năm nay tỷ lệ ly hôn có tăng lên, chủ yếu ở thành phố.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 1992, tỷ lệ ly hôn trên 1.000 dân là 0,3% so với 0,28% năm 1989, trong đó tỷ lệ ly hôn ở thành phố là 0,38%, tỷ lệ ở nông thôn là 0,23%.

Theo số liệu của Tòa án nhân dân Hà Nội, từ

1987 bắt đầu thi hành Luật hôn nhân và gia đình mới, đến hết năm 1994 thì ở Hà Nội có 23,788 vụ kiện ly hôn, lý do xin ly hôn muôn hình, muôn vẻ, trong đó nguyên nhân chủ yếu (chiếm 30% trong các vụ xin ly hôn) là do bị chồng đánh đập, ngược đãi, người vợ phải đứng đơn xin ly hôn. (Ở huyện Từ Liêm từ 1988 đến 1994 có tới 63% số vụ ly hôn do vợ đứng đơn). Nguyên nhân thứ hai là do một bên có ngoại tình, có vợ lẽ và mâu thuẫn gia đình. Tuổi đời của các cặp vợ chồng xin ly hôn từ 18 đến 30, chiếm 40%, hầu hết đã có từ 1 đến 2 con.

Hậu quả của các vụ ly hôn ở nước ta cũng như ở trên thế giới thường là *người phụ nữ và con cái họ phải gánh chịu*. Người mẹ chủ yếu phải nuôi con một mình, rất ít hoặc không có sự giúp đỡ của người bố.

b. Về cấu trúc của gia đình và việc tách hộ.

Ở Việt Nam hiện nay chủ yếu có hai hình thức tổ chức gia đình: *gia đình hạt nhân* gồm hai thế hệ bố mẹ, con cái sống chung và *gia đình mở rộng* gồm nhiều thế hệ cùng chung sống, thường là ba thế hệ. Đồng thời có thể kể đến dạng *gia đình không đầy đủ* chỉ có mẹ hay bố sống cùng các con; dạng *gia đình đầy đủ* cả vợ chồng, cả cha và mẹ sống với các con chiếm số đông.

Nhìn chung trong cả nước, số gia đình hạt nhân chiếm số đông với tỷ lệ ngày càng tăng lên từ 65% đến 75% tổng số hộ, tùy từng vùng, các gia đình mở rộng nhiều thế hệ chiếm từ 25% đến 35%.

Theo điều tra (200 hộ năm 1995) ở phường Ngô Thì Nhậm (Hà Nội), tỷ lệ gia đình hạt nhân chiếm 66%, gia đình ba thế hệ chiếm 33%, gia đình một thế hệ (chưa có con) chiếm 1%, không có gia đình bốn thế hệ. Ở phường Yên Phụ (Hà Nội), gia đình hai thế hệ chiếm 65%, ba thế hệ chiếm 29%, một thế hệ chiếm 4%, bốn thế hệ chiếm 2%.

Tốc độ phát triển các hộ gia đình tăng nhanh hơn tốc độ tăng dân số. Năm 1989 cả nước có 12.958.041 hộ. Năm 1992 có 13.749.000 hộ, trong đó hơn 11 triệu hộ ở nông thôn. (Xem bảng 2).

Bảng 2

Tỷ lệ tăng dân số và hộ gia đình (1979 - 1989)

	1979	1989	Tốc độ tăng (%)	Tỷ lệ phát triển hàng năm
1. Số dân	50.463.918	62.656.941	24,2	2,3
2. Số hộ gia đình	9.665.866	12.958.041	34,1	3,1
3. Quy mô hộ bình quân	5,2	4,8		

Nguồn: Số liệu về phụ nữ Việt Nam 1985-1994 (tr.14)

Thực tế trong lịch sử nước ta vẫn thường xuyên diễn ra việc tách gia đình lớn hình thành các gia đình hạt nhân, sau các cuộc dựng vợ, gả chồng cho con cái. Ông bà già cũng ít khi sống một mình, do đông con, họ thường ở với con cả hay con út, hoặc ở riêng, nhưng ở gần nhà con cái để chúng có thể đi lại thăm nom, giúp đỡ dễ dàng. Các gia đình có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trong ngôi nhà dài thường chỉ là phong tục của các dân tộc miền núi, đặc biệt ở Tây Nguyên.

Thông thường sau khi cưới, đôi vợ chồng trẻ còn ở chung với ông bà già từ 6 tháng đến 1,2 năm để chuẩn bị điều kiện vật chất và kinh nghiệm làm ăn, tổ chức gia đình rồi mới tách hộ. Những năm gần đây, sau khi lập gia đình nhiều đôi nam nữ xin tách hộ ngay, đặc biệt là ở nông thôn để xin đất canh tác và đất thổ cư ở xã, do chính sách ruộng đất của Nhà nước trước đây chưa ổn định về quyền sử dụng đất lâu dài và lại chia đất theo nhân khẩu gia đình. Ở thành phố, việc tách hộ lại gắn liền với việc xin cấp nhà ở nên có nhiều khó khăn hơn.

Trước sự gia tăng của gia đình hạt nhân, có những ý kiến không tán thành vì lo lắng cho vấn đề sinh sống của ông bà già, nếu không ở cùng với con cái, thì không có người giúp đỡ săn sóc họ. Nhưng sự

phát triển của đình hai thế hệ là một xu hướng diễn biến khách quan, trước kia cũng như hiện nay. Đôi vợ chồng trẻ đã lập gia đình muốn sống tự do, tự quyết định công việc của họ, không muốn có sự kiểm soát, điều khiển của bố mẹ già.

Về chủ hộ: phần lớn nam giới làm chủ hộ. Theo tài liệu của Tổng cục Thống kê số nữ làm chủ hộ trong cả nước năm 1989 là 31,90% năm 1994 là 27% (Xem bảng 3).

Bảng 3

Hộ gia đình phân theo giới tính của chủ hộ 1989 - 1994 (%)

Vùng	1 - 4 - 1989		1 - 4 - 1994	
	Nữ	Nam	Nữ	Nam
1. Toàn quốc	31,9	68,1	27,0	73,0
2. Thành thị	48,2	51,8	42,4	56,6
3. Nông thôn	27,9	72,1	23,3	76,7

Nguồn: Số liệu về phụ nữ Việt Nam 1983-1994 (tr.118)

Cần phân biệt nữ chủ hộ có chồng cùng chung sống với dạng *gia đình một mình người phụ nữ làm chủ hộ* do chồng chết, ly dị, ly thân, có con không có

chồng, hay chồng đi vắng xa dài ngày, trong đó tỷ lệ phụ nữ goá cao nhất (Xem bảng 4). Ở vùng đồng bằng đất chật người đông thì tỷ lệ gia đình phụ nữ có chồng đi làm vắng xa chiếm tỷ lệ khá cao. Ví dụ, điều tra năm 1992 ở xã Trục Đại, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Hà, số gia đình có chồng đi vắng xa, nữ làm chủ hộ chiếm tới 15,64% tổng số hộ của xã.

Bảng 4

**Phân bố chủ hộ theo tình trạng hôn nhân, giới tính
thành thị / nông thôn, 1993**

Tình trạng hôn nhân	Toàn quốc		Thành thị		Nông thôn	
	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam
Chưa vợ/chồng	5,9	0,7	5,7	0,7	6,0	0,7
Có vợ/chồng	42,2	95,6	57,4	94,2	34,9	95,8
Goá	40,9	3,0	27,5	3,4	47,4	2,9
Ly dị	5,3	0,3	5,9	1,3	5,1	0,1
Ly thân	5,7	0,4	3,6	0,4	6,7	0,4
	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Số liệu phụ nữ Việt Nam 1985 - 1994, tr.125.

c. Về xu hướng tăng nhân khẩu của gia đình hiện nay

Đối với người Việt Nam từ xưa đến nay, đôi nam nữ lập gia đình để sinh con, đó là điều hệ trọng, coi như một trách nhiệm lớn lao, là sự báo hiếu đối với cha mẹ, dòng họ, tổ tiên, để khỏi tuyệt nòi giống, phải có con để nối dõi tông đường. Quan niệm đó ngày nay đã có phần giảm đi, nhưng có con vẫn là niềm vui, hạnh phúc của đôi vợ chồng, tạo nên mối liên kết mạnh mẽ, bền chặt hơn giữa họ với nhau, do cùng có chung trách nhiệm và tình cảm với con cái. Bởi vậy, khác với xã hội phương Tây, ở Việt Nam những đôi vợ chồng chủ trương không sinh con rất hiếm, trừ phi họ có nguyên nhân về bệnh tật, v.v... Trái lại, cho đến nay việc không có con vẫn là nguyên nhân dẫn đến việc đòi ly hôn về phía chồng hay vợ để lập lại cuộc hôn nhân mới và sinh con (thường nam giới đòi ly hôn hoặc đòi lấy vợ lẽ).

Số con trong các gia đình có giảm đi tuy chưa nhiều, mặc dù công tác kế hoạch hoá gia đình được tiến hành hàng chục năm nay và đặc biệt được đẩy

mạnh trong mấy năm gần đây. Tỷ lệ sinh năm 1989 là 3,01%, năm 1994 là 2,58% ⁽¹⁾ . Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh và chết yếu lại giảm đi, nên tỷ lệ tăng dân số năm 1990 là 2,19%, năm 1992 là 2,26% ⁽²⁾ . Hiện nay Việt Nam thuộc loại nước có *dân số trẻ*. Số trẻ em dưới 14 tuổi rất cao chiếm 44% dân số năm 1989, 37,6% năm 1993. Dự kiến năm 2000 dân số nước ta sẽ tăng lên 80 triệu người. Ở đây, có những nguyên nhân tích cực như do những thành tựu trong việc phòng, chữa bệnh cho trẻ em và người lớn, đồng thời với những tiến bộ của công nghệ sinh học và ngành y tế, đã làm giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em, người lớn và làm tăng tuổi thọ của người già.

Do khuynh hướng phát triển dân số như trên nên *quy mô gia đình chưa giảm đi*, mặc dù có việc tách thành nhiều hộ gia đình hạt nhân. Năm 1992 quy mô trung bình hộ là 4,82 người ở thành phố và 4,81 người ở nông thôn.

⁽¹⁾ Số liệu về phụ nữ Việt Nam 1985 - 1994, tr. 16

⁽²⁾ Số liệu thống kê lao động và xã hội, NXB Thống kê 1993, tr. 23.

d. Về các điều kiện sinh sống của các gia đình hiện nay.

Trong vòng vài năm gần đây, đời sống các gia đình trở nên khá giả hơn, cho phép họ đầu tư các khoản thu nhập nhiều hơn vào việc xây dựng, sửa chữa nhà ở, mua sắm dụng cụ gia đình, đài, tivi, xe đạp, xe máy, quần áo, tư trang và chăm sóc con cái tốt hơn. Tuy nhiên, nhìn chung đời sống của nhân dân vẫn còn thấp.

Vậy đánh giá mức sống của gia đình hiện nay thế nào? Kết quả điều tra 91.723 hộ gia đình trong cả nước do Tổng cục Thống kê tiến hành năm 1993 cho biết: 51,71% các chủ hộ tự đánh giá có mức sống khá hơn năm 1990. Nhưng với cách tính tối thiểu mỗi người một ngày cần 2.000 calo, thì kết quả điều tra cho thấy hơn 1/2 dân số dưới mức nghèo khổ (26% ở thành thị và 57% ở nông thôn), so với Thái Lan (4% ở thành thị, 20% ở nông thôn) ⁽¹⁾. Với mức thu nhập bình quân mỗi đầu người/tháng trên 100.000đ trong phạm vi cả nước thì nhóm hộ trên trung bình chiếm 17,19%, nhóm hộ giàu chiếm 4,1%, nhóm hộ trung bình chiếm 35,48%, nhóm dưới trung bình chiếm

⁽¹⁾ Báo nhân dân ngày 10-8-1994 và 10-2-1995

22,27%, nhóm hộ nghèo chiếm 20% ⁽¹⁾.

Theo tính toán của ban Dự thảo Chiến lược kinh tế - xã hội nước ta đến năm 2000, thì bình quân đầu người ở nước ta hiện nay là 200 USD, thuộc loại thấp nhất thế giới ⁽²⁾.

Từ năm 1990 - 1993, *sự phân tầng mức sống giữa các hộ dân cư tăng lên*. Có những hộ giàu lên nhanh chóng, có trên 10% số hộ có mức thu nhập cao hơn mức chi tiêu. Nếu số hộ giàu tăng từ 10,8% năm 1989 lên 12,2% năm 1990, thì số hộ nghèo cũng tăng từ 9,4% lên 15,89%, sự phân hoá giàu nghèo ở *nông thôn rõ rệt hơn* ⁽³⁾.

Sự chênh lệch trong mức thu nhập ngày càng tăng và đang diễn ra cả ở thành phố, nông thôn, miền biển và vùng đồng bằng.

Điều tra ở *phường Yên Phụ* (Hà Nội) tháng 3/1995, thu nhập bình quân của hộ gia đình từ 100.000 - 200.000đ/tháng chiếm 29,3%, từ 200.000-

(1) và (3) Báo nhân dân ngày 10-8-1994 và 10-2-1995

(2) Bài phát biểu của ông Phan Văn Khải về Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của nước ta đến năm 2000. H.; Dự thảo chiến lược kinh tế xã hội nước ta đến năm 2000. 1990, tr. 23.

300.000đ là 33,3%, số hộ thu nhập trên 500.000đ/tháng chiếm 11,5%. Tại phường *Ngô Thì Nhậm* (Hà Nội), thu nhập từ 100.000-200.000 đồng chiếm 40%, từ 200.000-300.000đ là 30%, trên 500.000đ là 1%. Các hộ tự đánh giá mức sống khá giả là 5%, đủ ăn là 87%, thiếu ăn là 8%.

Điều kiện sinh sống của gia đình hiện nay còn rất thiếu thốn, trước hết là vấn đề nhà ở.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê cung cấp năm 1992 có 13.165.000 căn nhà cho 13.749.000 hộ (nghĩa là chính thức có 584.000 hộ không có nhà ở). Thực tế, số liệu này còn lớn hơn nhiều vì số dân ở nông thôn kéo ra thành phố làm ăn sinh sống, ở tạm bộ nơi này nơi khác.

Nhà ở không có điện dùng chiếm 45%, khoảng 28% các hộ được cung cấp nước sạch và chỉ có 15% dùng các công trình vệ sinh thích hợp⁽¹⁾.

Thực trạng nhà ở tại các thành phố lớn là rất chật chội, thiếu vệ sinh, có gia đình ba thế hệ phải ở

⁽¹⁾ Tình hình phụ nữ và trẻ em do Unicef xuất bản 1994, tr.93.

chung một căn phòng 15m². Còn ở nông thôn, tình trạng nhà ở không có nhà tắm, hố xí, thiếu nguồn nước sạch là phổ biến. Vì vậy, nhiều bệnh về đường ruột đã phát triển trong trẻ em, đặc biệt ở nông thôn như bệnh tiêu chảy (94% trẻ em ở miền Bắc đi khám có giun đũa) và nhiều thứ bệnh ngoài da khác.

Tình hình hưởng thụ văn hoá, y tế, giáo dục của các gia đình

Do thành tựu những năm trước đây để lại, Việt Nam có tỷ lệ người biết đọc, biết viết cao, năm 1993 có 86,6% dân số biết đọc, biết viết. Nhưng đáng báo động là tỷ lệ mù chữ hiện nay đang gia tăng do số trẻ em, người lớn bỏ học, không đi học tăng lên trong mấy năm gần đây. Cụ thể, tỷ lệ *biết đọc, biết viết* của dân số từ 10 tuổi trở lên, năm 1989, nữ là 83,8%, nam là 92,4%, năm 1993 tỷ lệ nữ giảm xuống 82,3%, nam giảm xuống 91,4% ⁽¹⁾ (Xem bảng 5). Tỷ lệ trẻ em ở tuổi đến trường học ở các cấp giảm đi gần 0,8% mỗi năm, đặc biệt từ cấp hai trở lên; số trẻ em từ 6 đến 14 tuổi

⁽¹⁾ Kết quả khảo sát mức sống dân cư 1992 - 1993, NXB Thống kê, 1994.

hoàn toàn không đến trường, hay bỏ học sau khi vào lớp khoảng 2,2 triệu em. Tỷ lệ mù chữ ở các xã miền núi rất cao, ví dụ, ở Hà Giang chỉ có 22,1% trẻ đến trường, ở Lào Cao 23%, ở Kon Tum 25% ⁽²⁾. Lứa tuổi càng lớn, cơ hội đến trường của trẻ em càng giảm, đặc biệt là ở nông thôn và trước hết là với các em gái.

Bảng 5

TỶ LỆ BIẾT ĐỌC, BIẾT VIẾT CỦA DÂN SỐ TỪ 10 TUỔI TRỞ LÊN CHIA THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN (%)

	1989		1992 - 1993	
	Nữ	Nam	Nữ	Nam
Toàn quốc	83,8	92,5	82,3	91,4
Thành thị	91,5	96,8	90,7	96,3
Nông thôn	81,7	91,1	80,0	90,1

Nguồn: Khảo sát mức sống dân cư 1992 - 1993.

Khi Nhà nước xoá bỏ chế độ bao cấp, thì sự phân hoá giàu nghèo cũng diễn ra khá rõ rệt giữa các gia đình ở các thành phố và nông thôn về mức hưởng thụ

⁽²⁾ Tình hình phụ nữ và trẻ em của Unicef, tr.125.

y tế, văn hoá đi đôi với các điều kiện sinh hoạt gia đình.

Nhiều gia đình ở thành phố và các xã vùng đồng bằng đã có các phương tiện nghe nhìn hiện đại (đài, tivi, video) và các đồ dùng như máy giặt, tủ lạnh, máy điều hoà, xe máy v.v... Ví dụ, các gia đình ở phường Ngô Thì Nhậm 35% có video, 95% có tivi, 65% có tủ lạnh, 23% có máy giặt, 3% có máy điều hoà, 68% có xe máy, 70% có radio, 16% có bếp ga, 1 gia đình có ô tô.

Nhưng những hộ nghèo ở các vùng miền núi, vùng sâu, thì việc hưởng thụ văn hoá thật ít ỏi, vì họ không có các phương tiện nghe nhìn tại gia đình và điều kiện sinh sống của họ quá thấp kém. Năm 1993, điều tra ở xã Hoà Phú, một xã miền núi huyện Hoà Vang, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thì 47% phụ nữ không bao giờ nghe đài, 83,9% không bao giờ đọc sách, báo, 34,7% chưa bao giờ xem tivi. Về nước sạch, vệ sinh môi trường thì 61,8% hộ không có giếng nước, 83,3% hộ không có nhà vệ sinh và gần 100% hộ không có nhà tắm.

Xem xét, phân tích các số liệu của cả nước năm 1993 về hưởng thụ văn hoá thì tình hình cũng không có gì sáng sủa nhiều, đặc biệt là đối với phụ nữ, 25,2%

phụ nữ không bao giờ nghe đài, 36,5% thỉnh thoảng mới nghe, 19,8% không bao giờ xem tivi, 37,9% thỉnh thoảng mới xem, 35,7% không bao giờ đọc báo, 36,5% thỉnh thoảng mới đọc (Xem bảng số 6). Nguyên nhân là do nhiều gia đình chưa có các phương tiện thông tin, đặc biệt là ở các gia đình ở nông thôn (Xem bảng 7).

Bảng 6

THỜI GIAN DÀNH CHO NGHE ĐÀI, XEM TIVI, ĐỌC SÁCH CỦA CÁC CẶP VỢ CHỒNG TRONG ĐỘ TUỔI SINH ĐẸ 1993

	Vợ	Chồng
1. Tỷ lệ nghe đài		
Không bao giờ	25,2	15,5
Thỉnh thoảng	36,5	32,5
Hàng ngày	38,0	52,0
2. Tỷ lệ xem tivi		
Không bao giờ	19,8	3,9
Thỉnh thoảng	37,9	35,6
Hàng ngày	42,1	50,3
3. Tỷ lệ đọc sách, báo		
Không bao giờ	35,7	39,0
Thỉnh thoảng	36,5	41,9
Hàng ngày	9,6	18,9

Nguồn: Số liệu phụ nữ Việt Nam 1994, tr. 85.

Bảng 7

**MỘT SỐ PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN
BÌNH QUÂN 100 HỘ THÀNH THỊ - NÔNG THÔN**

Phương tiện thông tin	Toàn quốc	Thành thị	Nông thôn
1. Máy thu thanh	11,81	6,25	13,20
2. Tivi	21,52	50,93	15,41
3. Radio	25,62	43,85	21,07
4. Máy quay đĩa	0,35	0,52	0,31
5. Đầu video, đầu trò chơi điện tử	3,27	13,65	6,08

Nguồn: Số liệu phụ nữ Việt Nam, 1985 - 1994, tr.131.

Mặt khác phải thừa nhận rằng, sinh hoạt văn hoá đang phát triển mạnh mẽ được đông đảo các gia đình, đặc biệt là phụ nữ tham gia hiện nay lại là *các lễ hội* dân gian ở các đình, chùa của các địa phương.

Về mặt y tế, cùng với sự xoá bỏ bao cấp các chi phí cho y tế, chữa bệnh là sự xuống cấp của các bệnh viện, trạm y tế xã, nhà hộ sinh. Sự phát triển các dịch vụ y tế tư nhân tuy thuận tiện, nhưng lại đắt tiền. Các gia đình nghèo không thể gánh chịu nổi các chi phí quá nặng nề, tốn kém và bằng tiền mặt, so với thu nhập quá ít ỏi của họ, đặc biệt là ở nông thôn. Họ phải

tự chữa bệnh ở nhà, bằng các thứ lá cây cổ truyền và đi cúng bái cầu mong chóng khỏi bệnh.

Theo kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 1993 thì chi phí bảo vệ sức khoẻ bình quân/hộ trong một năm là 381,78 nghìn đồng ở nông thôn và 522,89 nghìn đồng ở thành phố ⁽¹⁾. Còn việc khám chữa bệnh của nhân dân chỉ có 15% chữa ở cơ sở nhà nước, 19,47% ở cơ sở tư nhân, còn 65,28% tự chữa bệnh ⁽²⁾.

Với một số liệu đã nêu trên, chúng ta phải thừa nhận rằng, mặc dù có nhiều tiến bộ, nhưng đời sống các gia đình Việt Nam vẫn thuộc loại thấp trong các nước đang phát triển.

Trong khi công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đòi hỏi người Việt Nam phải có vốn kiến thức ngày càng mở rộng để tiếp thu kịp thời các thành tựu của cuộc cách mạng công nghệ thế giới, thì con em chúng ta, đặc biệt ở nông thôn lại phải bỏ học để đáp ứng những nhu cầu sống trước mắt. Đó là một điều đáng lo ngại và đáng buồn mà nhà nước phải có trách nhiệm tháo gỡ mâu

⁽¹⁾ Khảo sát mức sống dân cư, tr.113 và tr.85.

⁽²⁾ Như trên

thuần này. Khi các gia đình có thu nhập cao, đủ tiền trả các dịch vụ xã hội như giáo dục, y tế, cho con cái và bản thân họ, thì đối với các gia đình nghèo ở thành phố, nông thôn, miền núi, nhà nước, cộng đồng lại phải tăng cường sự giúp đỡ, cho họ hưởng thụ những dịch vụ y tế, giáo dục, văn hoá không mất tiền, tạo điều kiện, cơ hội cho con em họ được học tập và chăm sóc sức khoẻ. Từ đó có thể giảm sự xa cách giàu nghèo giữa các gia đình, ngay giữa những đứa trẻ vô tội, những cháu số phận không may sinh ra ở những gia đình hoàn cảnh khó khăn, túng thiếu.

Chúng ta cũng vui mừng trước sự phát triển của phong trào làm việc thiện trong mấy năm nay của nhân dân ta, hoạt động tích cực của nhiều tổ chức tự nguyện, của các cá nhân đã giúp đỡ kịp thời các gia đình nghèo gặp khó khăn, các cháu nhỏ gặp hoạn nạn v.v...

Về sự chuyển đổi từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại

Mặc dù bước đầu đi vào con đường công nghiệp hoá, nhưng hiện trạng gia đình Việt Nam vẫn mang nhiều dấu ấn của nền văn minh nông nghiệp, đặc biệt là với đông đảo các gia đình ở nông thôn.

Cùng với chính sách giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho các hộ nông dân, gia đình vẫn gắn với đồng ruộng, mảnh vườn, nhà ở, gắn với họ hàng, dòng họ, làng nước, quê hương. Vì thế cá nhân vẫn còn chịu ảnh hưởng của địa vị gia đình, dòng họ. Gia đình nông thôn vẫn muốn có nhiều con để có thêm sức lao động và có nơi nương tựa tuổi già. Cơ cấu gia đình nhiều thế hệ còn chiếm một tỷ lệ đáng kể, nơi thấp là 20%, nơi cao là 40%.

Nhiều hộ ở nông thôn được chia ruộng đất theo nhân khẩu, nhưng thực tế do thiếu việc làm nên nhiều nam nữ thanh niên (đặc biệt là nam giới) đã rời làng ra thành phố làm ăn, phần ruộng đất của họ giao cho gia đình, họ hàng cày cấy. Họ không có hộ khẩu chính thức, không có nhà cửa ở thành phố, đô thị, họ phải ở tạm bợ, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình ở quê. Họ tham gia vào làm các nghề dịch vụ ở các thành phố, như bán hàng rong, đạp xe xích lô, hầu bàn, giúp việc các gia đình v.v... Đây là một tình hình rất phức tạp trong việc quản lý xã hội và đặc biệt ảnh hưởng đến việc xây dựng gia đình ổn định, nuôi dạy con cái tốt, mà gánh nặng công việc gia đình thường do người vợ ở nhà phải đảm nhiệm.

Sự phát triển của *nền văn minh công nghiệp, hậu công nghiệp* đang tác động đến các gia đình Việt Nam *chủ yếu ở các thành phố* (ở giới trí thức, viên chức, người làm nghề tự do và lớp thanh niên) về phương thức làm ăn, sinh sống, cách suy nghĩ. Đặc điểm của kiểu gia đình mới là *tính cơ động, đổi mới và sáng tạo*. Trước hết là *cơ động trong nghề nghiệp*, họ không chỉ làm một nghề truyền thống hay nghề đã được đào tạo chính quy, mà họ sẵn sàng thay đổi nghề khi cần thiết. Họ có nhu cầu học nghề mới, được đào tạo lại, học ngoại ngữ để tiếp xúc với các thông tin khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại, đáp ứng với những đòi hỏi của thị trường lao động và kinh doanh mới ở nước ta. *Sự cơ động xã hội* gắn liền với nghề nghiệp, sự phân hoá, thay đổi thành phần dân cư theo nghề nghiệp, mà không cố định từ xuất xứ của gia đình. Đặc biệt con người ít dựa vào địa vị, uy tín của gia đình, dòng họ, mà từ năng lực phẩm chất cá nhân họ tự tạo ra để xây dựng chỗ đứng của mình trong xã hội.

Gia đình mới *cũng không muốn có nhiều con*, vì họ muốn tập trung thời gian, sức lực cho sự nghiệp của chồng và vợ, muốn cho con cái và bản thân họ có

cuộc sống đầy đủ hơn. Họ ủng hộ chủ trương mỗi gia đình chỉ có từ một đến hai con.

Nhưng sự chuyển tiếp từ gia đình truyền thống sang gia đình hiện đại, không chỉ gắn với quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá, mà còn chịu ảnh hưởng của *những yếu tố văn hoá và tôn giáo* khác tồn tại trong xã hội. Gia đình Việt Nam truyền thống đã chịu ảnh hưởng của *nền văn hoá bản địa*, các tư tưởng cộng đồng làng xã và *Nho giáo*. Tính ổn định của thiết chế gia đình được đảm bảo bởi các *quan hệ ràng buộc lẫn nhau theo chiều dọc* về nghĩa vụ, trách nhiệm giữa đôi vợ chồng với con cái, lòng hiếu thảo, lòng biết ơn của con cháu với cha mẹ, ông bà và sự tôn kính đối với tổ tiên. *Ý thức trách nhiệm* đó luôn gắn với *nghĩa vụ* được củng cố trong cuộc sống chung gia đình, lúc vui vẻ, khi hoạn nạn, đã giúp đôi vợ chồng vượt qua những mâu thuẫn, bi kịch khó tránh được trong cuộc sống nhiều năm của một gia đình. *Tình nghĩa vợ chồng* đó là cơ sở của lòng chung thuỷ, một nét đạo đức đáng trân trọng của gia đình Việt Nam truyền thống.

Tuy nhiên, ở nhiều gia đình Việt Nam hiện nay, sự chi phối của *các mối quan hệ theo chiều ngang*,

quan hệ giữa đôi vợ chồng dần dần đang chiếm ưu thế và cũng có những lý do hợp lý của nó. Hạnh phúc gia đình ngày càng phụ thuộc vào mối quan hệ tình cảm vợ chồng, những đòi hỏi của họ về tự do cá nhân, hạnh phúc riêng tư. Họ sẵn sàng chia tay nhau khi tình yêu và tình thương không còn, để tìm hạnh phúc mới mặc dù sự chia ly này có ảnh hưởng nhiều đến con cái và gây cho người phụ nữ nhiều khó khăn.

Hôn nhân và gia đình ở nước ta cũng đang có những yếu tố đe dọa sự ổn định. Vậy sự *ràng buộc của các quan hệ theo chiều dọc* (sự ràng buộc cần thiết và đầy tính nhân ái) và *sự gắn bó theo chiều ngang* giữa đôi vợ chồng (một yếu tố quyết định hạnh phúc gia đình) cần được điều chỉnh, kết hợp hài hoà để xây dựng gia đình ổn định, bền vững và đảm bảo hạnh phúc thật sự cho mỗi thành viên.

Tóm lại, việc nhận dạng gia đình Việt Nam hiện nay, đời sống vật chất và tinh thần, những biến chuyển mới, khó khăn và thuận lợi đang đặt ra những vấn đề hết sức quan trọng. Từ đó, chúng ta mới hiểu được sự hình thành nhân cách con người trong giai đoạn mới và đánh giá đúng đắn vai trò của gia đình trong việc thực hiện chức năng xã hội hoá.

3. Đánh giá ảnh hưởng của cơ chế thị trường và chính sách mở cửa đối với các gia đình, đặc biệt với chức năng giáo dục con cái

Một điều cần được thừa nhận là trong giai đoạn quá độ, các gia đình được gỡ bỏ các xiềng xích trói buộc, tự do phát triển các ngành nghề, tăng thu nhập nhưng ở nhiều gia đình chức năng kinh tế đã cuốn hút quá nhiều công sức của đôi vợ chồng, lôi cuốn cả con cái, ông bà già vào việc kinh doanh, ảnh hưởng đến việc chăm sóc các thành viên gia đình về mặt tâm lý, tình cảm, cũng như việc giáo dục học tập của trẻ. Vợ, chồng gắt gỏng nhau, chồng đánh đập vợ, con khi làm ăn thất bại.

Ở một số gia đình có sự giảm sút vai trò giáo dục của cha mẹ đối với con cái. Họ phó mặc cho nhà trường trong việc học tập kiến thức, thả lỏng cho trẻ em tự phát triển trong môi trường xã hội bao quanh, đường phố, bạn bè và các phương tiện thông tin đại chúng. Cha mẹ chỉ chú ý cho con ăn ngon, mặc đẹp, tiền ăn học và tiền giải trí. Còn ở nông thôn, trẻ em được phát triển một cách "tự nhiên". Chúng thiếu thời gian, thiếu sách vở, thiếu người hướng dẫn học tập nên học kém, học dốt, vì thế chúng sinh ra chán nản, bỏ học ở

nhà và được bố mẹ sẵn sàng chấp thuận. Các chi phí cho việc học tập cao cũng là một nguyên nhân quan trọng cho việc bỏ học của trẻ em.

Ở một số gia đình, sự thiếu gương mẫu của cha mẹ trong cách làm ăn, sinh sống, ứng xử xã hội, cạnh tranh trong cơ chế thị trường... đã có tác động tiêu cực đến con cái; hoặc sự lung củng trong quan hệ giữa bố và mẹ, ông bà, anh em trong gia đình ... đều là nguyên nhân đưa trẻ em đến chán nản, thất vọng và hư hỏng. Khi gia đình không bảo đảm cho trẻ em những điều kiện an toàn để phát triển (không chỉ là những điều kiện kinh tế, mà còn đáp ứng các nhu cầu tình cảm, văn hoá, tinh thần của chúng) thì chúng sẽ rời bỏ môi trường gia đình để đi tìm môi trường xã hội khác, nhiều khi rất nguy hại và xấu xa.

Nếu việc tái sản sinh ra con người là một chức năng cơ bản của gia đình thì việc nuôi dưỡng con cái, giáo dục cho chúng thành người là công việc hàng đầu của cha mẹ. Đó là trách nhiệm của họ đối với xã hội và cũng là nhu cầu tình cảm, nguồn hạnh phúc của gia đình.

Cùng với sự phát triển của kinh tế hàng hoá và cơ chế thị trường, sự mở rộng giao lưu quốc tế thì ảnh hưởng của lối sống Âu Mỹ, những mặt tích cực và tiêu

cực, của nếp sống trong điều kiện đổi mới đang dội vào sinh hoạt nội bộ của gia đình, vào *văn hoá gia đình*. Trong một số gia đình, mặc dù sung túc, giàu sang, nhưng lại không có hạnh phúc, hoặc chứa đầy những sự kiện đau lòng trong quan hệ nội bộ các thành viên. Thế lực đồng tiền, quyền lợi vật chất đã chi phối mạnh mẽ, trắng trợn, chà đạp lên đạo lý thông thường, con cái bị hư hỏng, người già bị bỏ rơi v.v... Tình trạng ly hôn, nạn ngoại tình, bồ bịch có xu hướng tăng lên, chủ yếu ở thành phố, đô thị, cùng với tình trạng tranh chấp nhà của hết sức gay gắt giữa anh em, chú bác, họ hàng. Những hiện tượng bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em vẫn diễn ra ở một số gia đình, nhiều vụ dẫn đến án mạng, tù tội. Sự cám dỗ của đồng tiền, cách làm ăn phi pháp để kiếm tiền đã đẩy một số gia đình hay thành viên của gia đình vào con đường tội lỗi, buôn lậu, lừa đảo, cướp của, giết người, hoặc làm nghề môi giới mua bán tình dục, buôn bán phụ nữ, v.v...

Mặt khác, nạn thiếu việc làm hiện nay đã khiến cho nhiều thanh niên ở nông thôn kéo ra thành phố, đô thị tìm việc làm ngày càng đông, số trẻ em lang thang do gia đình túng thiếu phải đi kiếm sống cũng phát triển. Như vậy, tình trạng nghèo đói của gia đình, cùng sự phân hoá giàu nghèo trong xã hội đã làm tăng lên các tệ nạn xã hội khiến dư luận xã hội

hết sức nhức nhối, mà cả gia đình và nhà nước đều có trách nhiệm.

Trước tình hình trên đã có những ý kiến nhấn mạnh đến tác động tiêu cực của kinh tế hàng hoá, của cơ chế thị trường và cho rằng gia đình Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng, bế tắc, đi xuống!

Vậy đánh giá tác động của cơ chế thị trường đối với các gia đình như thế nào ?

Có hai cách đánh giá, hoặc nhấn mạnh mặt tích cực, hoặc nhấn mạnh mặt tiêu cực nảy sinh trong điều kiện kinh tế thị trường.

Những ý kiến nhấn mạnh đến *mặt tích cực* cho rằng cơ chế thị trường và sự phát triển kinh tế hàng hoá đã giúp cho cả nước ta và các gia đình thoát khỏi bế tắc của nạn khủng hoảng kinh tế - xã hội triền miên trong nhiều năm. Các gia đình giành được quyền chủ động, phát huy được tiềm năng kinh tế và trí sáng tạo; hoạt động sản xuất cũng như các mặt hoạt động khác được tự do, thoải mái, linh hoạt hơn trước rất nhiều.

Những ý kiến khác thừa nhận rằng kinh tế thị trường có mặt tích cực là tạo điều kiện cho các gia đình làm giàu, nhưng đã làm nảy sinh *nhiều mặt tiêu*

cực: có sự xuống cấp đạo đức do đề cao sức mạnh của đồng tiền, đặt quyền lợi cá nhân lên trên mọi đạo lý trong quan hệ giữa các thành viên gia đình, giữa họ hàng, thân tộc.

Thực tế cần thấy rằng các mặt xuống cấp trên đây không phải do cơ chế thị trường tạo ra. Cơ chế thị trường đã tồn tại ở nhiều nước trên thế giới từ mấy thế kỷ nay và không ai quy cho nó trách nhiệm tạo nên những mặt tiêu cực của gia đình. Ở nước ta, sự mở rộng cơ chế thị trường là điều cần thiết cho sự phát triển kinh tế quốc dân. Nếu chúng ta quy trách nhiệm cho kinh tế thị trường thì dễ đi đến kết luận rằng: cần thiết loại bỏ kinh tế thị trường để tránh được các mặt tiêu cực trong đời sống gia đình, nhưng điều đó chắc chắn không thể làm được. Vấn đề chính là tìm ở trách nhiệm của các gia đình, cũng như ở những vấn đề về tổ chức, cơ chế vận hành của Nhà nước trong việc thi hành các chính sách còn chưa hợp lý v.v... Ở các gia đình có sự mất cân đối trong việc thực hiện các chức năng, có sự nhận thức không đúng về các giá trị, chuẩn mực đạo đức trong giai đoạn chuyển đổi hiện nay, đề cao quá mức lợi ích vật chất, thả lỏng việc giáo dục con cái, hoặc nuông chiều quá đáng.

Hiện nay, việc coi trọng chức năng làm kinh tế của gia đình là cần thiết, qua đó mới phát huy được

vai trò gia đình và tạo điều kiện cho nó có thể thực hiện tốt các chức năng khác như tổ chức cuộc sống gia đình, (giáo dục, chăm lo đời sống trẻ em, người già). Có thể coi đó là *khâu trung tâm* trong các chính sách của Nhà nước đối với gia đình, nhưng từng gia đình cần vận dụng một cách linh hoạt, tùy hoàn cảnh cụ thể mà xử lý mối quan hệ giữa các chức năng một cách nhịp nhàng, vừa cải thiện đời sống các thành viên, vừa chăm lo bồi dưỡng nhân cách con người.

Thời gian qua, chính sách của Nhà nước giải quyết chưa tốt với các gia đình gặp khó khăn, chưa kịp thời huy động cộng đồng giúp họ vượt nghèo nhanh. Trong khi đó, một số gia đình làm giàu bất hợp pháp, buôn lậu, lừa lọc, lại sống xa hoa, đàn điểm trên của cải vợ vét bất chính. Luật pháp Nhà nước làm ngơ, hay xử lý chưa kịp thời nên đã gây ra tâm lý bất mãn trong các gia đình làm ăn lương thiện, nhưng vẫn nghèo khổ. Như vậy, các mặt tiêu cực nảy sinh trong các gia đình thời kỳ kinh tế thị trường không phải tự nó sinh ra, mà do các gia đình chưa giải quyết đúng các vấn đề đã nảy sinh và Nhà nước, cộng đồng chưa có những biện pháp hướng dẫn, giúp đỡ họ kịp thời.

Chúng ta không thể căn cứ vào một số hiện tượng lệch lạc, quá trớn, hay sự tan vỡ ở một số gia

đình, mà một xã hội trong quá trình chuyển đổi từ cái cũ sang cái mới khó lòng tránh khỏi, cùng với hàng loạt vấn đề mới đang đặt ra phải giải đáp, để vội kết luận rằng: gia đình Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng, bế tắc, đi xuống. Nhìn chung các gia đình đang có những bước đi lành mạnh, *tính độc lập, tính chủ động của nó đang được khôi phục và phát triển*, gia đình đang có những đóng góp tích cực vào công cuộc đổi mới đất nước, mà không ai có thể chối cãi được.

II. CHỨC NĂNG XÃ HỘI HOÁ VÀ XÂY DỰNG NHÂN CÁCH CON NGƯỜI CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Gia đình và vấn đề xã hội hoá trẻ em, xây dựng nhân cách con người

Gia đình là thiết chế giáo dục cơ sở, là *trung tâm đào tạo đầu tiên* giúp đứa trẻ tập sự đi vào cuộc sống. Chính gia đình chuẩn bị cho trẻ có thể *phát triển đầy đủ tiềm lực* của nó và đóng vai trò hữu ích trong xã hội khi đến tuổi trưởng thành. Mọi người đều thừa nhận là cuộc tập sự bắt đầu từ khi đứa bé mới sinh ra. Giai đoạn từ lúc sinh ra đến 6 tuổi là giai đoạn mấu

chốt để hình thành sự thông minh, nhân cách và cách cư xử xã hội của trẻ. Chính trong gia đình, trẻ sẽ phát triển những hiểu biết - kể cả ý thức tôn trọng bản thân. Việc tập luyện trong những năm tháng đầu tiên sẽ tạo nên cho trẻ khó khăn hay thuận lợi trong việc rèn luyện, học tập suốt cuộc đời của nó sau này.

Nhưng hiện nay gia đình Việt Nam đang biến động, nên việc xã hội hoá trẻ em ngày nay cũng không đơn giản chỉ là truyền đạt những giá trị văn hoá và những cách cư xử vốn tồn tại vững bền từ lâu. Mỗi quan hệ giữa lớp trẻ với các thế hệ trước không ngừng biến đổi và trở nên mỏng manh hơn. Bởi vì, cuộc sống của mỗi cá nhân được nhào nặn theo những chuẩn mực và giá trị văn hoá cũng đang biến động. Gia đình là đơn vị đầu tiên chịu trách nhiệm việc xã hội hoá trẻ em, *truyền thụ* các giá trị văn hoá và xã hội từ thế hệ này sang thế hệ khác, thông qua đó các giá trị được bảo tồn và phát huy ảnh hưởng. Việc truyền thụ các giá trị văn hoá lại nằm trong quá trình đổi mới liên tục. *Sức mạnh đổi mới* của gia đình góp phần làm biến đổi xã hội, thông qua việc xem xét lại sự hiểu biết và xem xét lại một cách tỉ mỉ cơ chế vận hành của những thiết chế đang tồn tại. Do đó nó trở thành một động lực chính của sự phát triển và tiến hoá xã hội, đơn vị cơ bản giáo dục cho các thành viên biết tôn

trọng quyền cơ bản của con người, quyền tự do cá nhân trong cộng đồng xã hội hiện đại.

Trong xã hội truyền thống, gia đình có vai trò gần như tuyệt đối trong việc giáo dục trẻ - đặc biệt từ 2 đến 6 tuổi. Ngày nay, mặc dù có tác dụng to lớn của các lớp mẫu giáo, nhà trẻ, của trường học và các đoàn thể, nhưng gia đình vẫn có vị trí quan trọng trong việc giáo dục trẻ em. Bố mẹ giữ vai trò quyết định trong việc cung cấp và tạo điều kiện cung cấp kiến thức cho trẻ - cả về số lượng và chất lượng, ở nhà trường và trong gia đình. Điều này thường phụ thuộc vào khả năng kinh tế của cha mẹ, trình độ văn hoá của họ, việc họ tiếp thu nền văn minh hiện đại, cũng như quan niệm chung của họ về thang giá trị đạo đức, tinh thần hiện nay. Ở đây *văn hoá gia đình*, cơ sở gốc cho việc hình thành nhân cách trẻ em, giữ một vị trí trọng yếu.

2. Chức năng xã hội hoá của gia đình hiện nay và việc xây dựng văn hoá gia đình mới, xác định thang giá trị đạo đức mới

Thế giới đã quan niệm gia đình là một *giá trị văn hoá*, là muốn nhấn mạnh đến ý nghĩa to lớn của

văn hoá gia đình, đối với sự phát triển của từng dân tộc, quốc gia và của cả xã hội loài người. Bởi vì, văn hoá gia đình tuy có những đặc điểm khác nhau ở mỗi nước, mỗi vùng nhưng lại có nét chung là mang tính nhân văn, nhân đạo và nhân ái. Văn hoá gia đình không chỉ mang *đặc điểm dân tộc* mà còn mang cả *đặc điểm văn hoá tôn giáo* (của đạo Phật, đạo Kitô, đạo Hồi v.v...) của thế giới.

Đối với Việt Nam, đã có nhiều nền văn hoá xâm nhập vào nước ta, nhưng nền giáo dục của gia đình Việt Nam có cái gốc bắt nguồn từ *văn hoá bản địa*, đó là *nhân văn Việt Nam* : *Nhân, nghĩa, tình* là nội dung chủ yếu của nhân văn Việt Nam. Tiêu chuẩn hàng đầu của gia đình Việt Nam là *hoà thuận, là tình nghĩa, là sự quan tâm đến nhau*. Người Việt Nam hy sinh cho con cái vô bờ bến, lo cho con cháu đến lúc chết. Hy sinh cho con cái đó là hạnh phúc mà không phải là sự thiệt thòi.

Quá trình hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam là quá trình chuyển giao văn hoá giữa các thế hệ. Có thể nói *con người có nhân cách là con người có văn hoá*. Chúng ta có văn hoá truyền thống Việt Nam, có nhân văn Việt Nam.



2. Ông truyền nghề truyền thống cho cháu.

TTXVN. TRẦN SƠN

Xã hội Việt Nam lại đang trong giai đoạn đổi mới mạnh mẽ, văn hoá gia đình cũng đang chuyển từ văn hoá truyền thống sang văn hoá hiện đại và sự chuyển đổi từ cái cũ sang cái mới, khó tránh khỏi những khó khăn vấp vấp, những tư tưởng bảo thủ và những hành động quá trớn. Ở đây đang có sự hẫng hụt, lúng túng, những mâu thuẫn và ý kiến khác nhau về cách cư xử, ứng xử giữa các thành viên, về nội dung và phương pháp giáo dục con cái v.v... *Gia đình truyền thống* đặt lợi ích gia đình lên trên lợi ích cá nhân, đề cao lòng hiếu thảo, đòi hỏi sự phục tùng tuyệt đối của con cái đối với cha mẹ, sự tôn kính tổ tiên; nó *hướng về quá khứ*, giữ gìn những di sản văn hoá quá khứ để lại. Còn *gia đình hiện đại* lại có xu hướng *vươn tới cái mới*, cái luôn thay đổi, lấy tình yêu làm cơ sở gắn bó đôi vợ chồng, đề cao lợi ích và hạnh phúc cá nhân, chú trọng đến nguyện vọng và tính độc lập của cá nhân, những mối quan hệ bình đẳng, dân chủ giữa vợ chồng, sự quan tâm, lắng nghe và tôn trọng ý kiến con cái.

Gia đình Việt Nam đang đứng trước những thách thức mới, tiến lên hay quay về nếp sống cũ ? Nhưng cuộc sống vẫn tiếp tục diễn ra, đầy biến động mà không ngừng lại. Truyền thống và hiện đại, cái cũ và cái mới, lạc hậu và tiến bộ - các gia đình đang gặp

khó khăn trong việc phân biệt đúng sai, *định hướng cho mình thang giá trị đúng đắn nhất.*

Trong việc *xây dựng văn hoá gia đình*, cơ sở của việc hình thành nhân cách, cũng như *xác định thang giá trị đúng đắn nhất* của con người Việt Nam mới, việc tiếp thu các giá trị văn hoá hiện đại không mâu thuẫn với việc giữ gìn, phát huy các giá trị đạo đức truyền thống và tốt đẹp vốn có của gia đình Việt Nam. Đó là : tình nghĩa thuỷ chung giữa vợ chồng, tình thương và trách nhiệm với con cái, lòng hiếu thảo đối với bố mẹ, lòng biết ơn và tôn kính tổ tiên. Bởi lẽ đó là *những giá trị có tính nhân bản sâu sắc*, kết quả của quá trình con người tự ý thức về mình, về đồng loại một cách đúng đắn. Những kẻ sống vô ơn, bạc nghĩa, ích kỷ cá nhân cao độ, đối xử tàn bạo đối với những người thân trong gia đình thì không một thời đại nào, trước đây và ngày nay có thể dung thứ được. Những kẻ đó chắc chắn cũng không thể tôn trọng lợi ích của cộng đồng xã hội và không thể có tình thương, sự thông cảm với đồng loại. Do đó, sự hình thành văn hoá gia đình mới không thể diễn ra bằng sự *đứt đoạn* với văn hoá truyền thống, cũng như sự *chối bỏ* tiếp nhận các giá trị văn hoá hiện đại, như sự tôn trọng quyền con người, lợi ích cá nhân, tinh thần bình đẳng dân chủ giữa người và người, mà là *sự kết hợp đúng*

dẫn, hài hoà. Đó là điều chúng ta cần khẳng định và hướng dẫn cho các gia đình trong việc xây dựng thang giá trị cho con người Việt Nam hiện đại.

Con người Việt Nam trong lịch sử chỉ biết làm nông nghiệp, ít biết đến buôn bán kinh doanh; làm ăn hết sức cần cù chịu khó nhưng trình độ khoa học kỹ thuật thấp; rất quật cường bất khuất chống ngoại xâm, nhân nghĩa yêu thương đùm bọc lẫn nhau trong gia đình, họ hàng, làng xóm, nhưng lại ít tôn trọng cá nhân, thiếu dân chủ và bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình, giữa thế hệ già và trẻ, giữa nam và nữ.

Hiện nay có *sự chuyển đổi các thang giá trị*, đáp ứng sự đổi mới của đất nước. Tấm lòng nhân nghĩa, ý chí quật cường, bất khuất trong đấu tranh với thiên nhiên, với mọi áp bức bất công xã hội, đó là những giá trị đạo đức vững bền mà con người Việt Nam cần phát huy. Tình thân đùm bọc nhau trong gia đình, họ hàng, làng xóm cần được mở rộng thành sự thông cảm với đồng bào cả nước, tình đoàn kết quốc tế rộng rãi, chủ nghĩa nhân đạo rộng lớn. Đồng thời, có những phẩm chất và năng lực trí tuệ mới mà con người Việt Nam cần phải học tập rèn luyện. Đó là *trình độ hiểu biết toàn diện*, sâu sắc về khoa học kỹ thuật tiên tiến,

về quản lý kinh doanh, quản lý xã hội. Đó là *tinh thần độc lập sáng tạo của cá nhân*, chủ động tích cực trong học tập, trong cách xem xét và giải quyết các vấn đề đặt ra với đầu óc thực tiễn khoa học. Đó là *ý thức tôn trọng pháp luật, kỷ cương* của xã hội, *tôn trọng cá nhân* và lợi ích cá nhân chính đáng, *tôn trọng quyền bình đẳng, tự do của mỗi người*. Ý thức trách nhiệm cá nhân cao, đi đôi với tinh thần tôn trọng lợi ích của tập thể, của cộng đồng. Có thể nói đó là thang giá trị mới của con người Việt Nam hiện đại.

Sự phát triển của con người Việt Nam hiện nay *không phải chỉ chú trọng đề cao cá nhân mà hạ thấp vai trò của cộng đồng, cũng không thể nhấn mạnh lợi ích cộng đồng để lấn át, hạ thấp vai trò cá nhân*. Ở đây cần có sự phối hợp nhịp nhàng giữa sức mạnh sáng tạo của cá nhân với tình đoàn kết bền vững của cả cộng đồng. Người ta thường nói văn hoá phương Tây đề cao cá nhân, lấy cá nhân làm trung tâm, còn văn hoá phương Đông lại chú ý đến cộng đồng.

Văn hoá gia đình Việt Nam hiện nay không đi theo con đường Âu hoá một cách máy móc, hay đi theo văn hoá phương Đông một cách bảo thủ. Nó *đi từ cái gốc của văn hoá bản địa, cái gốc của nhân văn Việt Nam để phát triển lên, phát huy những giá trị nhân*

văn của dân tộc và tiếp thu những thành tựu của văn hoá nhân loại, cả phương Đông và phương Tây, châu Mỹ, châu Úc, châu Phi.

Trong việc xây dựng văn hoá gia đình hiện nay, cái gì phù hợp với yêu cầu phát triển xã hội nước ta, giúp cho việc xây dựng gia đình thật sự trở thành đơn vị cơ sở, tế bào của một xã hội văn minh, giàu mạnh, tiến bộ đều cần được giữ gìn, tiếp thu. Cái truyền thống cũng như cái hiện đại, cái gì phù hợp với quyền con người và hạnh phúc cá nhân, với việc xây dựng tổ ấm gia đình và tình thương đồng loại đều xứng đáng được trân trọng, học tập, tiếp nhận.

3. Việc giáo dục của gia đình được tiến hành trong sự đổi mới các quan hệ giữa các thành viên

Một điều đáng lưu ý và cũng là một khó khăn trong công tác giáo dục của gia đình hiện nay là phải thật sự cầu thị, *dám nhìn nhận sự đổi mới trong quan hệ giữa các thành viên gia đình ở thời đại mới*. Đó là tinh thần dân chủ bình đẳng, sự tôn trọng cá nhân trong ứng xử, đối xử giữa vợ và chồng, nam và nữ, giữa cha mẹ và con cái, giữa thế hệ già và thế hệ trẻ. Ngày nay quyền bình đẳng của phụ nữ và quyền của

trẻ em được Nhà nước công nhận, luật pháp bảo vệ, dư luận xã hội ủng hộ. Luật hôn nhân gia đình và các luật có liên quan đến quyền con người đòi hỏi phải được chấp hành nghiêm chỉnh. Những hành động bạo lực dã man của chồng đối với vợ, của cha mẹ đối với con cái đã bị toà án nước ta kết tội và những kẻ phạm pháp đã bị xử phạt thích đáng.

Trong nhiều gia đình, đặc biệt ở thành phố và ở các cặp vợ chồng trẻ đã có nhiều sự thay đổi trong quan hệ giữa vợ và chồng, từ cách đối xử, sự phân công lao động đến giải quyết công việc gia đình. Nguyên nhân một phần là do sự độc lập kinh tế của người vợ (họ đi làm, kinh doanh có thu nhập rõ rệt), một phần do trình độ văn hoá, nhận thức được tăng lên. Cùng với quá trình mở rộng sinh hoạt dân chủ ngoài xã hội, nhiều người chồng có sự thông cảm với vợ trong việc mang thai, sinh con và nuôi con. Họ tôn trọng ý kiến vợ trong việc kế hoạch hóa gia đình và sẵn sàng chia sẻ với vợ những công việc nội trợ gia đình. Đáng quý là có những người chồng chú ý chăm lo đến bước tiến bộ của vợ mình trong công việc, học hành, nâng cao trình độ, tham dự các hoạt động xã hội, cũng như nghỉ ngơi, hưởng thụ văn hoá. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tiến bộ nói trên, vẫn còn tồn tại nhiều hiện tượng không bình đẳng giữa vợ và

chồng trong gia đình. Đặc biệt ở nông thôn, thường nam giới là chủ hộ (70%), họ nắm quyền quyết định mọi công việc quan trọng của gia đình, từ việc sản xuất, quản lý tài sản đến chi tiêu, định hướng học hành, nghề nghiệp của con cái. Còn trong phân công lao động gia đình, các công việc nội trợ, chăm sóc con cái, người phụ nữ thường phải đảm nhiệm phần lớn công việc.

Cách phân công lao động nói trên đã có từ truyền thống còn ảnh hưởng đến ngày nay. Đó là dựa vào chức năng tự nhiên của phụ nữ là phải sinh đẻ, nuôi con nhỏ, nhưng lại không tính đến sự đảm đương trách nhiệm lao động sản xuất, nuôi sống gia đình hết sức nặng nhọc của phụ nữ, không kém gì đàn ông trong gia đình. Cách phân công đó gắn liền với nội dung xác định về vị trí, quyền lực của người cha, người mẹ trong gia đình và ngoài xã hội "nam ngoại, nữ nội". Mẫu hình "giới" trong phân công lao động và đối xử giữa nam và nữ được quán triệt trong giáo dục con trai và con gái trong gia đình. Từ nhỏ, bé trai đã thấy mình được ưu tiên, có ưu thế hơn các chị, em gái của nó. Trong xã hội hiện đại, khi quyền bình đẳng giữa nam và nữ, cũng như sự tôn trọng quyền con người đã được luật pháp và xã hội ta công nhận, thì cách giáo dục trẻ con phải thay đổi, bắt đầu từ môi

trường gia đình.

Đúng từ chức năng xã hội hoá của gia đình mà xét, *môi quan hệ bình đẳng giữa vợ và chồng, giữa người cha và người mẹ trong gia đình* có ý nghĩa lớn với con cái, tạo nên cho chúng những quan niệm đúng đắn về sự tôn trọng quyền con người, sự bình đẳng và công bằng giữa các thành viên. Sự gương mẫu của cha mẹ trong việc làm, thông qua cuộc sống hàng ngày, thái độ họ đối xử, ứng xử với nhau, đó là những bài học đầu tiên, thiết thực, có tính quyết định với sự hình thành nhân cách đứa trẻ ở thời đại mới.

Ngày nay, sự độc lập của người phụ nữ, đặc biệt về kinh tế, ngày càng được tăng cường với quá trình họ tham gia sản xuất xã hội và trình độ nhận thức văn hoá được nâng cao. Vì vậy, *những quan hệ bình đẳng giữa vợ và chồng trong gia đình trở thành một nét tiêu biểu, độc đáo của văn hoá gia đình mới*, có ảnh hưởng lớn đến mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Đó là một yếu tố khởi đầu, đặt cơ sở cho việc *tôn trọng quyền tự do và nhân cách của con cái*, tạo điều kiện tháo gỡ những mâu thuẫn giữa các thế hệ, giữa cha mẹ và con cái, giữa người già với người trẻ. Đặc biệt ở thời đại chúng ta, với các phương tiện thông tin hiện đại, *trẻ em lại có sự trưởng thành sớm*.

Gia đình là một đơn vị gắn bó chặt chẽ, nhưng cấu tạo bên trong của nó có rất nhiều sự khác nhau: những con người khác nhau về giới tính, về lứa tuổi: con trai, con gái, trẻ em, người trưởng thành, người già. Do đó có nhiều tính cách, nhiều trình độ, nhiều sở thích, nhiều lối sống khác nhau. Trước kia cũng như hiện nay gia đình là nơi tập trung nhiều thế hệ, ít nhất là hai thế hệ, nên *mâu thuẫn giữa các thế hệ* thường nảy sinh. Đặc biệt nước ta đang ở trong giai đoạn chuyển đổi kinh tế và đổi mới toàn diện, các mâu thuẫn giữa các thế hệ già và trẻ càng gay gắt hơn, khi bàn về chức năng giáo dục của gia đình, chúng ta không thể xem nhẹ được.

Trong gia đình xưa kia, do quyền lực của người gia trưởng, do truyền thống đạo đức cũ, con cái phải phục tùng bố mẹ, người trên nói người dưới phải nghe, không được cãi lại. Ngày nay, trong không khí dân chủ bình đẳng, không thể có sự độc đoán, áp đặt một chiều trong quan hệ giữa cha mẹ và con cái, ông bà và con cháu, cần thiết phải có sự bàn bạc trao đổi ý kiến, lắng nghe và tôn trọng lẫn nhau. Hiện nay ở một số gia đình, mâu thuẫn giữa thế hệ già và trẻ, có những xung đột dữ dội, khó khăn mới dàn xếp, nổi. Từ sự cố chấp, bảo thủ của người già, của cha mẹ, từ những hành động quá trớn, hỗn láo, thiếu đạo đức, ích kỷ

của người trẻ, của con cái nên đã xảy ra nhiều chuyện đau lòng.

Sự hoà thuận giữa cha mẹ và con cái là điều cơ bản, quyết định thành công của quá trình xã hội hoá, hình thành nhân cách con người trong gia đình. Động lực thúc đẩy sự dàn xếp giữa thế hệ già và trẻ bắt rễ từ tình sâu, nghĩa nặng giữa những con người có quan hệ huyết thống, ruột thịt, đã chung sống với nhau nhiều năm, từ đó mà có *sự thông cảm lẫn nhau* giữa hai thế hệ, *lòng khoan dung*, sự tha thứ cho nhau những nhược điểm khó tránh khỏi ở mỗi lớp người. Đây cũng là vấn đề quan trọng khi bàn về chức năng xã hội hoá của gia đình, cũng như cho sự phát triển bền vững của gia đình trong thời kỳ đổi mới.

Một vấn đề lại đặt ra là các gia đình bây giờ có nên sống chung ba thế hệ không? Đôi vợ chồng trẻ sau khi đã thành hôn có điều kiện là tách hộ ngay, không ở chung với cha mẹ già vì muốn sống tự lập, tự quyết định công việc của họ, không muốn có sự kiểm soát của bố mẹ già. Nhưng mặt khác, người ta nhận thấy rằng ở các gia đình, ông bà sống với con cháu, họ có thể giúp cho con cháu một số công việc nhẹ, truyền đạt những kinh nghiệm làm ăn, ứng xử và chăm sóc

các trẻ nhỏ. Đồng thời, việc vui chơi, tiếp xúc với các cháu là niềm vui của người già. Nhưng ở thành phố nhà ở chật chội, ba thế hệ, già trẻ ở trong một căn phòng chật hẹp đã gây nên nhiều khó khăn, lúng túng trong cuộc sống hàng ngày. Muốn khuyến khích các gia đình sống ba thế hệ, đặc biệt khi chỉ còn ông hay bà già không thể để họ sống cô quạnh một mình, phải tạo cho họ những điều kiện cần thiết, trước hết là nhà ở và các phương tiện sinh hoạt tối thiểu thích hợp với cả người già và người trẻ. Họ sống chung một nhà hay ở hai nhà gần nhau, có những không gian để sinh hoạt riêng và sinh hoạt chung. Trong sự hình thành, phát triển nhân cách con người, sự kết hợp hài hoà giữa giáo dục của cha mẹ và sự săn sóc của ông bà già là rất có lợi cho trẻ em.

III. ĐẶC ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA GIA ĐÌNH

1. Đặc điểm của giáo dục gia đình

a. Đặc điểm đáng chú ý của giáo dục gia đình là tính đa dạng và nhiều chiều của nó - vừa có ảnh

hưởng của cá nhân đối với cá nhân (cha hay mẹ với con, ông hay bà với cháu v.v.) vừa có ảnh hưởng của cả *tập thể gia đình* liên kết, gắn bó với nhau tác động đến từng cá nhân (qua lối sống, nếp sống, văn hoá gia đình v.v.) Ở đây có tính đa dạng của *thầy dạy về* giới tính, lứa tuổi, cá tính, công việc; tính đa dạng trong *kiến thức* cung cấp cho trẻ (kinh nghiệm làm ăn, cách cư xử, sự hiểu biết về xã hội, cách tổ chức đời sống gia đình v.v.); tính đa dạng về *phương pháp giáo dục, không chỉ bằng lời nói mà bằng thái độ, tình cảm, nêu gương*, không chỉ *lý thuyết* mà *bằng việc làm cụ thể*.

Việc giáo dục lại có tính *nhiều chiều*: tất cả các thành viên gia đình ảnh hưởng lẫn nhau bởi những cơ chế phức tạp. Cách xử sự của trẻ em cũng ảnh hưởng đến nhân cách cha mẹ, như vậy trẻ em cũng tham gia *xã-hội-hoá bố mẹ chúng*. Nhiều khi qua việc tiếp xúc rộng rãi với bạn bè, nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng, trẻ em đã nắm bắt nhanh những khuynh hướng phát triển mới. Vì vậy, cha mẹ không chỉ là người truyền đạt kiến thức cho con cái, mà họ lại có thể học tập được nhiều điều mới mẻ ở con cái.

Giáo dục gia đình mang *tính cá biệt, cụ thể* cho

từng đứa trẻ và đối với *hoàn cảnh từng gia đình* cụ thể, *linh hoạt* theo sự phát triển của từng thành viên, theo sự thay đổi của cuộc sống gia đình và xã hội. Giáo dục gia đình vừa có *tính chất riêng biệt* cho từng cá nhân, đồng thời có *tính chung* cho cả tập thể gia đình. Chúng ta đã quan sát thấy lối sống, nếp sống khác nhau ở các gia đình công nhân, nông dân, trí thức v.v... đã ảnh hưởng đến toàn bộ các thành viên theo một mô hình riêng cho từng loại gia đình.

Gia đình *trí thức* (cả vợ lẫn chồng), do tính chất lao động trí óc, chuyên môn khoa học, nên rất quan tâm đến việc học hành của con cái, cố gắng tạo cho chúng một trình độ học vấn cao, có bằng cấp khá để sau này tiếp tục nghề của cha mẹ, làm khoa học, viên chức v.v... Họ chú ý giúp đỡ con học tập (kiến thức, sách vở, ngoại ngữ), tạo điều kiện cho con vui chơi, giải trí. Nếp sống gia đình thường có trật tự, ổn định, dựa vào uy tín nghiêm khắc của người bố và sự tử mĩ của người mẹ. Tác động của gia đình đối với trẻ em thường thông qua nề nếp, ứng xử đã trở thành quy tắc (gia phong) kết hợp với giải thích, thuyết phục, phê phán, răn đe khi cần thiết.

Gia đình *công nhân*, cũng do tính chất lao động nghề nghiệp chuyên môn, gần gũi với đời sống sản

xuất trực tiếp ở cơ sở, quan tâm đến việc học hành của con cái, muốn tạo cho con một tay nghề chuyên môn giỏi, chú ý truyền đạt cho con các kinh nghiệm nghề nghiệp thực tế. Do trình độ học vấn có hạn, nên họ có những khó khăn trong việc giúp con học tập về kiến thức khoa học. nếp sống của gia đình thường thoải mái, tự do, do cha mẹ thường phải đi làm theo ca kíp, có thời điểm làm việc rất căng thẳng để thực hiện kế hoạch sản xuất nên thường vắng mặt ở nhà ban đêm, trẻ con phải tự quản lý.

Gia đình *nông dân* với đặc điểm sản xuất đồng ruộng, kinh tế gia đình tự chủ. Trong điều kiện hiện nay, cha mẹ phải lo đầu tư cho sản xuất nên việc học hành của con cái chưa được quan tâm đúng mức, chưa tạo điều kiện cần thiết cho con học tập văn hoá. Gia đình chú ý truyền đạt cho con cái các kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, làm công việc gia đình, sớm có khả năng sống độc lập, tự chủ về kinh tế. Cha mẹ chú ý uốn nắn con cái về cách cư xử trong gia đình, với họ hàng, làng xóm, lo giỗ Tết, đóng góp cho các hội hè, đình đám của làng xã, nghĩa là rất xem trọng giáo dục con về *tính cộng đồng*.

Tuy nhiên không thể phủ nhận, trong cùng một gia đình các thành viên lại có những tiềm năng phát

triển, những nhân cách khác nhau, mặt mạnh mặt yếu không giống nhau, tuy cùng hưởng thụ một nền giáo dục chung của cả gia đình. Chúng ta quan sát thấy trong cùng một gia đình, con cái lớn lên mỗi đứa một tính nết: người vui vẻ, kẻ lảm lý, người ưa chuộng văn hoá nghệ thuật, người thích làm khoa học, người thích kinh doanh làm giàu v.v...

Trong giáo dục hình thành nhân cách và phát triển nhân cách lớp trẻ, người ta nhấn mạnh đến ảnh hưởng của *bầu không khí tâm lý gia đình*, thuận lợi hay không thuận lợi, giúp cho trẻ em phát triển cá tính, năng lực cá nhân, tình cảm riêng tư, sự hoà nhập vào cộng đồng. Đây chính là do *tính đa dạng trong phản ứng trở lại* của cá nhân đối với sự giáo dỡng của gia đình, trong sự ganh đua, mâu thuẫn hay kết hợp giữa ảnh hưởng của gia đình, xã hội, bạn bè, trong sự phát triển tư duy, tình cảm, tâm lý cá nhân. *Mỗi con người có một số phận riêng, một tương lai khác nhau, giáo dục gia đình góp phần tạo nên tính đa dạng, sự phong phú trong cá tính từng thành viên theo hướng tích cực, tiến bộ, bổ sung cho nhau.*

Trước đây chúng ta đã có sai lầm trong việc muốn tập-thể-hoá cuộc sống của các gia đình theo một mô hình thống nhất, từ lao động, hưởng thụ, sinh

hoạt văn hoá đến sinh hoạt gia đình. Ngày nay các hiện tượng trên đã chấm dứt, việc giáo dục gia đình không phải nhằm đào tạo những con người giống nhau về cá tính, sở trường, sở đoản, làm mất tinh thần sáng tạo và chủ động cá nhân.

Chỗ mạnh của giáo dục gia đình chính là kinh nghiệm xã hội (làm ăn, ứng xử), kiến thức đa dạng về cuộc sống, mang tính *phối hợp nhiều mặt kiến thức và nhiều mối quan hệ xã hội*, giáo dục có tính thực tế thông qua việc thực hành, bằng cuộc sống thực tế để chứng minh đúng sai và rất quan tâm đến *kết quả cụ thể, thực tế* của việc giáo dục.

b) Vai trò của giáo dục gia đình trong việc hoàn thiện, củng cố nhân cách con người.

Khi nói đến giáo dục gia đình, chúng ta thường chỉ nghĩ đến vai trò của nó đối với trẻ em. Thực tế giáo dục gia đình có ảnh hưởng *lâu dài, toàn diện* đối với mỗi cá nhân trong suốt cuộc đời của họ. Giáo dục gia đình đặt cơ sở cho sự hình thành nhân cách gốc của trẻ em, thúc đẩy sự phát triển nhân cách của lứa tuổi thanh niên, đồng thời gìn giữ củng cố nhân cách con người đã trưởng thành và khi về già. Gia đình là một nhóm tâm lý, tình cảm đặc thù, các thành viên

gắn bó với nhau suốt đời người. Vì vậy, bầu không khí tâm lý gia đình, mối quan hệ sinh hoạt tinh thần, vật chất trong gia đình có ảnh hưởng lớn đến việc hoàn thiện, giữ gìn nhân cách con người đã trưởng thành.

Trong gia đình, hai nhân vật trụ cột là vợ và chồng, là cha và mẹ đối với con cái. Khi mối quan hệ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái có sự tin cậy lẫn nhau, thì chính trong gia đình, các thành viên có thể tâm sự, cởi mở, giải bày, khi mỗi cá nhân có niềm vui, cũng như khi gặp hoạn nạn.

Chồng hay vợ, cha mẹ hay con cái có tin vui, thành công trong công việc thì những người đầu tiên họ báo tin là gia đình để cùng chia vui, khuyến khích họ có những dự kiến tốt đẹp hơn trong tương lai. Khi họ gặp khó khăn, lo lắng, thất bại trong công việc hay gặp hoạn nạn, tai nạn thì gia đình cũng là nơi họ tin cậy để giải bày tâm sự nỗi đau khổ. Gia đình cùng chia sẻ, an ủi, động viên cả về mặt tình cảm, tâm lý, cũng như giúp đỡ góp ý kiến, khuyên răn, chú ý săn sóc hơn về mặt ăn uống, giấc ngủ, thuốc men, bồi dưỡng v.v...

Bình thường người chồng hay vợ, người cha hay mẹ là những người lao động chính nuôi gia đình hàng ngày. Sau thời giờ làm việc, sinh hoạt mệt mỏi, căng

thẳng ở cơ quan, xí nghiệp v.v..., họ tìm thấy ở gia đình không khí ấm cúng, sự săn sóc về vật chất (ăn uống dù còn hạn chế) để khôi phục sức khoẻ, sự an ủi động viên về mặt tinh thần. Tình yêu giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái giúp họ lấy lại sự cân bằng về tình cảm, tâm lý cần thiết cho cuộc sống bình thường, cho phép họ tiếp tục công việc lao động, công tác, nghiên cứu khoa học với sức mạnh mới.

Bởi vậy, chính vì tình cảm, tình yêu và ý thức trách nhiệm đối với các thành viên gia đình, mà con người đã trưởng thành và đóng vai trò trụ cột của gia đình, *đã tự ý thức được trách nhiệm phải không ngừng hoàn thiện, giữ gìn nhân cách của mình*, khắc phục những nhược điểm, thói hư tật xấu cá nhân, vì tương lai, hạnh phúc của gia đình và con cái mình. Một số người mặc dù đã giữ trách nhiệm trụ cột trong gia đình nhưng sống buông thả, cờ bạc, rượu chè, xì ke ma tuý hay phạm pháp, là do nhiều nguyên nhân dẫn tới; có hai vấn đề đáng chú ý, thứ nhất, là bầu không khí gia đình không quan tâm, không tạo điều kiện thuận lợi, sự tin cậy, sự chăm sóc, động viên cần thiết để cá nhân đó giải bày tâm sự, tìm lời khuyên khi gặp khó khăn, buồn nản. Thứ hai, là chính bản thân người đó đã trốn tránh trách nhiệm với gia đình về hậu quả việc làm, hành vi ứng xử xấu xa của mình.

Như vậy có nguyên nhân quan trọng từ vai trò, tác động của giáo dục gia đình đối với con người đã trưởng thành.

Đối với ông bà già, vai trò của gia đình về mặt chăm sóc tinh thần, tình cảm, động viên an ủi hết sức quan trọng. Việc chăm sóc sức khỏe, ăn uống, bệnh tật thì cơ sở y tế, dưỡng lão có thể đảm nhiệm được, nhưng việc thăm hỏi, an ủi về tinh thần tình cảm, tâm lý, thì chỉ có người thân, ruột thịt, con cháu mới có thể làm được một cách tốt nhất với người già. Trước lòng hiếu thảo, biết ơn, chăm lo phụng dưỡng của con cháu họ yên tâm, không cảm thấy bơ vơ, cô quạnh. Họ nhìn thấy ở con cháu như một phần xương thịt của chính mình tạo nên, một phần công lao đóng góp của mình để lại cho đời sau về nhân lực, nhân tài.

Nói về tình trạng người già sống cô quạnh tách biệt khỏi quan hệ tình cảm gia đình (con cháu hàng tháng, hàng năm đến một lần, mỗi người sống một phòng nhỏ riêng, có thể ăn uống chung, một bàn với người khác, hoặc ăn riêng ở phòng tùy ý) trong các Viện Dưỡng lão, như đã xảy ra ở các nước phương Tây, Arnold Toynbee, một học giả người Anh cho rằng: "Một Viện dưỡng lão, tuy rằng được trang bị tốt về phương tiện y tế và những tiện nghi vật chất, nhưng là một trại giam trá hình về mặt tâm lý đối với

người già ⁽¹⁾. Vì vậy, Chính phủ Singapore đã có chủ trương giúp đỡ và đầu tư cho các gia đình xây dựng nhà ở, để ông bà già ở gần con cháu, đi lại thăm nom dễ dàng, nhưng có không gian sinh hoạt riêng cho từng thế hệ.

Người già đến một tuổi nào đó gần như trở lại như trẻ thơ, họ đòi hỏi có sự an ủi về tâm lý, tình cảm của con cháu, mà không chỉ là việc cung cấp về vật chất. Mặt khác, chơi đùa với cháu nhỏ là niềm vui lớn của người già. Trước sự quan tâm của gia đình, con cháu, *họ cố gắng giữ gìn nhân cách của mình* để khỏi làm con cháu phiền lòng. Khi bị bệnh tật dày vò, họ vẫn cố gắng chịu đựng và trước cái chết đến gần, họ cố giữ được *tâm trạng ổn định, bình thản* trước một điều tất yếu sẽ xảy ra, với ý thức đã cố gắng làm tròn trách nhiệm của mình trên cõi đời này.

Vì vậy, sự nghiệp giáo dục của gia đình là công việc *thường xuyên, suốt đời và có hệ thống*, trong đó mỗi thành viên: bố mẹ, ông bà, anh chị, tuy có *vai trò, vị trí khác nhau nhưng đều cần thiết* cho việc giáo dục mỗi cá nhân, từ những góc độ khác nhau.

⁽¹⁾ Choose life. Một cuộc hội thoại giữa A. Toynbee và D. Ikeda. Oxford University Press 1989, p.102.

c) Vai trò của các thành viên gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người

Đã có lúc chúng ta quá đề cao vai trò người mẹ trong việc giáo dục đứa trẻ, như người thầy đầu tiên, linh hồn của gia đình, v.v... nên có phần xem nhẹ vai trò người bố như một trụ cột gia đình và có ảnh hưởng to lớn đến sự hình thành nhân cách của đứa trẻ. Ông cha ta thường nhắc đến công cha, nghĩa mẹ trong sự trưởng thành của con cái là rất đúng. Sự thiếu vắng của người bố trong các gia đình, người phụ nữ một mình nuôi con đã có những ảnh hưởng không tốt đối với việc giáo dục con cái. Ngay trong phương pháp giáo dục, chúng ta thường nói bố nghiêm, mẹ hiền từ cũng chưa thật hợp lý. Bởi vì quá trình dạy con, người bố hay người mẹ đều cần có sự kết hợp giữa lý trí và tình cảm, tuy mức độ, phương pháp thực hiện có thể khác nhau.

Người cha đặc trưng cho trí tuệ, ý chí, kỷ cương của gia đình, là tấm gương để các con đồng nhất - đặc biệt là con trai. Do đó, người cha cần tham gia vào *việc nuôi dạy con từ nhỏ*, dành thời gian chơi với con, chăm con, hướng dẫn con một cách tin cậy. Thực tế, đã có những người cha biết kết hợp kinh nghiệm truyền thống với điều kiện hiện đại, nuôi dạy con nên người thành đạt. Dù ở gần hay ở xa, người cha luôn

hiện diện trong gia đình với các con, thông qua tình yêu thương của người phụ nữ đối với chồng và con.

Nhưng cũng có những người đàn ông do trốn tránh trách nhiệm, hay không hiểu rõ vai trò của mình, khi con nhỏ thì giao cho vợ, khi con lớn thì khoán cho nhà trường, họ chỉ lo sự nghiệp công tác, thăng quan tiến chức hay làm kinh tế, viện lý do không có thời gian dành cho con cái ... Dần dần, bố con không hiểu nhau, không có tình cảm với nhau. Khi người phụ nữ tham gia vào lao động xã hội rộng rãi, thì sự tham gia của người chồng vào việc giáo dục con cái từ nhỏ là hết sức cần thiết và cấp bách. *Cần khắc phục quan niệm nuôi dạy con là việc của phụ nữ.* Thực tế, đây là công việc của hai vợ chồng, cùng có trách nhiệm chung lưng đấu cật, nuôi dạy con cái và cũng chính là *quyền lợi thiết thân của cả hai người*, qua đó con cái có tình cảm thương yêu, gắn bó với cả cha và mẹ. Sự nhu nhược, buông lỏng việc dạy con hoặc quá hà khắc, khắt khe của người cha đối với các con cũng dẫn đến sự thất bại trong giáo dục con cái.

Người mẹ có vai trò rất quan trọng trong việc giáo dục trẻ từ lúc ấu thơ đến tuổi trưởng thành. Quan hệ tình cảm mẹ con đặt nền tảng cho mối quan hệ tình cảm với gia đình, với cộng đồng xã hội.

Người mẹ thường tỉ mỉ, gần gũi con hàng ngày nên phát hiện, uốn nắn kịp thời những sai lệch, họ có ưu thế dạy con về nếp sống, lối sống, đạo đức con người. Với thái độ dịu dàng, tế nhị, người mẹ đã cảm hoá thuyết phục con, giáo dục tình yêu cho con, kể cả khi con đã lớn và trưởng thành. Nhưng trong thời đại mới, người mẹ chỉ có thể làm tốt nhiệm vụ của mình khi có được những kiến thức văn hoá chung cần thiết, và có những tri thức về tâm lý lứa tuổi trẻ em.

Trong việc giáo dục trẻ em, cần phát huy *sức mạnh tổng hợp của cả gia đình* như một tập thể giáo viên liên kết, nhất trí với nhau về mục tiêu và phương pháp giáo dục, phát huy cả vai trò của ông bà già, của anh, chị em, mà không chỉ có trách nhiệm của người bố, người mẹ. Cần phải nhận rõ *những khả năng, mặt mạnh, mặt yếu* của từng thành viên gia đình trong việc giáo dục trẻ em.

Ông bà già sống cùng với con cháu, hay ở gần, việc đi lại thăm nom có ảnh hưởng lớn đến việc giáo dục các cháu nhỏ, uốn nắn tư cách đạo đức cho các con lớn (đã là bố, là mẹ). Người già đã tích lũy được nhiều *vốn sống*, mặc dù ở điểm này, điểm kia có điều đã lạc hậu, bảo thủ, nhưng nhìn chung kinh nghiệm làm ăn, đối xử, ứng xử, giáo dục con cái của người già là rất có

ích cho lớp trẻ nếu họ biết tiếp thu, kế thừa, sàng lọc lấy cái hay, cái tốt. Đặc biệt khi ông bà là những người có văn hoá và có quá trình công tác lâu năm. Ông bà già có thể đóng vai trò *người hoà giải trung gian* (mà không đứng về một phía nào một cách thiên cận) trong các vụ xung đột, mâu thuẫn của các cặp vợ chồng, đặc biệt khi họ còn trẻ, mới lấy nhau, chưa có kinh nghiệm xây dựng gia đình. Ông bà già cũng có thể khéo léo góp ý về nội dung và phương pháp giáo dục con cho các bậc cha mẹ, hoà giải những mâu thuẫn, không hiểu nhau giữa cha mẹ và con cái. Đối với các cháu, ông bà không chỉ giúp đỡ việc chăm sóc, ăn uống, sức khoẻ, vui chơi, mà những lời khuyên răn của ông bà về cách ứng xử, đối xử trong các quan hệ xã hội rất có trọng lượng. Ông bà có trình độ văn hoá nhất định còn có thể giúp các cháu học tập, ôn đố, kiểm tra kết quả học tập khi cha mẹ chúng bận công việc làm ăn.

Trong gia đình có nhiều *anh chị em*, hoặc ít nhất có hai đứa con, thì tác động ảnh hưởng của chúng với nhau cũng có ý nghĩa đáng quan tâm trong việc hình thành phát triển nhân cách cá nhân. Tinh thần đoàn kết, tập thể, cộng đồng nảy sinh trong quan hệ anh chị em sống trong một gia đình, sự ganh đua, bắt chước nhau điều hay hoặc điều dở, cũng có thể có sự

phản ứng ngược lại của anh hay em đối với tư cách đạo đức của người kia v.v... đều cần được cha mẹ lưu ý trong giáo dục của gia đình như một tập thể nhỏ, gắn bó với nhau trong sinh hoạt hàng ngày. Tính gương mẫu của anh, chị lớn, sự quan tâm giúp đỡ động viên các em nhỏ có tác động hữu ích, làm các em mến phục nghe lời. Đặc biệt là tình yêu, mối quan hệ bình đẳng giữa chúng với nhau, có sự thông cảm nhanh nhạy, cùng với nhau san sẻ niềm vui, nỗi buồn, lúc khó khăn, sẽ hỗ trợ rất nhiều cho việc hình thành phát triển nhân cách cá nhân theo hướng tiến bộ, tích cực.

2. Mục tiêu và nội dung của giáo dục gia đình

Vậy hiện nay, nội dung giáo dục con cái của các gia đình đang hướng vào những vấn đề gì? *Sự phát triển của xã hội đặt ra những yêu cầu* gì đòi hỏi các gia đình phải đáp ứng?

Yêu cầu của sự nghiệp đổi mới đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá, phát triển văn hoá và nghệ thuật, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh và phồn vinh, đòi hỏi các gia đình cung cấp cho xã hội những chính trị gia sáng suốt, nhạy cảm, hết lòng vì dân; những nhà doanh nghiệp và quản lý giỏi,

quyết đoán; những nhà khoa học có tư duy sáng tạo, đón nhận được kịp thời những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến, đồng thời nắm vững thực tiễn đất nước; những người lao động bình thường, công nhân, nông dân có trình độ chuyên môn giỏi; những nhà hoạt động văn hoá, nghệ thuật tài ba; những người có đủ kiến thức và bản lĩnh ở lĩnh vực chuyên môn họ hoạt động, có nhân cách và đạo đức, có cuộc sống phong phú. Như vậy *không có một mẫu người duy nhất*. Đó là những người lao động trung thực, có lương tâm nghề nghiệp, khi bảo vệ lợi ích cá nhân lại biết tuân thủ luật pháp, kỷ cương của Nhà nước, tôn trọng lợi ích của dân tộc, của cộng đồng, có sự đồng cảm với đồng bào, đồng loại, biết tôn trọng đạo lý, công lý, chân lý. Con người đó không chỉ có sự phong phú về mặt trí tuệ, tinh thần, mà còn có thể chất khoẻ mạnh để đảm đương công việc được giao phó.

a) Đối với các bậc cha mẹ hiện nay, đặc biệt ở các gia đình *công nhân, nông dân, mục tiêu của việc giáo dục con cái*, đồng thời cũng biểu hiện quan niệm của họ về sự thành đạt của con cái là : tạo cho con có một nghề (không nhất thiết là nghề nông, nghề truyền thống), có thu nhập ổn định để cuộc sống sau này

được đảm bảo. Các gia đình *viên chức, trí thức*, thường hướng việc đào tạo cho con cái có học vấn cao, có ngoại ngữ để tiếp xúc với khoa học, văn hoá nước ngoài, có việc làm thu nhập khá và địa vị xã hội tương đối. Các gia đình đều thấy có trách nhiệm lớn trong việc dựng vợ, gả chồng, xây dựng cho con cái một mái ấm gia đình và chúng sẽ có trách nhiệm với gia đình sau này, con cái sống lương thiện, ăn ở thuận hoà với họ hàng, làng xóm.

Qua điều tra 200 hộ ở phường Ngô Thì Nhậm và phường Yên Phụ (Hà Nội) ⁽¹⁾ về *định hướng giáo dục con cái*, kết quả cho chúng tôi thấy rằng (xem bảng 8), giá trị *đạo đức* (có hiệu) 93,9% được đánh giá cao nhất. Ở đây có lẽ ảnh hưởng của kinh tế thị trường tác động, những vấn đề đạo đức của thế hệ trẻ có những biểu hiện sa sút, nhiều hành vi trái đạo lý, pháp luật, đây đó vẫn thường xảy ra làm các bậc phụ huynh lo lắng cho con cái. Dù ở các gia đình có nghề nghiệp khác nhau thì tỷ lệ này cũng vẫn cao nhất.

⁽¹⁾ Kết quả điều tra của Ban gia đình thuộc Trung tâm Nghiên cứu Khoa học về Gia đình và Phụ nữ tiến hành tháng 3/95 và các báo cáo chuyên đề. Tư liệu của đề tài KX-07-09. +

Bảng 8

**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC CON CÁI
CỦA GIA ĐÌNH Ở PHƯỜNG NGŨ THÌ NHẬM, PHƯỜNG YÊU
PHỤ (HÀ NỘI) THÁNG 3/1995 (200 HỘ) (%)**

Nghe nghiệp Chỉ tiêu Cán bộ công nhân Buôn bán Nghề tự do Nội trợ Tỷ lệ chung					
Có văn hoá	83,6	80,0	44,4	66,7	78,2
Có nghề chuyên môn	78,4	80,0	66,7	56,4	73,6
Có hiểu	93,3	100,0	100,0	92,3	93,9
Làm ra nhiều tiền	20,9	66,7	22,2	25,6	25,4
Có địa vị xã hội	28,4	33,3	22,2	25,5	27,6

Có văn hoá cao 78,2% là tiêu chí được định hướng cao thứ hai. Ở đây có sự phân biệt chút ít đối với thành phần nghề nghiệp của người trả lời. Tỷ lệ này ở các gia đình cán bộ, công nhân là cao nhất.

Tiêu chí có nghề nghiệp chuyên môn, 73,6% được khẳng định ở vị trí thứ ba. Và những người không có nghề trực tiếp sản xuất lại mong muốn con cái có

nghe chuyên môn nhiều nhất (buôn bán: 80%); tiếp đó là những gia đình cán bộ, công nhân (78,4%). Hai giá trị được đánh giá thấp là làm ra *nhiều tiền*, có *địa vị xã hội* (khoảng 25% số người trả lời).

Cũng trong cuộc điều tra 200 hộ của hai phường ở Hà Nội, khi được hỏi "Trong gia đình, *nội dung giáo dục nào là quan trọng nhất*" thì 94,9% trả lời là *giáo dục đạo đức*, 51% là giáo dục văn hoá, 28,6% là hướng nghiệp. Đối với cán bộ công nhân viên chức, 87% muốn con được học cao, 51,3% muốn con có nghề hợp khả năng. (Xem bảng 9 và 10).

Bảng 9

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỦA GIA ĐÌNH Ở 2 PHƯỜNG HÀ NỘI (%)

Nghề nghiệp Chi tiêu	Cán bộ công nhân	Buôn bán	Nghề tự do	Nội trợ	Tỷ lệ chung
- Giáo dục đào tạo	95,5	93,3	88,9	94,9	94,9
- Giáo dục văn hoá	56,4	53,3	33,3	35,9	51,0
- Giáo dục nghề nghiệp	29,3	53,3	11,1	20,5	28,6

Bảng 10

**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ NHỮNG QUAN TÂM CỦA
GIA ĐÌNH CÔNG NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NÔNG DÂN TRONG
GIÁO DỤC CON CÁI (TỈNH HÀ TÂY)**

Nguồn: Điều tra của PTS. Võ Tấn Quang, (năm 1993). Tư liệu của đề tài KX-07-09.

Chỉ tiêu	Gia đình công nhân	Gia đình nông dân
- Cho con học cấp 3 - đại học	87,0	51,5
- Con có nghề hợp khả năng	51,3	39,6
- Con có nghề có điều kiện tiến bộ	48,7	38,3
- Lo con cái hư hỏng	66,1	48,8
- Lo con không có việc làm	40,3	46,6

Như vậy mục tiêu của giáo dục gia đình ở thành phố là hướng tới *con người có đạo đức và con người biết làm kinh tế*, làm kinh tế dựa trên một trình độ học vấn nhất định.

Trong một khảo sát nhỏ 48 hộ gia đình công nhân viên chức ở quận Đống Đa (1993), thì 100% đều trả lời mong con học giỏi; 89,1% muốn con học cao (cao đẳng - đại học). Ở một vài tiêu chí khác : 82,9% muốn

con sống có đạo đức; 57,6% muốn con có cơ hội tìm việc làm. Rõ ràng là ở môi trường thuần nhất hơn (làm công ăn lương), các gia đình cán bộ công nhân viên khá thống nhất trong định hướng giá trị *con người có học vấn*. Chỉ khi có một học vấn nhất định, người ta mới có nhiều cơ hội để có việc làm, nghề nghiệp ổn định để tự lập cuộc sống. So sánh với gia đình nông thôn, những ưu thế về học vấn và sự tiến bộ được các gia đình ở thành phố quan tâm hơn. Tình hình thiếu việc làm ở nông thôn đã phản ánh tỷ lệ người trả lời lo lắng cho con cái cao hơn (46,6% so với 40,3%). Cũng chính môi trường đô thị phức tạp hơn, nên tỷ lệ các gia đình công nhân lo lắng cho con cái “dễ hư hỏng” lại cao hơn các gia đình ở nông thôn ⁽¹⁾. (Xem bảng số 10).

Sự phân tích các số liệu khảo sát thực tế đã chứng minh rằng: trong thời kỳ kinh tế thị trường, các gia đình rất lo lắng tạo *việc làm* cho con cái, cho con học tập để có việc làm và việc làm có thu nhập khá. Đổi mới tư duy kinh tế đã giúp cho người lao động có

⁽¹⁾ Kết quả điều tra của Võ Tấn Quang - Tư liệu của đề tài KX-07-09

tinh thần tự chủ hơn, muốn tự lập bằng chính khả năng của mình. Do đó, họ thấy cần phải tiếp thu kịp thời những tri thức khoa học kỹ thuật, nắm vững tay nghề, chuyên môn, nghĩa là phải có một *trình độ học vấn* đủ để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội.

Một điều đáng chú ý và làm chúng ta yên tâm là những sai lệch chuẩn mực, những hành vi vô đạo đức xảy ra trong xã hội hiện nay đã giúp các gia đình nhận thức rõ hơn việc giáo dục đào tạo con người có *tài* phải đi đôi với có *đức*. Đó là sự tiếp nối đạo lý truyền thống của dân tộc ở mỗi gia đình.

b) Chúng tôi cũng muốn tìm hiểu sâu hơn quan điểm của nhân dân, đặc biệt lớp trẻ, về *các giá trị trong hôn nhân và gia đình*, tiêu chuẩn chọn vợ, chọn chồng, quan niệm về hạnh phúc gia đình.

Một chỉ báo quan trọng nhằm phản ánh quan niệm về hôn nhân là mức độ quan tâm đến *những phẩm chất cần có đối với người bạn đời*.

Trước đây trong xã hội phong kiến, nam nữ lấy nhau thường phải "môn đăng hộ đối", đòi hỏi ở người phụ nữ phải Công-Dung-Ngôn-Hạnh. Thời kỳ kháng

chiến chống Pháp, chống Mỹ, các cặp nam nữ có xu hướng đề cao các giá trị tinh thần, ít đề cập đến khía cạnh kinh tế. Ngày nay, khi mà những giá trị kinh tế, vật chất được đề cao, giàu có được coi là thành đạt, thì *tiêu chuẩn chọn bạn đời của lớp trẻ* thay đổi thế nào?

Đối với câu hỏi: "Theo anh hay chị, thanh niên hiện nay *chọn vợ* theo những tiêu chuẩn nào? " Qua điều tra ở hai phường Hà Nội, chúng tôi thu được kết quả như sau (Xem bảng số 11).

Bảng 11

TIÊU CHUẨN CHỌN VỢ ĐIỀU TRA Ở 2 PHƯỜNG HÀ NỘI

Tiêu chuẩn	Tỷ lệ % xác nhận	
	Nam	Nữ
Văn hoá cao	54,1	46,7
Xinh đẹp	37,5	45,0
Đảm đang	79,1	91,7
Nghề ổn định	95,8	75,0
Khoẻ mạnh	91,7	85,0
Chung thủy	91,7	70,0
Tế nhị	29,1	38,3
Có tiền của	12,5	25,0

Nam giới chọn vợ có nghề ổn định 95,8%, khoẻ mạnh và chung thuỷ (91,7%). Còn *phụ nữ* cho rằng người vợ phải đảm đang 91,7%, khoẻ mạnh 85%, có nghề ổn định 75%, chung thuỷ 70%.

Về tiêu chuẩn *chọn chồng* (Xem bảng số 12) chúng tôi thu được kết quả như sau. Nam giới cho rằng người chồng phải có nghề ổn định 95% (đề cao trách nhiệm làm kinh tế của người chồng), khoẻ mạnh 80%, có tài kiếm tiền 75%, chung thuỷ 70%, có văn hoá cao 70%, có nhà cửa 70%. Còn phụ nữ chọn chồng thì khoẻ mạnh 85,9%, có nghề ổn định 84,4%, có tài kiếm tiền 64,1%, có nhà cửa 67,2%, chung thuỷ 60,9%. Ở cả nam và nữ tiêu chuẩn sắc đẹp không có tỷ lệ cao.

Có thể nói rằng *tiêu chuẩn về kinh tế, có nghề ổn định* là những tiêu chuẩn cả hai giới nam và nữ xem trọng trong hôn nhân.

Tìm hiểu *quan điểm về một gia đình hạnh phúc* của các đôi vợ chồng cũng rất quan trọng vì họ sẽ hướng theo những tiêu chuẩn nào đã lựa chọn và xây dựng gia đình giáo dục con cái, thì qua đó cũng đánh giá được *chất lượng* gia đình Việt Nam qua việc tìm

hiếu này. (Xem bảng 13)

Bảng 12
TIÊU CHUẨN CHỌN CHỒNG
ĐIỀU TRA Ở 2 PHƯỜNG HÀ NỘI

Tiêu chuẩn	Tỷ lệ % xác nhận	
	Nam	Nữ
Văn hoá cao	70,0	64,1
Đẹp trai	10,0	21,1
Tài kiếm tiền	75,0	64,1
Nghề ổn định	95,0	84,4
Có nhà cửa	70,0	67,2
Khoẻ mạnh	80,0	85,9
Chung thủy	70,0	60,9
Hợp tuổi	20,0	28,1
Tế nhị	20,0	23,4

Bảng 13

**QUAN NIỆM VỀ GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC ĐIỀU TRA
HAI PHƯỜNG HÀ NỘI**

Tiêu chuẩn	Tỷ lệ trả lời (%)
1. Đủ ăn, đủ tiêu	69
2. Nhà cửa khang trang	53
3. Con cái vâng lời	83
4. Vợ chồng hoà thuận	92
5. Vợ chồng có văn hoá	41
6. Tiện nghi đầy đủ	42
7. Mọi người khoẻ mạnh	42
8. Vợ nghe chồng	49
9. Con cái học giỏi	61
10. Mọi người độc lập tự do trong công việc cá nhân	40
11. Quan tâm thương yêu lẫn nhau	77
12. Vợ chồng có việc làm	71
13. Chồng kiếm nhiều tiền	19
14. Con cái có địa vị trong xã hội	30

Đây cũng là việc tìm hiểu về *thang giá trị* trong quan hệ nội bộ các thành viên và *chuẩn mực ưu tiên của giáo dục gia đình*.

Qua điều tra ở hai phường tại Hà Nội với đối tượng là các gia đình gồm cả công nhân viên chức, trí thức, nhà buôn, dân nghèo, chúng tôi nhận thấy rằng: khi hỏi về *quan niệm một gia đình hạnh phúc*, những người trả lời vẫn đề cao những giá trị truyền thống tốt đẹp. Theo đó *nền tảng của gia đình hạnh phúc là quan hệ hoà thuận*, sự hiểu biết thông cảm và thương yêu nhau giữa vợ và chồng. Câu ca dao "Thuận vợ thuận chồng tát bể Đông cũng cạn" vẫn mang đầy đủ ý nghĩa của nó. Kết quả trả lời là:

. Vợ chồng hoà thuận	92%
. Quan tâm thương yêu nhau	77%

Nhóm chỉ báo này chiếm vị trí thứ nhất so với các nhóm khác.

Đứng ở vị trí thứ hai là nhóm chỉ báo về *con cái*. Có thể nói rằng con cái là nhân tố quan trọng, cố kết các đôi vợ chồng, là mối quan tâm thường xuyên của họ, là niềm hạnh phúc hay đau khổ của họ. Nhà nào có con cái ngoan ngoãn, vâng lời, học giỏi thì cảm thấy hạnh phúc, rất hãnh diện và tự hào, những nhà nào

có con cái hư hỏng thì họ coi đó là nỗi bất hạnh lớn. Kết quả điều tra các gia đình đã trả lời là:

. Con cái vâng lời	83%
. Con cái học giỏi	61%

Còn về tiêu chí "con cái có địa vị" không được coi là yếu tố quan trọng của một gia đình hạnh phúc, chỉ có 30% ý kiến các gia đình coi là hạnh phúc. Điều này chứng tỏ các cha mẹ mong mỗi con cái lúc nhỏ là ngoan ngoãn, vâng lời và học giỏi, lớn lên là *sự hiếu nghĩa*, chứ không phải ở địa vị chúng sẽ giữ trong xã hội sau này.

Nhóm *chỉ báo về kinh tế* đứng ở vị trí thứ ba với kết quả trả lời như sau:

. Vợ chồng có việc làm	71%
. Đủ ăn đủ tiêu	69%
. Nhà cửa khang trang	53%

Như vậy, các gia đình quan tâm đến khía cạnh kinh tế ở một gia đình hạnh phúc thường chỉ là: có cuộc sống vật chất ổn định, đủ ăn đủ tiêu, ở mức trung bình của xã hội hiện nay. Nếu so sánh với tiêu chuẩn chọn bạn đời trong hôn nhân thì dường như có mâu thuẫn. Như số liệu trên đã phân tích, người ta đề

cao khả năng làm kinh tế của người bạn đời, nhưng quan niệm về gia đình hạnh phúc thì chỉ báo về kinh tế lại đứng ở vị trí thứ ba, có lẽ vì yếu tố kinh tế chỉ là yếu tố *cần, nhưng chưa đủ* để có hạnh phúc gia đình (chỉ báo: chồng kiếm được nhiều tiền chỉ có 19% đồng ý, là tỷ lệ thấp nhất).

Gia đình có kinh tế vững vàng sung túc, những muốn có hạnh phúc gia đình cần được xây dựng trên cơ sở vợ chồng hoà thuận, thương yêu nhau, con cái có nề nếp, có đạo đức, giữa cha mẹ và con cái có sự cởi mở, thông cảm, quan tâm đến nhau. Qua đây chúng ta thấy *những giá trị truyền thống và hiện đại có sự kết hợp* trong nhiều gia đình Việt Nam ở thời kỳ đổi mới này. Việc phân tích các số liệu điều tra ở hai phường Hà Nội năm 1995 có ý nghĩa vì tính đa dạng của thành phần gia đình được hỏi và ở thành phố có sự xúc tiếp liên tục với lối sống mới.

Chúng tôi lại muốn phân tích thêm về *các gia đình trẻ* để có sự so sánh. Trong các cuộc điều tra của đề tài "Gia đình trẻ và việc xây dựng nhân cách con người" ⁽¹⁾ do Viện nghiên cứu Thanh niên thực hiện

⁽¹⁾ Báo cáo kết quả nghiên cứu của Dương Tự Đàm, Viện Nghiên cứu Thanh niên, Tài liệu của đề tài KX-07-09.

năm 1993 ,thì có 86,8% cặp vợ chồng trí thức Hà Nội, 79,1% cặp vợ chồng công nhân trẻ và 67,8% cặp vợ chồng ở nông thôn rất coi trọng giá trị: *sự tôn trọng, yêu thương và chung thủy* trong mỗi gia đình, giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái, coi đó là *sự đảm bảo* hạnh phúc và *điều kiện* cho sự phát triển nhân cách của các thành viên.

Về yếu tố có *việc làm, nghề nghiệp ổn định, kinh tế bảo đảm* được nhiều gia đình trẻ và nam nữ thanh niên coi trọng là một điều kiện cho việc bảo đảm xây dựng gia đình hạnh phúc. Tình trạng thu nhập thấp, việc làm không ổn định, hoặc không có việc làm đang chi phối quá nhiều việc thực hiện các chức năng của gia đình trẻ hiện nay, ảnh hưởng đến sự hoà hợp của đôi vợ chồng và việc giáo dục của con cái. 90% *gia đình trí thức* trẻ cho rằng điều kiện kinh tế vững vàng là nhân tố cơ bản để ổn định gia đình, 85% gia đình *công nhân trẻ* quan tâm đến yếu tố nghề nghiệp cơ bản, 73% *gia đình trẻ ở nông thôn* quan tâm đến kinh tế hộ gia đình coi như cơ sở bảo đảm cho gia đình phát triển.

Việc *chăm lo giáo dục* con cái, coi trọng việc học tập của con cũng được các gia đình trẻ rất quan tâm. Câu châm ngôn "Dạy con từ thuở còn thơ" không chỉ

là giá trị truyền thống cần được thừa kế, mà đối với các gia đình trẻ ngày nay còn là một vấn đề khoa học; đòi hỏi ở họ không chỉ tình thương, mà cả những kiến thức về nhiều mặt. Vì vậy, con ngoan, được học tập và giáo dục, khoẻ mạnh cũng là lý tưởng của các gia đình trẻ.

Cũng theo kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Thanh niên đối với các gia đình trẻ, những giá trị được đánh giá cao tiêu biểu cho một gia đình hạnh phúc là:

Gia đình hoà thuận vợ chồng con cái 92%

Con ngoan, học giỏi tiến bộ 56,8%

Con cái khoẻ mạnh, sống có văn hoá 35%

Kinh tế vững vàng, vợ chồng có nghề nghiệp ổn định 32,9%

Chăm sóc cha mẹ già yếu 43%

Thứ tự ưu tiên của bảng giá trị trên có sự trùng lặp khá cơ bản với tình hình điều tra các gia đình ở hai phường Hà Nội, chúng tôi nghĩ rằng đây không chỉ là vấn đề quan niệm, nhận thức, lối sống, mà gia đình Việt Nam đang hướng theo các chuẩn mực trên để xây dựng gia đình và giáo dục con cái.

Tóm lại, đối với gia đình Việt Nam, lòng chung thủy giữa vợ và chồng, sự bền vững của các quan hệ gia đình, lòng hiếu thảo đối với bố mẹ, ông bà, sự hy sinh và tình thương đối với con cái vẫn là những giá trị đạo đức tiếp tục được đề cao. Bên cạnh đó, thì sự quan tâm đến lợi ích, nhu cầu, nguyện vọng (kể cả những nhu cầu của đời sống tâm linh), tự do cá nhân, đảm bảo sự bình đẳng trong quan hệ vợ chồng, cha mẹ, con cái là những yêu cầu mới đang ngày càng phát triển trong gia đình. Như vậy nhìn vào số đông ta thấy những *chuẩn mực đạo đức của gia đình Việt Nam hiện nay đã có những biến đổi, đồng thời lại vẫn giữ gìn, phát huy được những giá trị truyền thống tốt đẹp*. Việc xây dựng nhân cách trẻ em trong gia đình hiện nay đang hướng về các giá trị đạo đức nói trên.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng còn nhiều gia đình đang lúng túng trong nội dung giáo dục, đối với các lứa tuổi khác nhau thì nội dung giáo dục thế nào cho phù hợp. Gia đình cần chú ý cả về mặt giáo dục đạo đức, cung cấp kiến thức, truyền đạt kinh nghiệm làm ăn, sinh sống. Nhưng còn mặt dạy thêm *kiến thức*, hướng dẫn con học tập, hiện nay nhiều phụ huynh đang gặp khó khăn do trình độ học vấn thấp và không nắm được các chương trình cải cách giáo dục. Mặt khác, đối với thanh thiếu niên đến tuổi dậy

thì, yêu đương, nhiều bậc cha mẹ chưa có ý thức giáo dục con những *tri thức về giới tính*, về tình dục, giáo dục tiền hôn nhân, giáo dục về sức khỏe.v.v... theo tinh thần thời đại mới. Như vậy, việc dạy con phù hợp với *sự phát triển tâm sinh lý* còn ít được các gia đình chú ý, hoặc chỉ ở dạng cảm tính, thiếu những hiểu biết có cơ sở khoa học.

c) Việc giáo dục, xây dựng nhân cách ở các gia đình theo đạo Thiên Chúa và đạo Phật.

Giáo Hội Thiên Chúa Giáo với tư cách là gia đình chung của giáo dân, là *Gia đình cộng đồng*, nên rất quan tâm đến *việc giáo dục con cái và đời sống tinh thần của gia đình* giáo dân, hướng giáo dân theo mười điều răn của Chúa, Nhà thờ và gia đình phải thực hiện: thờ kính Chúa trên hết; không lấy danh của Chúa làm điều xấu; dành cả ngày Chủ nhật để phụng sự Chúa.

Gia đình không được giết người, không được gian tham, dâm dục, không dối trá; không ham muốn vợ hay chồng người khác; không ham muốn của cải của người khác. Hai vấn đề cơ bản là Đức kính Chúa và yêu Người.

Giáo Hội coi gia đình giáo dân là nền tảng của

Giáo Hội, diện đền của Thánh Chúa. *Tốt đạo đẹp đời*, gia đình là cơ sở đầy tình thân yêu, có trách nhiệm lớn.

Giáo Hội có ba *chương trình giáo dục gia đình*

+ Gia đình thời *thơ ấu và hoa niên*: nhằm bồi dưỡng giáo lý và hình thành đức tin ở trẻ em. Giáo dục cho trẻ em tình thương và tính hướng thiện, tôn kính cha mẹ và thờ Chúa; giáo dục tinh thần tín đồ và tính cá thể, ý thức tín ngưỡng tôn giáo và tự nguyện bởi lương tâm; tuyên truyền khoa học kỹ thuật phối hợp với đức tin tôn giáo; giáo dục tuân theo luật lệ Giáo Hội và kỷ cương của cộng đồng xã hội; hình thành tâm lý, lối sống của cộng đồng dân tộc; xây dựng ý thức dân thân, nhập thể vào cuộc sống xã hội, phù hợp với lứa tuổi, giáo dục tinh thần Kitô giáo, gắn ý thức trách nhiệm gia đình với Giáo Hội.

+ Giáo dục cho *lớp trẻ vào đời* về tình yêu và ý thức trách nhiệm. Những khó khăn khủng hoảng đe dọa hạnh phúc đôi vợ chồng trẻ sau khi lập gia đình, những phát triển sinh lý tự nhiên của đôi vợ chồng và sự hoà hợp của đôi vợ chồng để tạo hạnh phúc. Vai trò trọng trách người chồng, người cha, người vợ, người mẹ trong gia đình.

+ Chương trình cho việc *xây dựng hạnh phúc gia đình*. Giáo dục cách sống để có hạnh phúc gia đình: luật hôn nhân gia đình và sự tôn trọng luật; cách hướng dẫn con cái khi nhỏ và khi lớn, tâm lý trẻ em và cách giáo dục trẻ. Tình thân dân thân, ý thức trách nhiệm, lương tâm nghề nghiệp cần cho cuộc sống gia đình và xã hội.

Nói tóm lại, nhìn qua các chương trình giáo dục gia đình trên chúng ta thấy khá toàn diện và phù hợp với yêu cầu các lứa tuổi. Giáo Hội còn tổ chức những Hội đoàn: hội thanh niên, thiếu niên, ấu nhi, hội các bà mẹ trẻ v.v.... tổ chức các ngày lễ riêng cho các bà mẹ, cho thanh niên, thiếu niên, ấu nhi, do đó họ đã lôi cuốn được nhiều lực lượng trẻ tham gia. Đáng lưu ý là trẻ em các gia đình Thiên chúa giáo nhìn chung ngoan ngoãn, ít hư hỏng.

Phật giáo ngược lại không coi gia đình là một đơn vị nền tảng về giáo dục con người, mà là *các cá nhân* phải tu nhân tích đức. Phật giáo tin ở *ngiệp*: một người nào đó sống như thế nào là do chính nghiệp của họ quy định (lý thuyết nghiệp cũng gần với lý thuyết về số phận, định mệnh). Các nhà sư thường giảng về "*ngiệp*" và "*tu tâm*" cho tín đồ trẻ em, nhi đồng và cho cả người lớn, khuyên con người: nghiệp ác

chớ có làm, nghiệp lành nên làm, khéo giữ tâm cho thanh tịnh; cần vị tha, hướng thiện, từ bi, hỷ xả, an ủi giúp đỡ người khác, bình đẳng, bác ái. Tâm nhớ bản, thế giới hóa ra là ô trọc và quỷ dữ. Tâm thanh, thế giới hóa ra là yên vui, hoà bình, bình đẳng, bác ái. Thế giới của Phật là thế giới của tâm thanh. Phật tu chân chính là người tự giải thoát cho mình cái vô ích kỷ, biết yêu cái thiện, ghét cái ác, yêu cái thật, ghét cái giả, yêu cái đẹp, ghét cái xấu.

Hiện nay Phật giáo đang tổ chức *các gia đình phật tử*. Gia đình phật tử không phải là cả gia đình bố mẹ, anh chị em đều theo đạo Phật, *mà là một tổ chức thanh thiếu niên* được giáo dục theo tinh thần Phật giáo. Tổ chức này rèn luyện thanh thiếu niên, giúp họ trở thành những người phật tử chân chính để phụng sự đạo pháp và dân tộc, góp phần xây dựng đức tin theo tinh thần Phật giáo, lấy châm ngôn Bí - Trí - Dũng làm nền tảng, lấy điều luật của gia đình Phật tử làm thước đo năng lực hành vi trong quá trình đạo luyện tu dưỡng của mỗi thành viên. Tiền thân của Gia đình phật tử Việt Nam là Đoàn Thanh niên Đức Dục do ông Lê Đình Thám thành lập từ năm 1938.

Như vậy, Phật giáo hướng vào thanh niên thiếu nhi để giáo dục đạo đức và tín ngưỡng Phật giáo, chứ

không phải coi trọng gia đình như một đơn vị giáo dục.

Phân tích mục đích, nội dung gia đình thanh thiếu niên của hai tôn giáo lớn ở nước ta hiện nay để giúp chúng ta hiểu nguyên nhân vì sao hiện nay hai tôn giáo đó đang cuốn hút được nhiều lớp trẻ tham gia tích cực. Chúng ta cần suy nghĩ để rút kinh nghiệm cho nội dung hoạt động giáo dục của các đoàn thể thanh thiếu niên, phụ nữ.

d) Một mặt tìm hiểu các định hướng giá trị cơ bản của các gia đình trong việc giáo dục con cái, mặt khác chúng ta lại xem xét *một số biểu hiện về nhân cách con người trong đời sống thực tế hiện nay, đặc biệt ở lớp thanh niên đã trưởng thành, có gia đình, đang là cha là mẹ và có ảnh hưởng lớn đến con cái họ.*

Chúng ta đang chứng kiến *sự xuất hiện một lớp người* có tư tưởng và hành vi khác với mẫu người đã từng chiến đấu, hy sinh oanh liệt trong những năm chiến tranh cách mạng. Lớp người mới này *muốn làm giàu*, muốn có thu nhập cao để đảm bảo cuộc sống cá nhân và gia đình. Trong số đó, có nhiều người trước kia đã đi theo kháng chiến, là cán bộ cách mạng, không ít người hiện vẫn đang là đảng viên, họ không

làm ăn theo kiểu xưa, họ muốn tìm con đường kinh doanh làm giàu, miễn là không phạm pháp. Họ có khát vọng chính đáng muốn được sống sung sướng hơn, hạnh phúc hơn, họ chán ghét cảnh bần cùng, thiếu thốn, khổ hạnh; họ muốn có những tiện nghi sinh hoạt đầy đủ, ngày một hiện đại hơn. Trong số này, đã và đang hình thành *một lớp người giàu có*, cả ở trong nước và ngoài nước; cả ở thành phố và nông thôn và không chỉ ở ngoài xã hội, mà cả trong hàng ngũ cán bộ viên chức nhà nước.

Với mẫu hình nhân cách mới này, những quan niệm về giá trị đang thay đổi và những phẩm chất mới đang hình thành. Họ *chủ động* đi vào làm ăn, tìm việc làm, không đầu hàng trước những thất bại có thể xảy ra nhiều lần. Họ *tìm hiểu thị trường*, học hỏi kinh nghiệm, *sáng tạo và tranh thủ thời cơ*, không rập khuôn sáo cũ, đi vào *cạnh tranh* không rút rè, nhút nhát, dám *đôi đầu với những thách thức mới*. Với lớp thanh niên trẻ hiện nay, họ rất coi trọng vấn đề *học vấn và trình độ tay nghề cao*, khả năng giao dịch "làm ăn". Họ mong muốn được đi nước ngoài để tìm hiểu, học hỏi. Một số cũng muốn có địa vị xã hội, có quyền lực để dễ làm ăn.

Trước đây, nhân dân ta đã thực hiện một nhiệm vụ vĩ đại là giành độc lập tự do cho dân tộc và biểu

dương mẫu hình người chiến sĩ cách mạng, toàn tâm toàn ý cho lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản. Ngày nay, nhiệm vụ đặt ra cho nhân dân ta là xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh và phồn vinh, một xã hội công bằng và văn minh, thì lớp người dám đi vào con đường kinh doanh làm giàu (tất nhiên phải là hợp pháp) rất đáng hoan nghênh. Việc làm giàu của họ, dù có ý thức hay không ý thức đã tác động đến sự phát triển của xã hội Việt Nam và là *hiện tượng tích cực*, hợp với trào lưu tiến bộ, là đi tìm con đường thành đạt cho dân tộc. Lớp cha ông họ trước kia đã chiến đấu hy sinh vì độc lập của dân tộc, còn lớp người mới ngày nay đang đi tìm sự phồn vinh cho đất nước. Lớp người trước tự giác gánh lấy trách nhiệm trong cách mạng và chiến tranh, thì lớp người mới hiện nay cũng đang nhận lấy trách nhiệm xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh.

Nhưng mặt khác, trong môi trường kinh tế thị trường, những biểu hiện tiêu cực ở một số người cũng có xu thế tăng (lừa đảo, bịp bợm, bê tha, sa đoạ, bị thế lực đồng tiền che mờ tình nghĩa gia đình, bạn bè v.v...). Một số đã lợi dụng những sơ hở của luật pháp, những yếu kém của cơ chế tổ chức của bộ máy Nhà nước để làm giàu phi pháp.

Ở đây, chúng tôi cũng muốn nêu lên vài nhận

xét về sự biến động của công tác giáo dục gia đình trong quá trình đổi mới, đặc biệt là mối quan hệ giữa thế hệ già và thế hệ trẻ. Nhìn vào lịch sử nước ta, mỗi thế hệ thường theo vị trí xã hội của mình mà chăm sóc, giáo dục con cái, với mong muốn con cháu sau này có thể tiếp tục đạt được vị trí xã hội của mình đã có. Nhưng ngày nay các thế hệ mới lớn lên đi vào hoạt động sản xuất, hoạt động xã hội, lại không theo như mong mỏi của thế hệ bố mẹ (ví dụ, bố là nhà khoa học, nhưng con lại thích kinh doanh làm giàu), thậm chí ngày càng có nhiều trường hợp làm trái ngược với ý kiến của bố mẹ.

Nhìn chung lại trong thời kỳ đổi mới, nhân cách con người bắt đầu có những chuyển biến. Khi những quan niệm mới về nhân cách chưa hình thành rõ rệt thì *cách xem xét, đánh giá thường có những điểm khác nhau*, có khi trái ngược nhau. Điều này có ảnh hưởng đến định hướng giá trị trong giáo dục gia đình ⁽¹⁾. Vì vậy có người lo lắng bi quan, có người lạc quan, phấn khởi, có người bàng khuâng do dự v.v... Nếu trước đây

⁽¹⁾ Quan điểm của chúng tôi về định hướng giá trị trong giáo dục gia đình, về thang giá mới của con người Việt Nam hiện đại đã được trình bày ở trang 78.

quan điểm Nho giáo hoặc quan điểm truyền thống dân gian đã chi phối cách xem xét vấn đề nhân cách, nội dung nhân cách, thì ngày nay lại không đủ sức lý giải và hướng dẫn cho xã hội mới. Thời kỳ đổi mới đòi hỏi chúng ta phải xây dựng những quan điểm lý luận mới, có khả năng phân tích, lý giải đời sống thực tế, định hướng cho nhân dân ta xử lý đúng đắn vấn đề xây dựng nhân cách, phục vụ có hiệu quả hơn cho sự phát triển của xã hội Việt Nam, của con người Việt Nam thời đại mới. Hệ thống lý luận mới chắc chắn phải là sự kế thừa thông minh những nhân tố tích cực trong truyền thống và các quan điểm lý luận trước đây, đồng thời có tham khảo kinh nghiệm của các nước khác trên thế giới.

3. Phương pháp giáo dục con cái trong gia đình hiện nay

Phương pháp giáo dục con cái hiện nay cũng đang biến đổi, chịu ảnh hưởng sự biến đổi nội dung giáo dục và môi trường xã hội. Trước kia, gia đình chủ yếu giáo dục *tính cộng đồng* cho trẻ em, chúng phải tuân theo khuôn phép sẵn có của gia đình: *phục tùng* cha mẹ, ông bà, phục tùng lợi ích của gia đình. Vì vậy phương pháp giáo dục chủ yếu là trẻ em làm theo người lớn chỉ bảo, là bắt chước. Cha mẹ dùng uy

quyền, kể cả bạo lực để yêu cầu con cái tuân theo, nếu trái lời sẽ bị *trừng phạt*, tạo nên sự ổn định trên dưới trong gia đình, nhưng rất bảo thủ, trì trệ.

Việc giáo dục hiện đại lại hướng theo tinh thần chú ý đến *cá nhân*. Lợi ích, nhu cầu, nguyện vọng của trẻ em được quan tâm, nhưng có gia đình còn quá nuông chiều con cái, gây cho chúng tâm lý hưởng thụ vật chất, ít quan tâm đến cha mẹ và mọi người chung quanh. Việc giáo dục nghiêng về phân tích lý lẽ, để *trẻ tự phân biệt đúng sai*, tự điều chỉnh mà không cần có sự kiểm soát gắt gao của cha mẹ, ông bà, phát huy tinh thần chủ động sáng tạo của chúng.

Đáng tiếc là còn nhiều gia đình *chưa tạo cho trẻ em tính chủ động*. Họ đẩy trẻ em vào tình trạng thụ động, chỉ một chiều vâng lời và làm theo cha mẹ, không phát huy được sáng kiến, chính kiến của trẻ. *Tính sáng tạo, chủ động trong tư duy và việc làm là một phẩm chất cần thiết cho con người Việt Nam trong sự đổi mới của đất nước hiện tại và tương lai*. Do đó cần phải thay đổi cách tiếp cận việc giáo dục con người, nhằm phát huy vai trò của chủ thể tích cực của trẻ em. Các gia đình cần có nhận thức về vấn đề này và tạo ra động lực cho trẻ vươn lên chủ động, tích cực sáng tạo.

Hiện nay đã có nhiều biến đổi xảy ra trong gia đình và bên ngoài gia đình, ví như sự trưởng thành sớm của lớp trẻ, việc chúng có thể tạo nên thu nhập độc lập với cha mẹ, có lối sống, nếp sống thích hợp với tuổi trẻ v.v..., đó là những yếu tố làm giảm ảnh hưởng của gia đình trong chức năng xã hội hoá. Trường học, bạn bè, điện ảnh, tivi,... là những nhân tố có vai trò xã hội hóa lớp trẻ mạnh mẽ, không phải chỉ có gia đình. Ở trường, học sinh ngày càng tiếp xúc với phương pháp học tập mới và những kỹ thuật hiện đại, sử dụng máy tính, mã hoá thông tin v.v..., những kiến thức mà có những bậc cha mẹ chưa thể cập nhật được. Trình độ học vấn của cha mẹ thấp so với con cái trong nhiều gia đình là một trở ngại cho vai trò giáo dục của họ. Do đó, họ cần phải có những phương pháp đúng đắn hơn để tiếp xúc và hiểu được lớp trẻ. Đây là một thách thức mới đối với bậc làm cha mẹ ngày nay.

Thông thường có hai phương pháp: *ng nghiêm khắc* (thái quá trở thành hà khắc), *nuông chiều* (thái quá trở thành buông lỏng). Nhiều nhà giáo dục Việt Nam đề ra việc kết hợp giữa phương pháp giáo dục truyền thống và hiện đại, kết hợp quyền uy với tình thương, quyền uy với sự khoan dung, v.v...

Uy quyền đúng đắn được biểu hiện trong hệ thống: *uy quyền* và *khoan dung*. Vấn đề quan trọng là mức độ của uy quyền và khoan dung kết hợp với nhau như thế nào để không có sự thái quá về một mặt nào đó và đối với từng lứa tuổi có khác nhau. Rõ ràng, đây là một *nghệ thuật* trong giáo dục gia đình, trong cách ứng xử, đối xử, lối sống, nếp sống, việc làm hàng ngày trong gia đình và ngoài xã hội. Sự khoan dung không chỉ biểu hiện trong thái độ của người trên đối với người dưới, của cha mẹ đối với con cái, mà còn là sự khoan dung lẫn nhau, cho nhau. Vì vậy Liên Hiệp Quốc đã lấy năm 1995 là năm *khoan dung* trong việc giải quyết các mối quan hệ xã hội, các vấn đề xã hội, trong từng nước, từng quốc gia và giữa các nước với nhau.

Theo kết quả điều tra ở hai phường Hà Nội về các biện pháp giáo dục, 87% gia đình trả lời là dùng biện pháp giảng giải, thuyết phục, còn ra lệnh cưỡng bách chỉ có 5% gia đình thừa nhận đã làm, nhưng về biện pháp thưởng phạt trẻ em chỉ có 35% gia đình thực hiện. Trong thực tế chủ yếu là các gia đình *nhắc nhở, giao việc* cho con. 83% gia đình nhắc nhở con học tập, trông nhà, trông em, giao làm một số việc cụ thể, v.v..., còn việc chú ý *thưởng phạt đúng đắn* để khuyến khích trẻ, hay uốn nắn thói hư, tật xấu lại chưa được quan tâm thích đáng. (Xem bảng số 14).

Bảng số 14

**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA Ở 2 PHƯỜNG HÀ NỘI VỀ TÌNH HÌNH
GIÁO DỤC CON CÁI TRONG GIA ĐÌNH (%)**

Nội dung	Ngô Thị Nhậm		Yên Phụ		Chung	
	Có	Không	Có	Không	Có	Không
1. Dành thời gian giáo dục con cái	80	20	79	21	79,5	19,5
2. Tạo vật chất	66	34	79,8	20,2	72,5	27,5
3. Giúp con giảng giải bài	80	20	63	37	71,5	28,5
4. Nhắc nhở, giao việc	86	14	79,9	1,9	83	17
5. Giáo dục về đạo đức	97	3	92,9	7,1	95	5
6. Giáo dục về văn hoá	49	51	52,5	47,5	59,75	49,25
7. Giáo dục về nghề nghiệp	17	83	40,4	59,6	28,7	71,3
8. Dùng biện pháp giảng giải thuyết phục	86	14	88	12	87	13
9. Ra lệnh cưỡng bách	1	99	9	91	5	95
10. Thưởng phạt	37	63	33	67	35	65
11. Phối hợp với nhà trường	75	25	66	34	70,5	29,5

Nhìn chung, các gia đình đã chú ý sử dụng các biện pháp giáo dục tích cực như gương mẫu, giảng giải thuyết phục, rèn nề nếp thói quen, v.v... Tuy nhiên, những biện pháp giáo dục bằng roi vọt, mắng nhiếc, chửi bới vẫn còn chiếm một tỷ lệ đáng quan tâm. Qua điều tra 569 hộ gia đình công nhân, nông dân, thợ thủ công về sử dụng các biện pháp roi vọt, mắng chửi con cái, kết quả như sau:

Ở gia đình nông dân 10,7% thường xuyên, 74,82% đôi khi. Gia đình công nhân 14,38% thường xuyên, 68,63% đôi khi. Gia đình thợ thủ công 2,42% thường xuyên, 45,45% đôi khi đã dùng biện pháp roi vọt, mắng nhiếc con cái ⁽¹⁾.

4) Những ảnh hưởng tiêu cực đến vấn đề giáo dục gia đình

a/ *Trước hết* cần nhắc đến sự bất hoà giữa cha mẹ, từ nhỏ đến lớn có ảnh hưởng rất xấu đến sự phát triển của trẻ như:

⁽¹⁾ Kết quả điều tra của Phạm Nguyệt Lãng. Xem cuốn "Một vài nét nghiên cứu về gia đình Việt Nam" do Trung tâm NCKH về Phụ nữ xuất bản, 1993, tr. 284.

- Gây ra sự sợ hãi cho trẻ, trẻ có thể sinh ra một số bệnh tật;

- Làm cho trẻ mất phương hướng, không biết theo ai. Ở trẻ có thể nảy sinh một số thói hư tật xấu như nói dối, vô lễ v.v...

- Trẻ không an tâm học tập, buồn nản, đau khổ;

- Trẻ nảy sinh tình cảm lệch lạc, bè phái, theo mẹ chống bố, theo bố chống mẹ, v.v...

Thứ hai là quan hệ giữa các thành viên gia đình có sự *lệch lạc* không thống nhất trong biện pháp giáo dục:

- *Quá nuông chiều*, làm trẻ vùi vãnh, không vâng lời cha mẹ, chỉ làm theo ý mình; hoặc làm trẻ mất tính tự lập, yếu hèn, việc gì cũng chờ cha mẹ, gia đình làm cho;

- *Quá nghiêm khắc, khắt khe* với con cái, gây ra phản ứng ở trẻ và mâu thuẫn giữa các thế hệ;

- *Buông lỏng* cho trẻ hoàn toàn tự do hành động, cha mẹ thiếu sự quan tâm dạy dỗ, uốn nắn cách ứng xử của con cái.

Phải nói rằng sự bất hoà trong quan hệ vợ chồng (cả về mặt tâm lý và sinh lý), sự bất đồng trong quan điểm, định hướng giá trị cuộc sống, nghề nghiệp, bất đồng trong quan điểm giáo dục và định hướng cho con cái là những yếu tố rất bất lợi cho việc giáo dục trẻ em, nảy sinh từ nội bộ gia đình.

Thứ ba là ảnh hưởng của các ấn phẩm văn hoá tiêu cực.

Qua các phương tiện thông tin đại chúng, trẻ em tiếp thu được nhiều kiến thức đa dạng, được xã hội hoá nhanh, nhưng đồng thời sách truyện, phim ảnh, vô tuyến, băng hình video, lại tuyên truyền quá nhiều về bạo lực, các tệ nạn xã hội, cướp bóc, hiếp dâm v.v... Các sách báo khiêu dâm, không có giá trị giáo dục đạo đức được công khai hoặc bí mật du nhập và lưu truyền, vì những người kinh doanh sản phẩm văn hoá chạy theo lợi nhuận trước mắt và tung ra thị trường, đầu độc người lớn và trẻ em (bố mẹ xem, các con cũng xem v.v...). Có gia đình chỉ biết cho con tiền mà không quan tâm đến sinh hoạt văn hoá của con cái, trẻ em tự do tìm đọc các sách báo, băng hình xấu một cách công khai hoặc bí mật.

b/ *Phân tích về nguyên nhân của những thiếu sót trong giáo dục gia đình.*

Trước hết năng lực giáo dục, những kiến thức hiểu biết của nhiều người làm cha, làm mẹ còn rất nhiều hạn chế.

Về ý thức trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ chưa đầy đủ, họ *lo nuôi nhiều hơn dạy*, nên thiếu sự theo dõi, uốn nắn kịp thời sai lầm của trẻ.

Thứ hai là do những nguyên nhân khách quan.

Đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, các gia đình phải lo kiếm sống, nhiều bậc cha mẹ có quá ít thời gian chăm sóc, giáo dục con.

Môi trường giáo dục lại có nhiều biểu hiện tiêu cực tác động đến các gia đình, đến trẻ em, thậm chí phá vỡ hay làm suy giảm những kết quả giáo dục đã đạt được trước đó. Đồng thời chất lượng giáo dục ở nhà trường bị giảm sút mấy năm trước đây (nay đã có sự củng cố khá hơn) đã ảnh hưởng đến sự liên kết giáo dục giữa gia đình và nhà trường.

Tình trạng trẻ em bỏ học do nhiều nguyên nhân

khiến trách nhiệm giáo dục của gia đình thêm nặng nề, khó khăn.

Qua khảo sát thực tế, mấy vấn đề nổi lên ảnh hưởng nhiều đến việc giáo dục con cái của các gia đình, đặc biệt đối với các bà mẹ là *đời sống kinh tế, trình độ học vấn, kiến thức và quỹ thời gian*. Kết quả nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Thanh niên điều tra các bà mẹ ở Hà Nội, Vĩnh Phú, Bắc Thái ⁽¹⁾ cho thấy phần lớn các gia đình trẻ chưa đầu tư thoả đáng cho việc giáo dục con về nhiều mặt.

46,82% các bà mẹ có con từ 3 đến 5 tuổi trở lên trả lời là trong việc giáo dục con họ gặp nhiều khó khăn. Về nguyên nhân, 67,36% cho là do khách quan (thời gian ít, tác động xã hội xấu v.v...) chỉ có 32,64% cho là do chủ quan.

82% bà mẹ cho rằng họ có *quá ít thời gian* để giáo dục con; 48% cho là do *điều kiện vật chất khó khăn*, họ không đáp ứng được các yêu cầu chính đáng của con cái; 40% cho là do ảnh hưởng các hiện tượng

⁽¹⁾ Xem "Nhận diện gia đình Việt Nam hiện nay", Trung tâm NCKH về Phụ nữ, xuất bản, 1993, tr. 171.

tiêu cực xã hội; 32% cho là do sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường còn lỏng lẻo.

Về thời gian, ở các bà mẹ trẻ Hà Nội dành cho việc giáo dục con thì hơn 1/3 dành 2 tiếng/ngày, hơn 1/4 dành 1 tiếng/ngày, 1/5 dành 3 tiếng/ngày, gần 1/5 dành được 4 tiếng trở lên trong 1 ngày. Những chị em có ít thời gian nhất chủ yếu ở đối tượng nữ công nhân viên hành chính, dịch vụ ⁽¹⁾. Qua điều tra ở 2 phường Hà Nội thì 80% các cặp vợ chồng trả lời là có dành thời gian giáo dục chăm sóc con, nhưng thời gian là bao nhiêu thì chưa rõ.

Còn ở nông thôn, chị em một mình đảm đương công việc đồng áng và gia đình (thường chồng đi vắng), các bà mẹ hầu như chỉ có chút thời gian trước khi đi ngủ để nói chuyện với con. Chỉ hôm nào mưa dầm, gió bắc không đi làm đồng, chị em được ở nhà, mới có thời gian chăm sóc con. Ngày thường, công việc nuôi dạy con chị em hầu như nhờ vào ông bà, hoặc đứa lớn trông đứa bé, chúng học hành vui chơi ra sao tùy ý.

⁽¹⁾ Xem "Nhận diện gia đình Việt Nam hiện nay", Trung tâm NCKH về Phụ nữ xuất bản, 1993, tr.181.

Hiện nay chức năng làm kinh tế để thoả mãn các nhu cầu vật chất của gia đình đã cuốn hút hết thời gian của các cặp vợ chồng trẻ. Ở Hà Nội có tới 63,1% các bà mẹ trẻ ngoài thời gian làm việc ở cơ quan xí nghiệp, làm nội trợ gia đình còn thường xuyên phải làm thêm để tăng thu nhập ⁽¹⁾. Ở nông thôn, chị em cố gắng chăn nuôi, làm kinh tế vườn hay nghề thủ công để kiếm thêm chút tiền chi tiêu cho gia đình.

Thu nhập thấp, đời sống khó khăn, nhiều gia đình nghèo *không đáp ứng được các nhu cầu văn hoá tinh thần* của trẻ. Đặc biệt ở nông thôn ngay việc cung cấp cho các cháu phương tiện học tập (bàn ghế, sách vở) cũng hết sức thiếu thốn. Ở thành phố, nhiều gia đình cố gắng chạy tiền cho con học, học phụ đạo, nhưng cũng không ít cảnh hai gia đình phải mua chung một tờ báo Nhi đồng cho các cháu ⁽²⁾. Còn ở nông thôn việc mua truyện tranh, mua báo cho các em là việc rất hiếm hoi, kể cả mua đồ chơi cho các cháu nhỏ cũng rất khó khăn.

Nhiều bà mẹ có ý thức đúng đắn về trách nhiệm

(1). Xem "Nhận diện gia đình Việt Nam hiện nay" tr.181.

(2) Như trên..

giáo dục con cái của họ, đặc biệt ở lứa tuổi nhỏ, nhưng do phải làm để đủ ăn, thoả mãn một số nhu cầu vật chất tối thiểu nên không thể đáp ứng được các nhu cầu văn hoá, trí tuệ, tình cảm của con cái. Bên cạnh đó, một số gia đình, đặc biệt là ở các thành phố, lại có khả năng mua sắm cho con cái đủ thứ đồ chơi đắt tiền, trò chơi điện tử, v.v... và chi những khoản tiền lớn cho việc thuê thầy phụ đạo, học âm nhạc, đàn, hát, vẽ v.v... Vì vậy ngay giữa các cháu, dù tuổi nhỏ cũng đã nhận thức được sự khác biệt giàu, nghèo giữa chúng, rất bất lợi cho việc giáo dục trẻ em.

Trong các gia đình *phân ngân sách* dành cho việc giáo dục học tập của trẻ em thật nhỏ bé. Phân tích cơ cấu chi tiêu của một gia đình *công nhân* năm 1991 cho thấy chi cho ăn uống 70%, may mặc 2,7%, các dịch vụ đóng góp y tế, giáo dục, cưới xin là 13%, các mặt khác là 14,2%.

Còn trong cơ cấu chi tiêu của gia đình *nông dân* năm 1992 thì chi cho ăn uống 61%, may mặc 10,52%, nhà ở 16,8% văn hoá giáo dục 3,8%, y tế 4,0%, các chi khác 3,9% ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Số liệu thống kê lao động và xã hội. 1992, tr. 99 và 101.

Mấy năm gần đây, Nhà nước xoá bỏ bao cấp đối với các chi phí giáo dục, y tế, văn hoá, do đó gia đình lại chịu gánh nặng lớn hơn trong việc nuôi dạy, chăm sóc sức khoẻ con cái ⁽¹⁾. Riêng các khoản đóng góp cho con cái đi học, thì ngoài học phí và tiền mua sách vở, còn nhiều khoản chi cho các loại quỹ do nhà trường đề xướng, khiến các gia đình kêu ca, đặc biệt các gia đình nghèo không chịu đựng nổi. Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến *tình trạng trẻ em bỏ học và không đi học* kéo dài mấy năm nay.

Số lượng học sinh tiểu học vẫn tăng lên đều đặn, nhưng tỷ lệ đi học so với số dân đã giảm đi, vài năm qua tỷ lệ trẻ em đến trường thực sự đi học giảm gần 0,8% mỗi năm. Theo báo cáo về giáo dục năm 1993, số trẻ em tuổi từ 6-14 hoàn toàn không đến trường hay bỏ học sớm sau khi vào cấp một khoảng 2,2 triệu em.

⁽¹⁾ Ở bệnh viện cấp cứu, giá tiền phòng thấp nhất là 40.000đ, cao nhất 110.000đ, còn trung bình là 60.000đ, ngoài ra còn các khâu khám chữa bệnh, xét nghiệm phải bỏ tiền từ 30.000đ đến hàng 100 ngàn đồng (Báo Hà Nội mới Chủ Nhật ngày 23/4/1995) - Phỏng vấn chị I ở phường Yên Phụ cho biết: Tiền học thêm cho con trai học lớp 10 là 300.000đ/tháng, tiền gửi trẻ cho cháu nội là 180.000đ/tháng, trong khi đó lương của 2 vợ chồng là 480.000đ, cả nhà tiêu pha nhờ quán bán nước chè của chị.

Tỷ lệ học sinh học hết cấp một và cấp hai năm học 1986-1987 là 92%, năm học 1989-1990 là 72% ⁽¹⁾.

Tất nhiên có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng bỏ học của trẻ em. Điều tra ở phường Yên Phụ (Hà Nội), tỷ lệ bỏ học là 7,8%. Bỏ học vì nguyên nhân kinh tế khó khăn, tỷ lệ người trả lời 83,3%, do học kém là 50%, do không cần học cao là 33,3%.

Điều tra ở xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Hà về nguyên nhân bỏ học đáng chú ý là:

Do thiếu lao động, ở con gái là	43,75%,
ở con trai là	14,28%.

Do không có tiền, ở con gái là	37,50%,
ở con trai là	37,4%.

Do học không để làm gì, ở con gái là	31,25%,
ở con trai là	14,28%.

Do học kém, ở con gái là	12,50%,
ở con trai là	28,5% ⁽²⁾

⁽¹⁾ Phân tích tình hình phụ nữ và trẻ em của Unicef 1995, tr.125

⁽²⁾ Xem "Nhận diện gia đình Việt Nam hiện nay", tr.196.

Về năng lực giáo dục của các bậc cha mẹ

Nhìn chung nhiều người không đủ trình độ kiến thức và văn hoá, đặc biệt là ở người phụ nữ, người mẹ có trách nhiệm rất lớn trong việc giáo dục con khi còn nhỏ. Năm 1989, tỷ lệ không biết đọc, không biết viết ở phụ nữ trong cả nước là 17,7%, ở nam giới là 8,6%. Tỷ lệ chưa tốt nghiệp phổ thông cơ sở đối với lứa tuổi từ 20 - 44 tuổi (cần nuôi dạy con cái nhiều) ở nữ từ 42% đến 55%, ở nam là từ 38,4% đến 41,8%. Trình độ kiến thức thấp, thu nhập thấp, các gia đình không thể tự mua các ấn phẩm văn hoá và các phương tiện thông tin hiện đại, thời gian lại eo hẹp, đã không cho phép họ đọc sách báo, nghe đài, tiếp nhận kịp thời những thông tin cần thiết cho việc giáo dục con cái. Năm 1993, có 25,2% phụ nữ và 15,5% nam giới ở độ tuổi sinh đẻ không bao giờ nghe đài, 19,8% nữ và 3,9% nam không bao giờ xem tivi, 53,7% nữ và 39% nam không bao giờ đọc báo ⁽¹⁾. Đây là một nguyên nhân quan trọng, hạn chế hiệu quả giáo dục của gia đình trên nhiều mặt.

⁽¹⁾ Số liệu phụ nữ Việt Nam, 1985 - 1995, tr. 85.

Đồng thời các gia đình còn vấp phải *những khó khăn lúng túng* trong công tác giáo dục trẻ em. Việc gia đình chưa có sự thống nhất về cách giáo dục con chiếm 38% những người được hỏi ý kiến, 22% cho là do thiếu kiến thức cần thiết và cha mẹ chưa thực sự làm gương cho con, còn 16% cho rằng cha mẹ không hiểu được khả năng và sở thích của con mình. ⁽¹⁾

Việc hai vợ chồng *không thống nhất ý kiến trong việc giáo dục con cái* không chỉ gây hậu quả cho đứa trẻ, mà còn ảnh hưởng đến bầu không khí hoà thuận trong gia đình, 49,83% các gia đình trẻ trả lời rằng xích mích trong gia đình họ thường xảy ra do có sự bất đồng ý kiến trong nuôi dạy con cái ⁽²⁾.

Còn ở một số gia đình khác thì mỗi thành viên gia đình (ông bà, cha mẹ, cô chú, v.v...) lại có những cách dạy dỗ trẻ em khác nhau, có khi đối lập nhau. Do vậy, khi các cháu nghe theo dạy dỗ của người này lại bị người khác mắng chửi v.v...

⁽¹⁾ Điều tra của Viện Nghiên cứu Thanh niên, xem "Nhận diện gia đình Việt Nam", tr. 182.

⁽²⁾ Như trên.

Về nguyên nhân chủ quan tác động đến chức năng giáo dục gia đình còn phải kể đến *tư tưởng ỷ lại vào nhà trường*, nảy sinh từ thời bao cấp, coi nhẹ vai trò của gia đình. Ở không ít gia đình, bậc biệť ở gia đình nông dân và công nhân, việc học hành hầu như chỉ tự bản thân các cháu và nhà trường biết đến. Cha mẹ chỉ lo mua sách vở, đồ dùng học tập, cấp học phí, thỉnh thoảng có nhắc nhở con học bài, làm bài, nhưng không kiểm tra, theo dõi, giúp đỡ con học tập. Hiện tượng này vừa có nguyên nhân là do cha mẹ thiếu thời gian, thiếu kiến thức và vừa do sự ỷ lại của cha mẹ vào các thầy cô giáo trong việc học hành của trẻ em.

Về phía xã hội - sự tăng lên của các hiện tượng tiêu cực diễn ra khắp nơi đã tác động nặng nề đến chức năng giáo dục của gia đình.

Có tới 97,62% các bà mẹ trẻ ở Hà Nội cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến việc trẻ con hư là do ảnh hưởng của những thói hư tật xấu trong xã hội, của sách báo, video đen. Còn 29,70% thì lo lắng trước thái độ thiếu trách nhiệm của nhà trường⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Điều tra của Viện Thanh niên, xem "Nhận diện gia đình Việt Nam", tr. 182.

Tệ nạn xã hội: lừa đảo, cướp bóc, mại dâm, xì ke ma tuý v.v... đang xâm nhập vào các gia đình, đẩy một số thanh thiếu niên vào con đường hư hỏng, phạm pháp. Tuy nhiên, phải thấy rằng một mặt gia đình phải ngăn chặn ảnh hưởng tiêu cực của các tệ nạn xã hội đến các thành viên gia đình, mặt khác chính gia đình phải tích cực, chủ động gạt bỏ những *nguyên nhân phát sinh tiêu cực từ chính ngay lối sống, sinh hoạt, sự ổn định của nội bộ gia đình.*

Theo số liệu điều tra về trẻ em lang thang trên đường phố ở tuổi trung bình 14. *Về đặc điểm gia đình*, có 30% trẻ có bố mẹ nghiện hút, cờ bạc, thiếu gương mẫu về đạo đức, sống buông thả; 21% trẻ sống trong các gia đình có việc làm thu nhập bất chính, 20% trẻ được gia đình nuông chiều quá mức, 39% có bố mẹ ly hôn v.v...

Ở Hà Nội, trong số 110 trẻ lang thang có hành vi trái pháp luật thì:

58% có bố mẹ nghiện rượu; 15% bố mẹ có tiền án, tiền sự; 7% có anh chị em ruột đi tù v.v...⁽¹⁾

⁽¹⁾ Xem bài: Giáo dục gia đình và vấn đề định hướng giá trị của Nguyễn Thị Khoa.

Ở thành phố Hồ Chí Minh khi tìm hiểu nguồn gốc xã hội của trẻ lang thang thì:

23% trẻ có bố mẹ sống ly thân hay ly dị; 39% trẻ có bố hoặc mẹ hoặc cả hai bố mẹ đều đã chết; 6% trẻ không biết bố mẹ là ai; 36% trẻ có bố dượng hoặc mẹ kế⁽¹⁾.

Còn lý do đi lang thang thì:

55% do gia đình tan vỡ, trẻ bị đánh, không được quan tâm, bị ruồng bỏ, bất hoà; 14% để kiếm tiền; 12% do người khác rủ rê; 10% do bố mẹ chết phải đi kiếm sống; 9% lý do khác.

Về *ngề chính* trẻ làm trên đường phố thì 33% nhặt rác, 26% ăn xin, 13% bán hàng vật trên phố và 9% móc túi ăn cắp⁽²⁾

Tình trạng *văn hoá* của các cháu có 58% biết đọc biết viết, 3% đang theo học, 82% đã bỏ học, 15% chưa hề đi học.⁽³⁾

⁽¹⁾ Phân tích tình hình phụ nữ và trẻ em Việt Nam của Unicef tr. 138, 143.

⁽²⁾ Như trên

⁽³⁾ Phân tích phụ nữ và trẻ em Việt Nam của Unicef, tr. 138.

Theo báo cáo của Ủy ban phòng chống AIDS, tại Hà Nội có khoảng 7% gái mại dâm dưới 18 tuổi. Ở thành phố Hồ Chí Minh thì tỷ lệ này là 16%. Đó là những con số đáng báo động ⁽¹⁾.

Gia đình tan vỡ và nghèo đói làm cho nhiều trẻ em phải rời khỏi gia đình đi tìm kiếm việc làm, để có thu nhập và các em trở thành nạn nhân của những kẻ môi giới mại dâm, những kẻ cầm đầu trộm cắp. Tình trạng trẻ lang thang, phạm tội vị thành niên không chỉ do ảnh hưởng xấu của xã hội xô đẩy tới, mà *nguyên nhân sâu xa chính từ môi trường bất lợi của gia đình đối với trẻ em, sự yếu kém của công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, sự thiếu gương mẫu của cha mẹ*. Đó là những biểu hiện mặt trái của sự phát triển gia đình: gia đình không quan tâm đến con cái, không nuôi dạy con tốt, sự bất hoà và không ổn định trong quan hệ vợ chồng, cha mẹ ly thân hay ly dị, đạo đức gia đình xuống cấp, v.v... Gia đình là một môi trường văn hoá - văn hoá gia đình; môi trường gia đình tiêu cực, khủng hoảng đã tác động đến trẻ em, chúng bị tiêm nhiễm những hành vi, tư tưởng xấu, hoặc có sự

⁽¹⁾ Tình hình phụ nữ và trẻ em Việt Nam của Unicef, tr. 143.

phản ứng lại với sự ghẻ lạnh trong quan hệ gia đình. Khi gia đình không còn là hệ thống bảo trợ cho sự an toàn của đứa trẻ, cả về mặt vật chất và mặt tình cảm, thì chúng phải đi tìm ở ngoài xã hội.

Xã hội ta đang chứng kiến những sai lệch chuẩn mực của nhân cách trẻ em, mà một trong những nguyên nhân chính là từ gia đình.

Một lần nữa thực tế cuộc sống đã chứng minh vai trò quan trọng của gia đình nói chung, của chức năng xã hội hoá nói riêng trong việc hình thành phát triển nhân cách con người, đặc biệt ở lớp trẻ. Trong khi một số đông gia đình bình thường, tuy có những lúng túng, khó khăn nhưng họ đã cố gắng vươn lên, làm tốt trách nhiệm giáo dục con cái, đào tạo chúng thành những người có ích cho xã hội, có tư cách đạo đức trong quan hệ đối xử với gia đình và ngoài cộng đồng, thì một số gia đình khác đã gặp thất bại, trẻ con hư hỏng. Đó là điều khó tránh được trong thời kỳ đổi mới, quá độ từ cái cũ sang cái mới. Ở đây chúng ta không chỉ bàn về trách nhiệm gia đình, mà cần nói tới sự giúp đỡ của Nhà nước. Cần có *môi trường xã hội vĩ mô tốt* mới bảo đảm cho gia đình trở thành môi trường giáo dục tốt.

Chương IV

SỰ HỢP TÁC GIỮA GIA ĐÌNH VỚI NHÀ TRƯỜNG VÀ CÁC THIẾT CHẾ XÃ HỘI KHÁC. SỰ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CON NGƯỜI CỦA GIA ĐÌNH

Trong sự phát triển nguồn nhân lực cho đất nước Việt Nam đang đổi mới hiện nay, rõ ràng nổi lên yêu cầu *nâng cao chất lượng người lao động, đào tạo nhân tài*, đào tạo con người có nhân cách phù hợp với xã hội mới. Đó là nguồn lao động có học vấn, có kiến thức chuyên môn sâu và kiến thức đa ngành, có năng lực sáng tạo, dám nghĩ dám làm, có sức khỏe, đồng thời có những phẩm chất đạo đức cần thiết, lòng nhân ái, sự đồng cảm với nhân loại, sự quan tâm đến lợi ích cộng đồng trong khi đấu tranh cho lợi ích cá nhân. Để hình

thành những con người như vậy phải có sự *hợp tác*, *sự phối hợp nhịp nhàng*, đồng bộ và hỗ trợ cho nhau giữa *ba môi trường giáo dục* là gia đình, nhà trường và xã hội.

Trong quá trình xã hội hoá cá nhân và cá thể hoá, trẻ em phải được phát triển về cả ba phương diện, thể chất, trí tuệ và tình cảm tâm lý để có thể trở thành con người có nhân cách, có khả năng đảm đương các vai trò xã hội sẽ được giao phó.

Sự phát triển về *thể chất* giúp cho trẻ em có sức mạnh về cơ thể để hoạt động, phát huy khả năng lao động sáng tạo và khả năng tái sản xuất ra con người. Trẻ có thể tồn tại trong tự nhiên và xã hội với tư cách một con người trưởng thành bình thường.

Sự phát triển về *trí tuệ* cho trẻ có khả năng suy xét về hiện tại, quá khứ, tương lai, để tự chủ trong cuộc sống, không chỉ thích nghi để tồn tại mà còn tích cực cải tạo tự nhiên và xã hội, phục vụ cho mục tiêu phát triển của cá nhân và cộng đồng. Năng lực trí tuệ, hiểu một cách toàn diện không chỉ là trình độ học vấn, mà còn là sự hiểu biết về đạo lý làm người, về trách nhiệm của cá nhân đối với gia đình và xã hội,

được bồi dưỡng cả về *thế giới quan* và *nhân sinh quan*.

Sự phát triển *thăng bằng về tình cảm tâm lý* giúp cho trẻ có khả năng hoà nhập trong gia đình và sinh hoạt cộng đồng, tìm thấy niềm vui hạnh phúc của mình, mối liên hệ gắn bó với các thành viên gia đình và dân tộc.

Sự phát triển của ba mặt này có quan hệ khăng khít với nhau, thúc đẩy lẫn nhau, làm cho trẻ tiến dần đến chỗ có thể tự chủ hoàn toàn, tự quyết định thái độ, cách ứng xử đúng đắn, một hành động tự do trong khuôn khổ cộng đồng xã hội.

Gia đình là tổ chức xã hội đầu tiên có khả năng nhất trong việc chăm lo sự phát triển cả ba phương diện nói trên của trẻ, đặc biệt ở giai đoạn từ 1 đến 6 tuổi. Nhưng dần dần ảnh hưởng và vai trò của các thiết chế xã hội khác (như nhà trường, đoàn thể, cơ quan, xí nghiệp) ngày càng tăng đối với cá nhân theo lứa tuổi, tuy gia đình vẫn chiếm vị trí quan trọng. Vì vậy, cần có sự *hợp tác* và *thống nhất* giữa các môi trường giáo dục để tạo nên hiệu quả tích cực nhất cho sự hình thành nhân cách con người.

I. MỐI QUAN HỆ HỢP TÁC GIỮA GIA ĐÌNH VÀ NHÀ TRƯỜNG TRONG CHỨC NĂNG XÃ HỘI HOÁ CÁ NHÂN VÀ CÁ THỂ HOÁ

1. Sự phối hợp giữa giáo dục gia đình và nhà trường đã được đặt ra và thực hiện ở nước ta từ lâu. Tuy nhiên, hiệu quả phối hợp chưa tốt nên đã ảnh hưởng đến chất lượng hình thành và phát triển nhân cách thế hệ trẻ.

Gia đình và nhà trường là *hai thiết chế* cùng có chức năng xã hội hoá cá nhân. Trong quá trình tổ chức việc giáo dục cho trẻ em, đặc trưng của từng thiết chế được bộc lộ rõ rệt và cần được bổ sung cho nhau. Như phần trên đã phân tích về đặc điểm giáo dục của gia đình, mặt mạnh là giáo dục mang *tính xúc cảm*, gắn với những quan hệ họ hàng, ruột thịt, nên có khả năng *cảm hoá* rất lớn. Giáo dục gia đình mang *tính cá biệt* rõ rệt, dựa trên cơ sở của cuộc sống tự nhiên, cởi mở trong gia đình và trong thời gian lâu dài, có hiệu quả và thuận lợi. Giáo dục gia đình mang *tính linh hoạt* và *thiết thực* trên cơ sở thống nhất lợi ích giữa người dạy và người học, phát huy được tính chủ thể của người học. Những mặt mạnh đó bổ sung



7. Công bạn đi học

TTXVN PHẠM QUYÊN

cho những thiếu hụt của giáo dục nhà trường.

Đồng thời, giáo dục gia đình cần được bổ sung *những mặt mạnh* của giáo dục nhà trường như một thiết chế chuyên biệt. Đó là *tính mục đích mang tính xã hội cao* được quán triệt trong suốt quá trình giáo dục; là hệ thống *tri thức và kỹ năng*, nhất là *phương pháp tư duy* mang tính hệ thống cơ bản và có thể mở rộng; là hệ thống phương pháp và phương tiện khoa học, có thể hiện đại hoá, tạo cơ sở cho sự *trưởng thành* của trẻ em, sự *lập nghiệp* và *thành đạt* suốt cả đời người.

Nhưng hiện nay do sự hợp tác, phối hợp giữa các thiết chế chưa tốt, nên mặt mạnh của mỗi thiết chế chưa được phát huy và bổ sung cho nhau trong quá trình giáo dục trẻ em.

Nhà trường dường như chỉ chú ý việc *cung cấp kiến thức*, mà có phần xem nhẹ việc giáo dục đạo đức tư cách, đặc biệt đạo đức trong quan hệ đối xử với gia đình, với bạn bè, với người lớn. Giáo dục nhà trường chỉ chú ý *cái chung*, tình hình chung của học sinh, nên chưa quan tâm đúng mức đến *tính cá biệt*, có chăng, chỉ khi có vài học sinh xấu, đòi hỏi phải nhắc nhở.

Còn những em học sinh có hoàn cảnh khó khăn đặc thù trong học tập, trong gia đình, các thầy cô giáo ít quan tâm giúp đỡ, động viên v.v... Nhìn chung, giáo dục nhà trường nặng về lý trí, truyền đạt một chiều, mà nhẹ về mặt tình cảm tâm lý, phát huy tính chủ động của học sinh. Thể hiện trong quan hệ giữa thầy cô với học sinh, chỉ giảng bài, kiểm tra bài trên lớp, còn giúp đỡ trao đổi chuyện trò với học sinh ngoài giờ rất ít (tất nhiên có lý do về quỹ thời gian eo hẹp, thầy cô còn phải lo cuộc sống gia đình v.v...).

Còn về phía các gia đình lại *rất ít phối hợp với nhà trường* trong việc giáo dục con cái, ngoài việc đến họp phụ huynh học sinh (thường chỉ nghe để biết, ít tham gia ý kiến); dường như các gia đình *khoán trắng cho nhà trường* và ỷ lại vào nhà trường trong việc bồi dưỡng *kiến thức*, mở mang trí tuệ trẻ em. Còn nhà trường lại khoán cho gia đình việc giáo dục *đạo đức*, khi học sinh hư, học sinh lười, thầy cô báo cho gia đình, giao cho họ trách nhiệm uốn nắn, dạy dỗ. *Dạy kiến thức và dạy làm người* dường như bị tách rời giữa hai môi trường giáo dục: gia đình và nhà trường, rất bất lợi cho sự hình thành nhân cách trẻ em. Việc xây dựng cả mặt thế giới quan và nhân sinh quan cho trẻ em dường như bị tách rời và coi nhẹ. Sự đánh giá của

nhà trường đối với học sinh chủ yếu qua xếp thứ bậc, căn cứ vào kết quả học tập, điểm kiểm tra, điểm bài, mà chưa chú ý đến các hình thức động viên khác đối với những cố gắng của các em. Trong gia đình, các bậc cha mẹ cũng chỉ căn cứ vào việc xếp thứ bậc trong sổ liên lạc để đánh giá kết quả học tập của trẻ, mà không quan tâm uốn nắn kịp thời các mặt hoạt động khác.

Cuộc khảo sát của chúng tôi ở hai phường thuộc Hà Nội về yêu cầu mong muốn của các gia đình về mặt giáo dục đối với con cái, có thể nói lên phần nào sự cần thiết phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục trẻ em, phát huy mặt mạnh của mỗi thiết chế, giảm bớt những điều chưa nhất trí, chưa hiểu nhau, tạo nên sự thông cảm giữa hai bên.

Nhà trường hiện nay có nhiều khoản đóng góp (có thể là đúng và cần thiết), nhưng nhiều gia đình chưa hiểu hết và chưa thực sự quan tâm. Nhiều ý kiến cũng cho rằng trẻ bây giờ học thêm quá nhiều, vì vậy, nên tăng lương cho giáo viên để đảm bảo chất lượng học sinh. Qua bảng số 15 có 25,5% người trả lời mong muốn tăng cường các quan hệ giữa gia đình và nhà trường; 29,8% người đề nghị nhà trường phải giáo dục toàn diện: Trí - Đức - Thể - Mỹ; 41,5% người đề nghị

giảm bớt các khoản đóng góp của gia đình cho nhà trường; 19,2% người đề nghị giúp đỡ cho các học sinh nghèo; 21,3% người đề nghị nên mở thêm các trường, lớp năng khiếu; 16% ý kiến đề nghị nâng cao chất lượng giáo viên; chỉ có 13,8% đề nghị trở lại bao cấp giáo dục.

Bảng 15.

**CÁC GIA ĐÌNH QUAN TÂM
ĐẾN CÁC CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC**

Nội dung	%
- Giảm bớt các khoản đóng góp của gia đình cho nhà trường	41,5
- Đào tạo, nâng cao chất lượng giáo viên	16,0
- Giúp đỡ các học sinh nghèo	19,2
- Trở lại bao cấp giáo dục	13,8
- Mở thêm các trường lớp năng khiếu	21,3
- Tăng cường hơn quan hệ giữa gia đình và nhà trường	25,5
- Nhà trường phải giáo dục toàn diện: Đức - Trí - Thể - Mỹ	29,8

Vì vậy, cần có *phương thức hợp tác* giữa gia đình và nhà trường phổ thông như thế nào để thực hiện được *sự thống nhất trong nhận thức và hành động giáo dục theo cùng một hướng, một tư tưởng, đồng tâm hợp lực, tránh sự tách rời, mâu thuẫn lẫn nhau và vô*

hiệu hoá lẫn nhau. Thống nhất về định hướng nhưng vẫn bao hàm, khuyến khích sự đa dạng, tính đặc thù của quá trình giáo dục của gia đình và của nhà trường.

2. Nội dung của phương thức hợp tác có thể bao gồm các vấn đề sau đây:

- Thống nhất giữa gia đình và nhà trường về *mục đích* giáo dục chung, đảm bảo sự phát triển cá nhân hài hoà và những yêu cầu phát triển xã hội.

- Thống nhất giữa gia đình và nhà trường về *nội dung hoạt động giáo dục*, bao gồm việc nuôi dưỡng dạy dỗ ở gia đình và nội dung dạy và học ở trường. Ví dụ, thống nhất giữa dạy văn hoá, kiến thức khoa học với giáo dục đạo đức, giáo dục lao động và nghề nghiệp, giáo dục thẩm mỹ, sức khoẻ, môi trường, dân số và giới tính, v.v... Ở đây giáo dục gia đình có chỗ mạnh trong việc giáo dục đạo đức, định hướng nghề nghiệp, lối sống, quan hệ ứng xử, v.v... Đồng thời, nhà trường cũng có vai trò và nhiều thuận lợi trong việc truyền đạt cho các em các kiến thức về các vấn đề trên. Tiếng nói, lời nhắc nhở của thầy cô có uy tín đối với trẻ em. Nhà trường không chỉ *dạy kiến thức*, mà còn

có nội dung và có ưu thế về phương pháp để dạy làm người.

Gia đình và nhà trường cần thống nhất *cách dạy và học ở trường và ở nhà*, giữa truyền thụ và lĩnh hội, thống nhất giữa *giáo dục và tự giáo dục* của chính đứa trẻ, kết hợp giữa giảng giải, thuyết phục, dùng lý trí và tình cảm để phát huy tính chủ động tích cực của trẻ. Điều này rất khó trong khi cả nhà trường và gia đình đang trong quá trình đổi mới. Tuy nhiên, vẫn có thể thực hiện được trên cơ sở tăng cường các mối quan hệ hợp tác, trao đổi ý kiến giữa hai bên.

Như vậy sẽ tạo nên *sự thống nhất ảnh hưởng* của môi trường giáo dục gia đình và môi trường giáo dục nhà trường đối với trẻ, tránh sự chống đối, mâu thuẫn, bài trừ lẫn nhau.¹

3. Hình thức hợp tác giữa gia đình và nhà trường

Sự cộng tác giữa gia đình và nhà trường có thể được thực hiện dưới các hình thức:

- Giáo viên đến thăm gia đình học sinh, hội nghị

cha mẹ học sinh của lớp và của trường, trao đổi ý kiến giữa hiệu trưởng, giáo viên và cha mẹ học sinh (với từng người riêng lẻ hoặc từng nhóm). Cha mẹ học sinh hỏi ý kiến nhà trường về việc giáo dục con cái,

- Trao đổi ý kiến giữa Hội cha mẹ học sinh với các thành viên,

- Ghi sổ liên lạc giữa gia đình và nhà trường,

- Hội cha mẹ học sinh và cha mẹ học sinh có thể chăm lo trực tiếp, hay gián tiếp vào việc giáo dục của nhà trường ở phần mềm, như tổ chức các hoạt động ngoại khoá và hoạt động ngoài nhà trường cho học sinh, góp ý kiến về nội dung và phương pháp giảng dạy của nhà trường; chăm lo xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị cho nhà trường, động viên vật chất và tinh thần đối với thầy cô giáo và học sinh v.v...

- Hội cha mẹ học sinh và nhà trường đóng góp ý kiến cho các gia đình tổ chức việc học tập và các hoạt động giáo dục ở nhà, nhất là khâu thực hành v.v...

Gia đình và nhà trường còn có thể có nhiều hình thức cộng tác đa dạng, phong phú, tùy nội dung mà có

các hình thức thích hợp.

Nhìn chung lại, trong mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường, gia đình phải đóng *vai trò chủ động, tích cực*, mặc dù nhà trường phải làm tốt nhiệm vụ trung tâm là phối hợp và định hướng, nhưng không thể cho rằng gia đình chỉ là bước tiếp nối, hoàn chỉnh quá trình giáo dục nhà trường.

Điều cần nhấn mạnh là *chính đứa trẻ*. Chúng không phải là một đối tượng thụ động, bị áp đặt như quan niệm lỗi thời trước đây. Trẻ em là *chủ thể của quá trình nhận thức* trong quá trình học tập. Trong phương pháp giáo dục hiện đại, trẻ em được đặt vào vị trí trung tâm của giáo dục. Phải phát huy đầy đủ tính tích cực, chủ động và sáng tạo của trẻ. Trong quan hệ giáo dục phải nhấn mạnh *vai trò "tay ba"* của quá trình giáo dục tổng thể. Trong việc thông tin giữa gia đình và nhà trường, nếu các em không tự giác thì mối liên hệ giữa gia đình và nhà trường khó lòng thực hiện được kết quả ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Xem: Gia đình và nhà trường của PTS. Võ Tấn Quang. Tư liệu của đề tài KX-07-09.

II. MỐI QUAN HỆ GIỮA GIA ĐÌNH VÀ CÁC ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC XÃ HỘI KHÁC TRONG VIỆC XÂY DỰNG NHÂN CÁCH CON NGƯỜI

1. Trước đây, trong việc giáo dục trẻ em, gia đình không chỉ có tư tưởng ỷ lại vào nhà trường về mặt cung cấp kiến thức, mà cũng rất tin tưởng vào hoạt động của các đoàn thể: Đội thiếu niên, Đoàn thanh niên, v.v... trong việc giáo dục đạo đức, nếp sống, ý thức kỷ luật cho con em mình.

Nhiều gia đình cho rằng lúc nhỏ trẻ có nhà trẻ mẫu giáo, lớn lên trẻ có nhà trường, có Đoàn, có Đội. Khi trưởng thành chúng có công đoàn, cơ quan, chi bộ Đảng chăm lo cho việc xây dựng nhân cách con người.

Ngày nay, *giáo dục xã hội* lại tỏ ra kém vai trò quan trọng, các đoàn thể thanh, thiếu niên hoạt động yếu về mặt nội dung và hình thức giáo dục trẻ, nên thiếu sức hấp dẫn đối với lớp trẻ. Khi trẻ ít quan tâm đến sinh hoạt đoàn, đội, không gian để trẻ phát triển lại quá eo hẹp (ở nhà, ở trường, ở chỗ học thêm), phương tiện để trẻ sử dụng thời gian nhàn rỗi rất ít ỏi. Ở các thành phố, đô thị, thanh thiếu nhi rất ít có điểm vui chơi giải trí, các khu nhà tập thể không có sân

vườn chơi, câu lạc bộ. Bởi thế, trẻ em ngoài giờ học chỉ còn biết dán mắt xem tivi, trò chơi điện tử hay băng hình (nếu ở các gia đình có điều kiện mua sắm). Nhiều trẻ khác chỉ còn cách biến hè phố thành sân đá bóng, chơi cầu lông, tụ tập nô đùa, hò hét đuổi nhau ngoài phố, vừa cản trở giao thông đi lại, vừa dễ bị tai nạn xe cộ. Tất nhiên, trẻ em cần có những phút chơi tự do, thoải mái, điều đó rất cần thiết cho sự phát triển tâm sinh lý của trẻ. Những sinh hoạt vui chơi có sự hướng dẫn, có mục tiêu bổ ích của các đoàn thể là sự bổ sung quan trọng cho quá trình giáo dục của gia đình và nhà trường để hình thành nhân cách con người, đáp ứng yêu cầu của gia đình và xã hội hiện nay.

Cần đẩy mạnh hoạt động của các câu lạc bộ thể dục, thể thao, các lớp dạy âm nhạc, hội họa, múa hát, thu hút sự tham gia của thanh thiếu niên theo các lứa tuổi, điều kiện gia nhập dễ dàng, miễn học phí hay học phí không cao. Sự tham gia của trẻ em vào các hoạt động xã hội giúp trẻ phát triển nhân cách một cách toàn diện: trí tuệ, thể lực, đạo đức, thẩm mỹ; vừa học, vừa chơi vui, giải trí. Sự tham gia sinh hoạt Đoàn, Đội tạo cho trẻ ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, sự hoà nhập vào cộng đồng một cách hữu ích.

2. Vấn đề làm thế nào để con trẻ *hài hoà giữa*

chơi và học không thể giải quyết nổi trong nội bộ gia đình, mà phải có sự phối hợp của xã hội. Trẻ em ngoài giờ học tập ở trường, giúp đỡ việc vặt trong gia đình, có thời gian nhàn rỗi phải được vui chơi giải trí. Có thể nói rằng *vui chơi giải trí là một phần hoạt động sống, cần thiết ở những đứa trẻ bình thường* (những cháu ở gia đình nghèo phải lao động suốt ngày, không được vui chơi là nỗi bất hạnh lớn của chúng). Người lớn sau giờ làm việc thích nghỉ ngơi yên tĩnh, còn trẻ em nghỉ là phải hoạt động, la hét, chạy nhảy, nhưng điều kiện nhà ở lại chật hẹp, sân chơi không có. Mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái, ông bà và các cháu nhiều lúc nảy sinh từ những tình huống trái ngược nhau: trẻ con thích hoạt động, ồn ào náo nhiệt còn người lớn, người già thích yên tĩnh, trật tự. Nhiều ông bố, bà mẹ không thông cảm với yêu cầu tự nhiên của trẻ, không có đủ kiến thức về tâm sinh lý trong việc giáo dục con, nên mắng chửi, cấm đoán chúng. Quan hệ giữa chơi và học là một vấn đề nhiều gia đình chưa giải quyết nổi, cả về quan niệm, điều kiện và phương pháp tiến hành.

Xây dựng môi trường gia đình thành một môi trường giáo dục quả là không đơn giản, nó đòi hỏi sự

nhận thức đúng đắn của những người làm cha, làm mẹ và cũng đòi hỏi không ít điều kiện, thời gian, công sức, vật chất, có sự hợp tác chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và *các tổ chức xã hội*. Gần đây, bên cạnh sự hoạt động tích cực của *Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc Thiếu nhi* của Nhà nước, có cơ sở đến tận huyện xã. Còn nhiều tổ chức xã hội được thành lập ở các phường, xã nhằm giúp đỡ các gia đình chăm sóc nuôi dạy các cháu, hoạt động thiết thực, kịp thời rất đáng hoan nghênh. Trung tâm NT của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện lại quan tâm giúp các gia đình về các kiến thức tâm sinh lý để nuôi trẻ và chữa bệnh cho trẻ.

Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Vì sự nghiệp trăm năm phải trông người", cố gắng đến mức cao nhất để phát huy thế mạnh của môi trường giáo dục gia đình, đó là yêu cầu khẩn thiết của mỗi gia đình và của toàn xã hội. Điều này không thể tách rời sự hợp tác giữa gia đình và các thiết chế xã hội khác, đồng thời đòi hỏi *từ phía Nhà nước* cần có sự hỗ trợ thích đáng, thông qua hệ thống các chính sách kinh tế - xã hội đúng đắn.

III. SỰ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC CHO CHỨC NĂNG XÃ HỘI HOÁ CỦA GIA ĐÌNH. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ CÁC CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH

Việc khẳng định mục tiêu, định hướng giá trị giáo dục của gia đình hiện nay về cơ bản là phù hợp với yêu cầu của thời đại, với đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước; đào tạo những con người có đức, có tài, có sức khoẻ để đảm đương được trách nhiệm xã hội giao phó trong giai đoạn đổi mới của đất nước. Nhưng để biến mục tiêu đó thành hiện thực thì các gia đình phải có *thời gian* và *điều kiện* để đạt được mục tiêu tốt đẹp ấy.

Qua sự phân tích ở các phần trên, chúng ta thấy rõ các gia đình đang gặp nhiều khó khăn và mâu thuẫn trong chức năng giáo dục con cái. Có thể tổng hợp thành một số vấn đề như sau:

- *Trình độ* văn hoá và kiến thức của cha mẹ không đáp ứng được việc giúp con học tập và giáo dục toàn diện.

- *Điều kiện kinh tế*, sinh sống ở nhiều gia đình quá thấp, quá thiếu thốn, bất cập với việc nuôi dạy giáo dục con cái, kể cả việc cho con theo học cao.

- Gia đình còn nhiều lúng túng về *nội dung* và *phương pháp giáo dục*, trong việc giải quyết mối quan hệ giữa học và chơi của trẻ, bồi dưỡng về kiến thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ. Sự thành đạt về học vấn của con cái dường như chưa đồng nhất với sự thành công của giáo dục gia đình trong việc xây dựng nhân cách con người, cả mặt thể giới quan và nhân sinh quan, tạo nghề nghiệp cho con cái sau này.

Các gia đình đang trong quá trình tìm kiếm các giải pháp. Nếu xã hội cần đến các gia đình như những tế bào cơ sở, chỗ dựa cho sự tồn tại của bản thân nó, thì gia đình lại tìm đến xã hội để có được những hỗ trợ cần thiết giúp nó thực hiện tốt các chức năng được giao phó, đặc biệt là chức năng xã hội hoá con người.

Cuộc điều tra ở 2 phường Hà Nội (năm 1995) đã nói lên những mong muốn của các gia đình được Nhà nước giúp đỡ về chính sách giáo dục, văn hoá, cải thiện đời sống (xem bảng 16, 17, 18).

Bảng số 16

CÁC GIA ĐÌNH QUAN TÂM ĐẾN NHỮNG VẤN ĐỀ GÌ TRONG CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỂ GIÚP CHO ĐỜI SỐNG KHÁ HƠN

Nội dung	%
- Tạo việc làm, nhất là cho thanh niên	69,5
- Cho vay vốn lâu dài để sản xuất	41,5
- Chống tham nhũng triệt để hơn	41,5
- Trợ cấp cho các đối tượng chính sách	17,0

Bảng 17

CÁC QUAN TÂM CỦA GIA ĐÌNH VỀ Y TẾ

Nội dung	%
- Giảm viện phí	31,8
- Tăng cường tuyên truyền các kiến thức y tế	51,5
- Bảo hiểm y tế thuận lợi và nghiêm chỉnh	35,0
- Tăng cường các hoạt y tế cộng đồng chăm sóc sức khoẻ ban đầu	43,9
- Bao cấp một phần, giúp đỡ từ thiện cho người nghèo	45,5
- Quản lý tốt các dịch vụ chất lượng thuốc trên thị trường	37,9

Bảng 18.

CÁC QUAN TÂM CỦA GIA ĐÌNH VỀ VĂN HOÁ

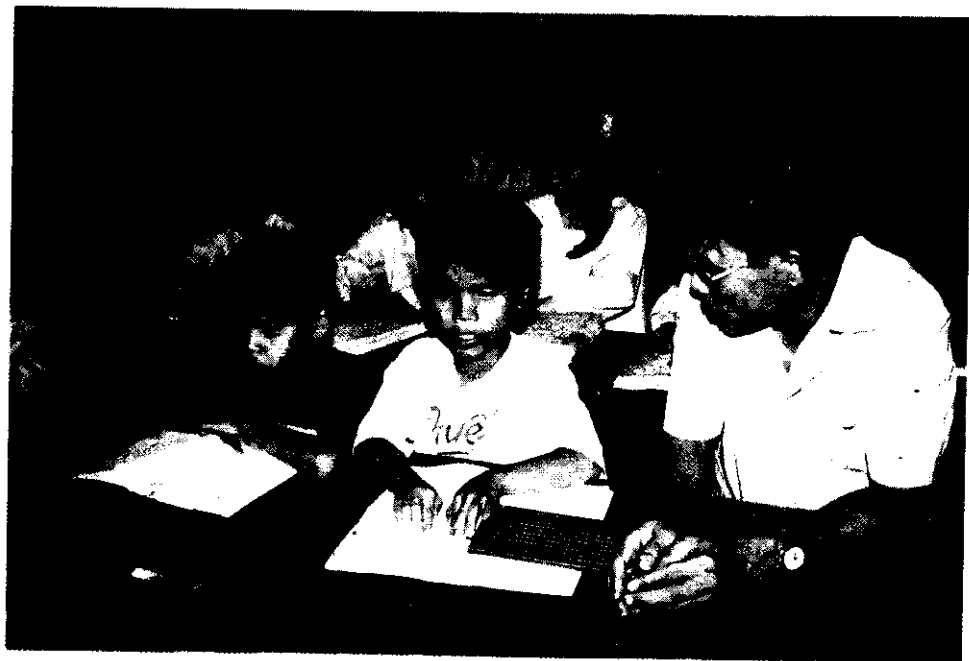
Nội dung	%
- Quản lý chặt chẽ sản phẩm văn hoá	40,5
- Phát huy văn hoá truyền thống	19,1
- Tăng cường các dịch vụ văn hoá, lành mạnh	33,7
- Mở thêm các điểm phục vụ giải trí đặc biệt cho trẻ em	47,2
- Giảm bớt các quảng cáo, không chiếu phim bạo lực trên tivi	48,3

Vậy mấy chục năm qua Nhà nước ta có những sự hỗ trợ về mặt vật chất và tinh thần như thế nào đối với các gia đình? Hiện nay Nhà nước và cộng đồng xã hội cần có những chính sách, biện pháp gì để giúp gia đình làm tròn chức năng của nó ?

1. Về các chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với các gia đình, đặc biệt đối với việc chăm lo, giáo dục trẻ em

Từ năm 1960, Nhà nước ta đã sớm ban hành *Luật hôn nhân và gia đình*. Năm 1986, Luật này được sửa đổi, bổ sung trong đó khẳng định quyền được học tập, nuôi dưỡng của trẻ em. Các bộ Luật khác (hình sự, dân sự, v.v...) đều có những điều khoản liên quan đến gia đình và trẻ em.

Pháp lệnh bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em được ban hành tháng 11/1979. Công ước về quyền của trẻ



8. Lớp dạy chữ nổi cho trẻ em mù

TTXVN. TRỌNG NGHIỆP

em do Liên Hiệp Quốc đưa ra đã được Chính phủ Việt Nam chấp nhận và cam kết thực hiện.

Chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình được ban hành từ năm 1963, đã được bổ sung qua từng thời kỳ.

Chính sách đổi mới về sự phát triển kinh tế xã hội đã cho phép phát triển kinh tế hộ, cá thể, khoán hộ trong nông nghiệp (Luật ruộng đất), đã giúp cho các gia đình chủ động trong sản xuất kinh doanh.

Đối với các gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, các gia đình gặp khó khăn, nhà nước đã có chính sách trợ cấp, tuy còn ít ỏi.

Bên cạnh đó đã có nhiều cuộc vận động như xây dựng gia đình năm tốt, gia đình gương mẫu, gia đình văn hoá mới, toàn dân chăm sóc và giáo dục thiếu niên nhi đồng, vì tương lai con em chúng ta, nâng cao trách nhiệm làm mẹ, v. v... góp phần thúc đẩy những nhân tố tích cực trong công tác giáo dục của gia đình. Hội phụ nữ cũng đã đề ra hai cuộc vận động: "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình" và "nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học".

Nhà nước đã lập ra các tổ chức phụ trách các chuyên đề liên quan đến gia đình như Viện Bảo vệ Bà

mẹ và Trẻ sơ sinh, Uỷ ban Dân số Kế hoạch hoá Gia đình. Gần đây đã thành lập Uỷ ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, một cơ quan ngang Bộ có cơ sở tới các huyện, xã trong cả nước thay thế Uỷ ban Thiếu niên nhi đồng trước đây.

Việc thực hiện các chủ trương chính sách trên và hoạt động của các tổ chức xã hội đã góp phần xây dựng gia đình văn hoá mới, thúc đẩy và hỗ trợ cho việc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

Tuy nhiên, một nhược điểm lớn là *chưa có một chiến lược toàn diện về gia đình*, xuất phát từ vai trò, chức năng của gia đình trên các lĩnh vực, mà chỉ mới xuất phát từ những yêu cầu cụ thể trong từng thời gian để có những chính sách về từng mặt. Do các chính sách còn *khập khiễng, không đồng bộ*, nên việc phát huy vai trò, chức năng của gia đình không được hài hoà trên các mặt. Các yếu tố kinh tế, văn hoá, xã hội chưa có tác dụng hỗ trợ, thúc đẩy nhau, có lúc, có nơi lại hạn chế lẫn nhau, làm cho việc chuyển biến của gia đình chậm chạp, thiếu vững chắc.

Ở đây chúng tôi chỉ xin nêu một vài điểm, ví dụ, về *chính sách kinh tế* thì chậm có những chính sách thoả đáng, hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế hộ, các gia đình phải tự lo. Các gia đình nghèo, đặc biệt ở miền

núi, vùng sâu, thiếu các điều kiện, cơ hội cần thiết để đi vào cơ chế thị trường, họ đã gặp rất nhiều khó khăn, đời sống còn rất thiếu thốn, cơ cực. Hiện nhu cầu và tiềm năng của kinh tế hộ gia đình còn rất nhiều mặt bị hạn chế, họ khó lòng khắc phục nổi nếu không có sự giúp đỡ của Nhà nước.

Chính sách xã hội nhằm nâng cao các phúc lợi công cộng về y tế, văn hoá, giáo dục của các gia đình. Nhưng việc xoá bỏ bao cấp ở các ngành này lại liên quan đến việc học tập của trẻ em, việc khám chữa bệnh, hưởng thụ văn hoá của người dân. Điều này đã đem lại những hậu quả tiêu cực mà các gia đình phải gánh chịu, trước hết là phụ nữ và trẻ em.

Về mặt giáo dục văn hoá, nhiều cuộc vận động xây dựng gia đình trước đây chủ yếu nhằm mục đích phát huy vai trò gia đình như một *đơn vị huy động nhân tài, vật lực* đóng góp cho kháng chiến và xây dựng đất nước. Còn việc phát huy thế mạnh của gia đình như *một đơn vị bảo đảm cuộc sống và hạnh phúc của con người*, vun trồng những quan hệ tình cảm, bảo đảm đạo đức, bảo tồn văn hoá dân tộc, nuôi dạy thế hệ tương lai, thì thường bị coi nhẹ.

Khi đất nước đang biến đổi nhanh chóng trong thời kỳ đổi mới, thì các thành viên gia đình cũng nảy sinh nhiều yêu cầu mới về cuộc sống vật chất và tình cảm đạo đức, về lối sống và nếp sống. Do đó, việc giáo dục xây dựng những quan niệm mới đúng đắn về tình yêu, hôn nhân, gia đình; việc truyền bá những kiến thức khoa học về cuộc sống gia đình; việc xây dựng những quy tắc, tập quán tiến bộ trong quan hệ ứng xử giữa các thành viên gia đình; việc hướng dẫn nội dung phương pháp nuôi dạy con; việc giáo dục tiền hôn nhân cho thanh niên, v.v... cần được đặt ra trong *công tác giáo dục công dân một cách có hệ thống* và trên quy mô lớn, đến từng gia đình, từng thành viên, cần sử dụng tất cả các phương tiện thông tin đại chúng rộng rãi.

Một chương trình giáo dục rộng lớn, toàn diện về các kiến thức cần thiết cho cuộc sống gia đình phải là một *chương trình của Nhà nước*, do Nhà nước chỉ đạo, phân công các ngành, các đoàn thể, các tổ chức xã hội cùng phối hợp thực hiện. Thời gian qua, một số cơ quan và đoàn thể (phụ nữ, thanh niên v.v...) đã có nhiều cố gắng, nhưng hoạt động của họ bị phân tán, gặp nhiều khó khăn, nên hiệu quả còn bị hạn chế. Ví dụ, việc tuyên truyền cuốn sách "Những điều cần

thiết cho cuộc sống" của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam bị thu hẹp trong phạm vi các hội viên phụ nữ; chương trình kế hoạch hoá gia đình một thời gian dài chỉ tập trung vào đối tượng phụ nữ, nên việc hạ thấp dân số kém hiệu quả v.v...

Mặc dù nguyên nhân khách quan do điều kiện kinh tế nước ta còn quá thấp kém, nhưng một nguyên nhân sâu xa là *đánh giá chưa đúng vai trò, vị trí của gia đình*, chưa thấy được gia đình là *đơn vị cơ bản trực tiếp chịu trách nhiệm* về đời sống vật chất và tinh thần của con người từ lúc mới sinh ra, lớn lên, trưởng thành và ra đi vào cõi vĩnh hằng.

2. Một số kiến nghị về chính sách của Nhà nước nhằm hỗ trợ cho chức năng giáo dục của gia đình

2.1. Hệ thống chính sách đó cần được xây dựng trên những cơ sở sau đây:

Chức năng giáo dục của gia đình gắn bó chặt chẽ, chịu ảnh hưởng của việc thực hiện các chức năng khác, vì vậy trước hết là xây dựng *hệ thống các chính sách chung cho gia đình*.

a. Nhà nước phải có một *chiến lược quốc gia lâu*

dài, toàn diện về gia đình, gắn với chiến lược con người và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đến năm 2000 và lâu dài hơn nữa. Về mặt quan điểm không nên coi chính sách đối với gia đình chỉ là vấn đề văn hoá xã hội. Nhưng điều quan trọng hơn là quán triệt tư tưởng chiến lược đối với gia đình trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và năm năm.

Sự kết hợp giữa hai yếu tố kinh tế và xã hội cần được thể hiện ngay từ khi hoạch định các chương trình, dự án phát triển của Nhà nước. Cần tính ảnh hưởng của nó đến đời sống các gia đình, đến việc thực hiện các chức năng, những biến động sẽ xảy ra cho các gia đình, để có phương hướng điều chỉnh hay ứng phó kịp thời. Điều đó cũng có nghĩa là việc xây dựng các chỉ báo kinh tế phải được đặt cùng việc dự báo các vấn đề xã hội (trong đó có vấn đề gia đình, vấn đề xây dựng đào tạo con người) sẽ nảy sinh, để ra các phương hướng, giải pháp cho các vấn đề đó.

Nói một cách chung nhất, toàn bộ các chính sách kinh tế-xã hội của Nhà nước ta đều có quan hệ đến cuộc sống của từng con người, từng gia đình với tư cách là một đơn vị kinh tế, đơn vị tiêu dùng và đơn vị xã hội cơ sở, đơn vị giáo dục đào tạo con người. Gia

đình phải thi hành các chính sách và chịu ảnh hưởng tốt hay xấu do việc thi hành đó đem lại.

b. Phải chú ý đến tính hệ thống, *tính chỉnh thể của các chính sách đối với gia đình*. Đó không phải chỉ là những chính sách riêng lẻ, rời rạc, hay nặng về tính chất cứu tế, bảo trợ cho các gia đình khó khăn (tuy điều đó là hết sức cần thiết). Chúng ta cần phải có *một hệ thống* toàn diện các chính sách kinh tế, giáo dục, văn hoá, y tế đối với các gia đình, đặt trong mối liên hệ tác động và hỗ trợ cho nhau, để tạo điều kiện cho các gia đình thực hiện tốt các chức năng của nó.

Điều quan trọng là các chính sách đó *phải đồng bộ* mới phát huy được kết quả, tránh tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”, chính sách này lại triệt tiêu hay hạn chế, gây khó khăn cho việc thực hiện chính sách khác.

c. Các chính sách, một mặt thúc đẩy sự *phát triển của tất cả các gia đình*, mặt khác phải đóng vai trò tích cực *giúp cho các gia đình nghèo khó, rủi ro*, tạo cho họ có điều kiện và cơ hội hoà nhập vào cơ chế thị trường, để có thể vươn lên nhanh chóng, khắc phục khó khăn. Từ đó dần dần *thu hẹp sự ngăn cách giàu nghèo giữa các nhóm gia đình*, tạo nên sự tiến bộ

và công bằng, phần vinh và hạnh phúc cho mọi nhà.

Rõ ràng là trong điều kiện đổi mới của nước ta hiện nay, cơ sở xuất phát đi lên của các gia đình để hoà nhập vào cơ chế thị trường hết sức khác nhau. Có những gia đình gặp thiệt thòi, không may, họ chưa thể thích ứng được với hoàn cảnh mới nên gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, bất công, nhiều khi không phải do họ gây ra mà là hậu quả của sự phát triển xã hội Việt Nam, trong những điều kiện đặc thù. Vì vậy cũng là điều hợp lý, hợp đạo đức là cộng đồng, nhà nước cần có những chính sách *giúp đỡ đặc biệt cho một số gia đình*, đảm bảo sự công bằng tương đối giữa các nhóm dân cư, làm tròn bấy điều hoà lợi ích giữa các nhóm gia đình và cộng đồng, đạt tới sự phát triển tiến bộ hài hoà cho toàn thể dân cư nước ta.

d. Phải coi chính sách đối với các gia đình là chính sách cho một *tập thể thống nhất*, một đơn vị xã hội cơ sở, mà không phải là chính sách cho từng thành viên riêng lẻ. Ví dụ, chính sách cho *gia đình thương binh*, không phải chỉ là trợ cấp cho cá nhân người thương binh, mà phải thấy cả gia đình có trách nhiệm nuôi dưỡng người thương binh tàn tật. Nhiều khi chính người vợ phải chịu gánh nặng nhất trong việc chăm sóc chồng đau yếu, lo làm ăn để nuôi con,

phụng dưỡng bố mẹ già, v.v... Do vậy, phải có chính sách đối với gia đình, chứ không phải chỉ riêng cho người thương binh.

Như vậy, các chính sách đối với gia đình phải nằm trong một hệ thống toàn diện, bổ sung cho nhau và phục vụ cho lợi ích chung của mỗi tập thể nhỏ, cố kết và liên đới chịu trách nhiệm với nhau là gia đình.

2.2. Do đó hệ thống các chính sách đối với các gia đình có thể gồm nhiều loại:

- Các *chính sách chung* cho tất cả các gia đình.

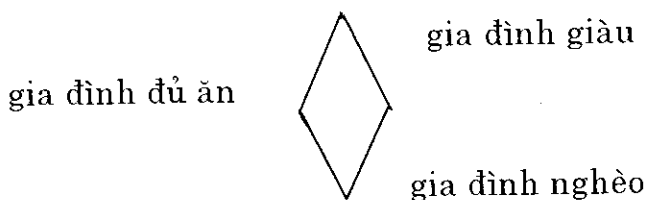
- Các *chính sách riêng* cho các đối tượng đặc thù: gia đình thương binh, liệt sĩ, tàn tật, nghèo đói, gia đình phụ nữ cô đơn, ông bà già, trẻ mồ côi, v.v...

- Các chính sách nhằm *phát huy được các chức năng của gia đình*, giúp họ tổ chức cuộc sống được tốt hơn. Các chính sách làm tăng sự *gắn kết giữa các thành viên gia đình như đoàn tụ gia đình*, tạo cho họ điều kiện sống cùng một nơi để cùng sinh hoạt, hỗ trợ cho nhau về mặt tinh thần và vật chất, đặc biệt có lợi cho việc giáo dục con cái.

Mục đích chung của các chính sách đó, cũng như

của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội là *nhằm nâng cao phúc lợi của các gia đình*, đảm bảo cho họ những điều kiện và cơ hội làm ăn thuận lợi, từ đó có thể nuôi dưỡng các thành viên gia đình ở mức sống cơ bản (và ngày càng cao hơn), giúp họ *tái sản sinh ra thế hệ tương lai khoẻ mạnh, thông minh, có nhân cách, đạo đức, có cuộc sống tốt đẹp hơn hiện tại*.

Về mặt kinh tế, mục tiêu các chính sách của Nhà nước cần tập trung giúp tất cả các gia đình phát triển kinh tế, liên tục tăng thu nhập, sản xuất kinh doanh, *làm giàu thuận lợi* (khuyến khích việc làm giàu một cách hợp pháp, sáng tạo của các gia đình), đồng thời đặc biệt chú ý hỗ trợ cho các gia đình *nghèo vượt nghèo nhanh*. Hiện nay mô hình phát triển quốc gia tốt nhất là hình con thoi hai đầu nhỏ (tượng trưng cho nhóm gia đình giàu và nhóm gia đình nghèo), còn phần giữa tượng trưng cho tầng lớp đông đảo là các gia đình đủ ăn.



Về mặt xã hội, mục tiêu các chính sách của Nhà nước cần nhằm giảm nhẹ sự đóng góp của các gia đình

về các chi phí y tế, giáo dục, văn hoá, *phát triển các phúc lợi công cộng* có chất lượng nhưng lại rẻ tiền hoặc không mất tiền (tuỳ đối tượng); *nâng cao sự hưởng thụ văn hoá, y tế, giáo dục* của người dân, đặc biệt của phụ nữ và trẻ em, đồng bào các dân tộc, vùng miền núi, v. v... Giúp đỡ việc *sinh nở, nuôi dưỡng trẻ nhỏ tại gia đình*, không thể coi đó là công việc riêng của người phụ nữ và gia đình họ phải gánh chịu, cần trợ cấp cho công việc nội trợ gia đình.

2.3. Đi vào cụ thể, xin đề xuất một số chính sách tạo điều kiện cho các gia đình làm tốt chức năng xã hội hoá con người:

a. Trước hết là *chính sách xoá đói giảm nghèo*, hỗ trợ cho các gia đình nghèo vay vốn để họ có điều kiện phát triển sản xuất. Việc giúp các gia đình vượt nghèo nhanh, tăng thu nhập là một điều kiện hàng đầu để có sự ổn định cuộc sống gia đình, cho phép họ có thể nuôi dạy, giáo dục con cái một cách bình thường.

Vấn đề *tạo việc làm*, đặc biệt việc làm cho thanh niên đến tuổi trưởng thành, khuyến khích họ học tập lên cao, đi sâu vào các chuyên môn, giảm bớt nạn thất nghiệp, giúp cho các gia đình ổn định kinh tế, đồng

thời cũng ngăn ngừa được các tệ nạn xã hội.

b. Những chính sách giúp cải thiện điều kiện sinh sống của các gia đình.

Các chương trình phát triển phải gắn với *sự tăng trưởng nhân khẩu* ở nước ta để kịp thời cải thiện điều kiện sinh sống cho các gia đình. Nhà ở, giếng nước, công trình vệ sinh, phương tiện giao thông vận tải, v.v... cần được tăng lên kịp thời cùng với số dân, với sự đầu tư vốn của Nhà nước và sự đóng góp của các gia đình, có quy hoạch triển khai hàng năm, năm năm.

Gia đình là một đơn vị tiêu dùng cơ bản, sự hỗ trợ của Nhà nước được thể hiện ở chính sách *nhà ở*, đảm bảo diện tích ở tối thiểu cho mỗi gia đình. Đặc biệt ở các thành phố, việc xây dựng các khu nhà ở cần chú ý đến việc tạo ra những sân chơi, những khoảng trống tự do (dù là nhỏ) để trẻ em có chỗ vui chơi. Cố gắng đảm bảo nguồn nước sạch, điện sinh hoạt cho các gia đình. Chú trọng điều kiện vệ sinh môi trường sống. Ở nông thôn, cần hỗ trợ cho các gia đình làm ba công trình: giếng nước, nhà tắm, nhà xí (có thể cho vay vốn với lãi suất thấp hay không có lãi để làm ba công trình này).



4. Nước sạch đối với sinh hoạt của gia đình miền núi

TTXVN. ĐÌNH NÀ

Về mặt sức khỏe: cần đặc biệt chú ý giúp đỡ các gia đình trong việc nuôi dưỡng trẻ nhỏ, phụ nữ khi mang thai, sinh nở và chăm sóc người ốm, người già. Cần có *chính sách bảo hiểm y tế rộng rãi cho toàn dân*, không chỉ với công nhân viên chức nhà nước, động viên các gia đình đóng góp mua thẻ bảo hiểm y tế. Tăng cường và nâng cao chất lượng mạng lưới y tế cơ sở, trạm y tế xã, phường. Tạo điều kiện cho các nhân viên y tế làm việc có hiệu quả, theo lương tâm người thầy thuốc.

Đồng thời, cần thực hiện *việc miễn phí* rộng rãi cho các gia đình nghèo trong khám bệnh, chữa bệnh, nằm bệnh viện với thủ tục dễ dàng, thuận tiện, chấm dứt cảnh chữa bệnh “theo túi tiền” ở ngay các bệnh viện, phòng khám bệnh của Nhà nước. Cần tổ chức những bệnh viện khám, chữa bệnh không mất tiền cho người nghèo, toàn bộ chi phí do Nhà nước đảm nhiệm.

Mở rộng việc cung cấp các *dịch vụ*, phục vụ các gia đình của nhà nước, đồng thời khuyến khích, kiểm tra chất lượng các dịch vụ do tư nhân tổ chức.

c. Về các chính sách giáo dục

Luật phổ cập giáo dục cấp một đối với trẻ em cần được thi hành nghiêm túc, đặc biệt là ở nông thôn;

khuyến khích trẻ em đi học, hạn chế và chấm dứt nạo trẻ em bỏ học; do vậy, Nhà nước cần tăng cường đầu tư cho giáo dục phổ cập

Giảm bớt sự đóng góp của các gia đình, đặc biệt là các đóng góp vô lý (ngoài tiền học phí, còn phải nộp đủ các loại quỹ mà văn bản Nhà nước không quy định rõ), và *các chi phí* cho việc *học tập của con cái*, từ tuổi mẫu giáo đến đại học, đặc biệt ở các cấp một, hai. Nhà nước cần bao cấp một phần cho giáo dục, cấp học bổng rộng rãi, hỗ trợ cho học sinh nghèo và học sinh giỏi ở cấp hai, cấp ba, đặc biệt là ở nông thôn, miền núi.

Hệ thống sách giáo khoa cung cấp cho học sinh có chất lượng, với giá rẻ. Nên phát không thu tiền sách giáo khoa cho trẻ em miền núi và trẻ em nghèo. Đặc biệt chống đầu cơ bán sách giáo khoa bán với giá đắt.

Nhà nước đầu tư phát triển hệ thống nhà trẻ, lớp mẫu giáo, chú trọng ở nông thôn; đảm bảo lương cho giáo viên mẫu giáo, nhà trẻ; giúp đỡ vốn, phương tiện cho hệ thống nhà trẻ, lớp mẫu giáo tư nhân.

Việc sản xuất đồ chơi, phương tiện học tập cho trẻ em cần được hướng dẫn về kiểu mẫu, chủng loại,

hình dáng đẹp, giá cả phải chăng; điều quan trọng là giúp cho trẻ em chơi, học, hiểu, hướng về cái thiện, cái mỹ.

- Nhà nước có chính sách khuyến khích hỗ trợ cho *tư nhân* mở các trường học, các lớp học, các trung tâm dạy nghề, dạy ngoại ngữ, tin học v.v... phù hợp với yêu cầu đa dạng của các gia đình và xã hội. Đồng thời cần có chế độ kiểm tra chất lượng giảng dạy và việc thu học phí hợp lý.

- Trong chính sách giáo dục của Nhà nước cần chú ý đến các chương trình học cho người lớn.

Với người lớn, đặc biệt với phụ nữ, việc xoá nạn mù chữ hết sức quan trọng và đặc biệt khó khăn. Trong tình hình các gia đình, bố mẹ và người lớn phải lo làm ăn, nuôi sống con cái và gia đình nên họ có rất ít thời gian và rất ngại đi học khi đã lớn tuổi. Tuy nhiên, Nhà nước cần có sự đầu tư công sức, tiền bạc vào công tác xoá mù chữ cho những người trong độ tuổi lao động. Những người làm cha mẹ chỉ có thể giáo dục con cái tốt khi bản thân họ biết đọc, biết viết, có hứng thú khi tiếp xúc với ánh sáng văn hoá.

- Đối với chương trình giáo dục cho người lớn và

cho trẻ em (tuỳ loại tuổi) cần phải cung cấp các *kiến thức* toàn diện, không chỉ cung cấp kiến thức về văn, toán, lý, hoá, v.v.... mà phải cung cấp cả kiến thức về *đạo đức* trong gia đình, ngoài xã hội, về *luật pháp* quyền công dân, quyền của trẻ em, của phụ nữ, v.v... về *tâm sinh lý* lứa tuổi, về giữ gìn sức khoẻ, phòng bệnh chữa bệnh v.v...

- Đưa *nội dung giáo dục về gia đình* vào chương trình học tập của học sinh các cấp, sinh viên các trường đại học, các trường chính trị quốc gia, các trường quân đội và sinh hoạt các đoàn thể. Cần coi trọng việc phối hợp chặt chẽ giữa giáo dục của gia đình với giáo dục của nhà trường, của các đoàn thể.

Bộ Giáo dục đưa ra một cơ chế thích hợp, tích cực để thực hiện *sự hợp tác giữa gia đình và nhà trường* trong việc giáo dục trẻ em, chú ý cả hai mặt *dạy kiến thức và dạy làm người*.

d. Về các chính sách văn hoá phục vụ cho việc *đào tạo, giáo dục trẻ em, xây dựng gia đình ấm no, hoà thuận, tiến bộ, hạnh phúc*

Sử dụng rộng rãi các phương tiện thông tin đại chúng: sách, báo, đài, tivi cho việc xây dựng nhân

cách con người, cả người lớn và trẻ em. Văn hoá, văn học, nghệ thuật là những loại hình hỗ trợ tích cực cho công tác giáo dục, đào tạo con người, đồng thời thoả mãn những nhu cầu giải trí tinh thần, cân bằng tâm lý.

Các phương tiện thông tin đại chúng có tác dụng giáo dục rất mạnh mẽ với trẻ em, người lớn trong gia đình, nhưng cần tránh tuyên truyền những bộ phim bạo lực, kích động chiến tranh, tình dục, tội ác. Việc chống lại các *tệ nạn xã hội* qua phương tiện thông tin đại chúng cũng có vai trò lớn, nhưng cách làm phải thận trọng, tránh việc tuyên truyền cho chính những tệ nạn xã hội đó (thủ đoạn, âm mưu, sự cám dỗ, sự bất lực của xã hội v.v...).

Hiện nay, việc lưu truyền các ấn phẩm văn hoá tiêu cực đang gây ra nhiều tác hại xấu, nguy hiểm, đặc biệt cho lớp thanh thiếu niên. Bộ Văn hoá - Thông tin, cũng với các cơ quan Công an, Tư pháp cần kiểm soát chặt chẽ các văn hoá phẩm đang lưu hành, trừng trị những kẻ cố tình du nhập, phổ biến những sách báo, băng hình kích thích bạo lực, bạo dâm và các hành vi suy đồi đạo đức khác.

Đồng thời Nhà nước có chính sách tài trợ cho các tác phẩm văn hoá có giá trị giáo dục đạo đức, nhân văn, nhằm khuyến khích giới văn nghệ sĩ lao động nghệ thuật chân chính, yên tâm về đời sống, không chạy theo đồng tiền. Cần *làm sạch* môi trường sinh hoạt tinh thần xã hội, để tạo ra một môi trường *lành mạnh* cho việc giáo dục trẻ em, người lớn.

Bộ Văn hoá - Thông tin giữ vai trò chủ chốt trong việc nâng cao trình độ văn hoá, trình độ hưởng thụ nghệ thuật của các gia đình bằng nhiều loại hình văn hoá quần chúng. Đồng thời, việc phát triển *hệ thống các thư viện, các tủ sách công cộng* từ Trung ương đến cơ sở xã, phường, trường học với sự đầu tư của Nhà nước và sự đóng góp của nhân dân là hết sức quan trọng cho việc nâng cao dân trí, cung cấp kiến thức đa dạng, đặc biệt cho lớp thanh niên ham đọc, ham hiểu biết, nhưng lại nghèo, không đủ khả năng tự mua sách, báo.

Việc hướng dẫn dư luận xã hội và hoạt động của các tổ chức quần chúng cần quan tâm đến đời sống các gia đình, có chương trình phổ biến các kiến thức về gia đình, xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc, nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Cần

tăng cường việc hướng dẫn dư luận xã hội qua các chuyên mục trên các phương tiện thông tin đại chúng một cách đều đặn, thường xuyên; giới thiệu các việc làm tốt, các tấm lòng từ thiện và giúp các gia đình gặp khó khăn, thiếu thốn; nêu các tấm gương tốt của các gia đình trong việc giáo dục con cái, chăm sóc bố mẹ già, những câu chuyện giải quyết tình huống phức tạp, khó khăn xảy ra trong gia đình v. v..., và những việc làm bình thường nhưng có ý nghĩa lớn.

Các đoàn thể xã hội: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Tổ chức công đoàn, Hội phụ lão v.v... xây dựng các *câu lạc bộ gia đình* hay các *cơ sở tư vấn gia đình*, chú trọng việc giáo dục con cái, góp ý giải quyết các tình huống khó khăn, mắc mứu trong cuộc sống gia đình, giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái, đặc biệt quan tâm đến các đôi vợ chồng trẻ.

- *Luật Hôn nhân và gia đình* cần được giới thiệu rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân hiểu biết và thi hành; cần có chương trình giáo dục *tiền hôn nhân* cho các cặp nam nữ đến tuổi lập gia đình; tổ chức kiểm tra sự hiểu biết về Luật hôn nhân và gia đình của các cặp nam nữ trước khi đăng ký kết hôn.

Sự phối hợp giữa Nhà nước, cộng đồng xã hội và

gia đình là hết sức cần thiết để thực hiện các chính sách nói trên. Sự phối hợp trong việc triển khai các chương trình của Nhà nước; sự hỗ trợ của các tổ chức quần chúng, tổ chức từ thiện để giúp đỡ các gia đình, phụ nữ, trẻ em có khó khăn; sự phối hợp của cả ba lực lượng nói trên để chống lại các tệ nạn xã hội đang xâm nhập và phát sinh từ các gia đình.

Sự ủng hộ của cộng đồng xã hội (làng, xóm, khu phố, tập thể) giúp đỡ các gia đình tháo gỡ các bế tắc, mâu thuẫn trong nội bộ, tạo nên sự cân bằng giữa các thế hệ già và trẻ, sự hài hoà giữa lợi ích cá nhân và lợi ích gia đình là rất quan trọng.

Nhìn một cách bao quát, chính sách đối với các gia đình là toàn diện - cả về kinh tế, văn hoá và xã hội. Gia đình như một xã hội thu nhỏ, chịu tác động mạnh mẽ của xã hội, đồng thời lại có vai trò to lớn trong việc bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài cho sự phát triển bền vững, ổn định của xã hội Việt Nam, quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay và tương lai.

LỜI KẾT

Việt Nam đang trong giai đoạn đổi mới với nhiều tiến bộ về kinh tế và xã hội, được dư luận thế giới rất hoan nghênh và ủng hộ. Gia đình Việt Nam cũng đang tỏ rõ sức sống mãnh liệt của nó trong hoàn cảnh mới, nó trở thành một nhân tố quan trọng, góp phần quyết định vào thắng lợi của công cuộc phát triển đất nước hiện nay.

Gia đình Việt Nam ngày càng được đánh giá đúng về vai trò, vị trí của nó nói chung, về chức năng hình thành, xây dựng nhân cách con người nói riêng, đáp ứng yêu cầu của xã hội Việt Nam hiện tại và tương lai.

Một số kết quả nghiên cứu trên đây của chúng tôi chỉ mới bước đầu nêu lên một cách còn rất sơ lược đặc điểm nhân cách con người Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử của đất nước, sự biến đổi nhân cách gắn với đặc điểm của gia đình và đặc điểm của xã hội

trong từng giai đoạn lịch sử. Kết quả nghiên cứu cũng cho phép bước đầu nhận dạng được gia đình Việt Nam trong giai đoạn đổi mới toàn diện về kinh tế, xã hội hiện nay: điều kiện sinh sống vật chất và tinh thần, việc thực hiện các chức năng, đặc biệt là chức năng đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ có những vấn đề đang đặt ra; những cố gắng, những nhận thức đúng đắn của gia đình trong việc nuôi dạy con cái; những khó khăn của họ khi phải vật lộn với cuộc sống trong môi trường mới của cơ chế thị trường; sự biến đổi các quan hệ giữa các thành viên; những lúng túng, phân vân trong việc khẳng định một thang giá trị mới của văn hoá gia đình. Các câu hỏi được đặt ra dồn dập và mong muốn tìm được giải đáp.

Qua nghiên cứu khảo sát thực tế, chúng tôi vui mừng ghi nhận rằng ngày nay nhiều bậc cha mẹ đã nhận thức được vị trí vai trò và trách nhiệm của gia đình đối với việc giáo dục thế hệ trẻ. Họ đã quan tâm nhiều đến việc học tập của con cái, rèn luyện chúng về đạo đức, tư cách, tạo điều kiện cho chúng học hành, vui chơi... tuy nhiên, trong công việc này họ còn gặp nhiều khó khăn về tri thức và phương pháp giáo dục. Hạnh phúc của gia đình, niềm vinh dự và tự hào của gia đình, được đánh giá trên nhiều phương diện, trong

đó công tác giáo dục và định hướng cuộc sống cho con cái giữ vai trò chủ đạo. Nhiều gia đình đã đặt nhiệm vụ giáo dục lên vị trí hàng đầu trong các chức năng cơ bản của gia đình.

Một điều đáng mừng và làm chúng tôi yên tâm là khi tìm hiểu về quan niệm một gia đình hạnh phúc, các giá trị được đánh giá cao thứ nhất là gia đình hoà thuận; thứ hai là con ngoan, học giỏi, tiến bộ; thứ ba là việc chăm sóc cha mẹ già yếu; thứ tư là kinh tế vững vàng. Còn về định hướng giáo dục con cái thì giá trị đạo đức (con có hiếu) được đánh giá cao nhất, sau đó mới đến vấn đề có văn hoá cao. Những sai lệch chuẩn mực, những hành vi vô đạo đức xảy ra trong xã hội đã giúp các gia đình nhận thức rõ hơn việc giáo dục con người *có tài phải đi đôi với có đức*. Đó là sự tiếp nối đạo lý truyền thống của dân tộc trong giáo dục gia đình.

Đối với gia đình Việt Nam hiện nay, lòng chung thủy giữa vợ và chồng, sự bền vững của các quan hệ gia đình, lòng hiếu thảo đối với bố mẹ, ông bà, sự hy sinh và tình thương đối với con cái, lòng yêu nước, tính cộng đồng vẫn là những giá trị đạo đức cần tiếp tục được đề cao trong xây dựng văn hoá gia đình, và

giáo dục con cái.

Bên cạnh đó, sự quan tâm đến lợi ích cá nhân, nhu cầu nguyện vọng cá nhân, đảm bảo sự bình đẳng trong quan hệ vợ chồng, con cái, đào tạo những con người có tính chủ động sáng tạo, dám nghĩ dám làm, kinh doanh giỏi, nắm được khoa học công nghệ tiên tiến là những yêu cầu mới đang ngày phát triển trong các gia đình. Như vậy là *chuẩn mực đạo đức của các gia đình Việt Nam đã có những biến đổi, đồng thời lại vẫn giữ gìn, phát huy được những giá trị truyền thống tốt đẹp* Gia đình không chú ý đề cao lợi ích cá nhân mà xem nhẹ lợi ích cộng đồng. Đồng thời, cũng không đem lợi ích cộng đồng chèn ép lợi ích cá nhân, đó cũng là nét đặc sắc của văn hoá gia đình Việt Nam hiện nay.

Trong tình hình nước ta xuất phát từ cơ sở kinh tế-xã hội, đặc điểm gia đình và con người còn mang nặng dấu ấn của nền văn minh nông nghiệp như trên đã phân tích, lại đi nhanh vào giai đoạn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phải chăng *thang giá trị của nhân cách con người Việt Nam đồng thời cũng là những định hướng giáo dục con cái của các gia đình được xác định như sau* (trên những nét cơ bản và lý tưởng):

Đối với xã hội: phát huy lòng yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất quật cường không chỉ trong việc bảo vệ, giữ gìn độc lập dân tộc, mà trong cả việc xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, phồn vinh, công bằng và hạnh phúc; từ lòng nhân ái yêu nước, thương dân, mở rộng đến chủ nghĩa nhân đạo quốc tế, sự thông cảm với đồng loại, tình người cao cả.

Trong gia đình: giữ gìn lòng chung thủy, sự hoà thuận giữa vợ và chồng, đối xử bình đẳng dân chủ, quan tâm thương yêu chăm sóc lẫn nhau, giữa vợ - chồng, cha mẹ - con cái. Vun trồng lòng hiếu thảo đối với bố mẹ, ông bà già, sự hy sinh cho con cái, tình thân đùm bọc lẫn nhau giữa anh em, họ hàng, bà con hàng xóm.

Với từng cá nhân: có tinh thần độc lập sáng tạo, chủ động tích cực trong học tập, trong cách xem xét và giải quyết các vấn đề mà cuộc sống mới đang đặt ra; có ý thức dám nghĩ, dám làm, trên cơ sở có một trình độ học vấn và trình độ tay nghề cao, kịp thời nắm được các thành tựu công nghệ tiên tiến, với đầu óc thực tế, biết tính toán và cơ động, nhạy bén với cái mới, cái luôn biến đổi trong nền văn minh hậu công nghiệp.

Biết tôn trọng cá nhân và lợi ích cá nhân chính đáng, tôn trọng quyền tự do, dân chủ, bình đẳng của mỗi cá nhân, nam và nữ, dân tộc lớn hay nhỏ; có ý thức tôn trọng kỷ cương pháp luật của nhà nước và cộng đồng; ý thức trách nhiệm cá nhân cao, đi đôi với tinh thần tôn trọng lợi ích của cộng đồng, của tập thể; sự quan tâm và khi cần thiết hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích của xã hội; trung thực thẳng thắn tôn trọng và bảo vệ công lý, đạo lý, chân lý. Có tinh thần tiết kiệm hợp lý, tránh lãng phí không chỉ tiền bạc, của cải phương tiện, sức người, mà cả thời gian và chất xám, không chỉ trông sản xuất mà cả trong tiêu dùng, giải trí.

Thang giá trị trên đây có những điểm đang là lý tưởng, chúng ta cần phấn đấu đạt tới, nhưng cũng có những điểm đã là hiện thực. Nhìn chung là cần thiết cho con người Việt Nam để đáp ứng yêu cầu phát triển của nước ta bước vào thế kỷ XXI.

Tuy nhiên, nếu những đổi mới về kinh tế-xã hội đã tạo cho các gia đình nhiều thuận lợi trong việc nuôi dưỡng con cái, cải thiện sinh hoạt vật chất, tinh thần cho các thành viên, thì lại có những gia đình đã thất bại trong công tác giáo dục con cái. Nuôi con đã

khó, dạy con nên người lại càng khó hơn. Yêu thương con cái là đạo lý cao cả của bậc cha mẹ. Song thực tế nhiều người còn lúng túng cả về nội dung và phương pháp giáo dục, khi đất nước đi vào kinh tế thị trường và mở cửa hoà nhập với trào lưu chung của thế giới; cái mới, cái cũ tồn tại xen lẫn. Nhân cách con người Việt Nam có những chuyển biến và khi những quan niệm mới về nhân cách chưa hình thành rõ rệt thì cách xem xét, đánh giá có những điểm khác nhau. Do đó, các gia đình khó tránh khỏi những phân vân, do dự, mâu thuẫn ý kiến với nhau trong việc giáo dục con cái, có những gia đình nhân cách bị sa sút, con cái hư hỏng, vợ chồng bất hoà.

Những khó khăn trong đời sống vật chất và tinh thần của các gia đình nghèo, thu nhập thấp, không có việc làm, điều kiện nhà ở, sinh sống thấp kém, sự hưởng thụ văn hoá ít ỏi, cũng là những nguyên nhân rất quan trọng không cho phép họ làm tốt chức năng giáo dục con cái.

Khi thế giới đang quay lại với những giá trị của gia đình sau một thời gian xem nhẹ vị trí vai trò của nó trong sự phát triển của xã hội, thì việc giúp cho các gia đình của nước ta hiện nay có điều kiện, khả năng

làm tốt các chức năng của nó, trong đó có chức năng xã hội hoá, xây dựng con người là hết sức cấp bách.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói "Gia đình tốt thì xã hội mới tốt - Hạt nhân của xã hội là gia đình". Sự ổn định và bền vững của các quan hệ gia đình, hạnh phúc, ấm no của các thành viên có liên quan chặt chẽ đến sự phát triển xã hội và tương lai của dân tộc Việt Nam. Cùng với sự phấn đấu nỗ lực chủ quan của các gia đình, thì sự hợp tác chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường, sự giúp đỡ của các thiết chế xã hội khác, đặc biệt là hệ thống chính sách của nhà nước là những yếu tố quyết định giúp gia đình làm tròn các chức năng của nó, đặc biệt là chức năng xã hội hoá, đào tạo bồi dưỡng nhân lực, nhân tài cho đất nước. Xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc cũng chính là nhằm xây dựng một nước Việt Nam dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh.

Vậy xu thế phát triển của gia đình Việt Nam như thế nào?

Đối với đại bộ phận người Việt Nam hiện nay, hôn nhân, gia đình, con cái vẫn là những vấn đề rất hệ trọng. Đông đảo các tầng lớp nhân dân, già trẻ, trai, gái đánh giá cao vai trò của gia đình và giá trị

của cuộc sống gia đình bền vững, vợ chồng hoà thuận, con cái ngoan ngoãn, hiếu thảo.

Bởi vậy, *yếu tố bền vững* của gia đình Việt Nam trong tương lai vẫn là sự kết hợp giữa đôi nam nữ, gắn liền với chức năng tái sản xuất ra con người và chức năng xã hội hoá cá nhân và cá thể hoá. Đồng thời, việc đảm bảo cuộc sống vật chất và tinh thần cho các thành viên, chăm sóc người ốm, người già, giữ gìn sự cân bằng về tâm lý, tình cảm là những chức năng của gia đình mà khó có thiết chế xã hội nào có thể thay thế được.

Các yếu tố động có thể là sự thay đổi của cấu trúc gia đình, số gia đình hạt nhân chỉ bao gồm hai thế hệ tăng lên và quy mô gia đình có sự giảm đi do tỷ lệ sinh con được hạ thấp. Chức năng làm kinh tế của gia đình như một đơn vị kinh tế độc lập có thể giảm bớt đi với sự gia tăng số người làm công ăn lương ở các đơn vị kinh doanh, xí nghiệp lớn và vừa đang có xu hướng phát triển với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Một số chức năng khác của gia đình được các thiết chế xã hội khác hỗ trợ tốt hơn (y tế, giáo dục, văn hoá). Các chuẩn mực đạo đức của gia đình Việt Nam đang có những biến đổi và tiếp tục còn

biến đổi theo yêu cầu của sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và thời đại.

Gia đình Việt Nam đang chuyển đổi từ cái cũ sang cái mới, đặc biệt là chức năng xã hội hoá con người sẽ chịu thêm nhiều ảnh hưởng của sự biến động xã hội. Thế kỷ XXI đặt ra cho sự phát triển của con người Việt Nam những yêu cầu mới cả về mặt thể lực, trí tuệ, đạo đức và tâm hồn. Thang giá trị chúng tôi nêu trên đây chỉ là bước đầu phác hoạ, chắc chắn là cuộc sống tương lai sẽ còn cung cấp những dữ kiện để chính xác hoá, hoàn thiện, bổ sung đầy đủ hơn.

Bàn về các yếu tố động và bền vững của gia đình còn nhiều ý kiến khác nhau và cần nghiên cứu tiếp tục. Tuy nhiên, một điều cần khẳng định rằng: *bước sang thế kỷ XXI, gia đình Việt Nam vẫn là tế bào của xã hội*, một tế bào đóng vai trò giường cột, cơ sở, mà thiếu nó, hoặc cấu trúc và chức năng của nó bị thay đổi hoàn toàn thì xã hội cũng sẽ tan rã, tàn lụi. Với bước phát triển tương lai của gia đình Việt Nam, chúng tôi có thể dự đoán rằng nó sẽ không rập khuôn theo mô hình gia đình Âu Mỹ. Với đặc điểm địa lý, lịch sử văn minh, văn hoá đặc thù, gia đình Việt Nam

trong tương lai vẫn mang bản sắc dân tộc độc đáo, riêng biệt.

Nghiên cứu cái đang biến động là điều rất khó, nhưng cũng rất thú vị. Cái khó nhất là cách tiếp cận khác nhau, từ đó nhận định, đánh giá các sự kiện đặt ra cũng khác nhau và giải pháp cho các vấn đề này cũng không thống nhất. Đặc biệt với quá trình hình thành, phát triển nhân cách, thì việc nhận định về ảnh hưởng của các nền văn hoá đã tồn tại trong lịch sử nước ta đến cuộc sống gia đình Việt Nam trước đây và di sản để lại cho đến nay, cùng sự xâm nhập của các giá trị văn minh thời đại là công việc cần sớm thực hiện. Khi các nhà khoa học đã coi gia đình tự nó là một giá trị tinh thần của nhân loại, thì việc tìm hiểu, xác định những giá trị văn hoá đã tạo nên và làm cơ sở cho việc hình thành văn hoá gia đình hiện nay là điều vô cùng quan trọng.

Đi vào nghiên cứu vai trò của gia đình Việt Nam trong sự hình thành và phát triển nhân cách con người, chúng tôi càng thấy rõ ý nghĩa to lớn của vấn đề này, xét cả về mặt nghiên cứu lý luận và ứng dụng thực tiễn, nghiên cứu lịch sử và hiện tại. Nó đóng góp vào CHIẾN LƯỢC CON NGƯỜI của Đảng từ nay đến

năm 2000 và bước vào thế kỷ XXI, giúp cho các cơ quan làm chính sách có căn cứ khoa học để hoạch định các chương trình, dự án xây dựng con người, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho sự phát triển của đất nước hiện tại và tương lai.

Bởi vì *giáo dục của gia đình có đầy đủ chức năng xã hội hoá về nhiều mặt cho mỗi cá nhân*, từ hệ thống chuẩn mực xã hội và giá trị xã hội, văn hoá và kinh nghiệm xã hội, tập luyện các vai trò xã hội, chuẩn bị tốt cho sự hoà nhập vào cuộc sống cộng đồng, cho sự lập nghiệp, mưu sinh và tiến bộ cá nhân. *Do đó cần phát huy hết khả năng xã hội hoá của gia đình*, đặc biệt là *khả năng cá thể hoá, đào tạo những cá nhân có đức, có tài cho xã hội Việt Nam*. Đó là *ưu thế của giáo dục gia đình* mà không một thiết chế xã hội nào có được. Đây cũng là điều lưu ý, một mong ước thiết tha của chúng tôi, với hy vọng rằng sẽ được sự cộng tác, giúp đỡ của nhiều nhà khoa học, nhiều bạn đọc để tiếp tục công trình nghiên cứu này trong những năm tới.

PHỤ LỤC CHÚ THÍCH

1. Các hình thức gia đình đã có trong lịch sử

Theo quan điểm của L.Morgan và được Ph.Anghen tán thành thì "Gia đình là một yếu tố năng động, nó không bao giờ đứng nguyên ở một chỗ, mà chuyển từ một hình thức thấp lên một hình thức cao, như xã hội phát triển từ một giai đoạn thấp lên một giai đoạn cao".

Trải qua quá trình lịch sử, bắt đầu từ xã hội cộng sản nguyên thủy đến xã hội tư bản, gia đình đã lần lượt trải qua các hình thức chủ yếu sau:

- Gia đình cùng dòng máu trong chế độ quần hôn.

- Gia đình Pu-na-lu-an, nghĩa là gia đình "những người bạn thân" (một số anh em trai cùng mẹ, hoặc xa hơn đều lấy chung một số vợ không phải là chị em gái của họ hoặc ngược lại)

- Gia đình cặp đôi, nghĩa là một hình thức kết hôn từng cặp, tồn tại trong một thời gian ngắn hoặc dài dưới chế độ quần hôn. Dần dần, gia đình cặp đôi thay thế hẳn gia đình cùng dòng máu trong chế độ quần hôn.

- Gia đình một vợ một chồng nảy sinh từ gia đình cặp đôi khi xã hội loài người chuyển từ thời đại dã man sang thời đại văn minh.

Bản thân gia đình một vợ, một chồng cũng trải qua những biến động như: gia đình gia trưởng phụ quyền dưới chế độ phong kiến, rồi gia đình một vợ một chồng được bổ xung bằng tệ ngoại tình và nạn mãi dâm phổ biến dưới chế độ tư bản.

Ngoài ra còn nhiều hình thức biến tướng khác của gia đình ở nhiều dân tộc, bộ tộc khác nhau như gia đình đa thê, đa phu v.v...

2. Trong thời đại hiện nay, có nhiều cách định nghĩa về gia đình rộng hẹp khác nhau

Theo Levy Strauss: gia đình là một nhóm xã hội được quy định bởi ba đặc điểm trong quan sát thường

thấy nhiều nhất:

a- Nó bắt nguồn từ hôn nhân.

b- Nó bao gồm Vợ - chồng - con cái đã phát sinh từ sự hôn phối của đôi nam nữ, tuy rằng có thể có mặt trong gia đình những họ hàng bà con, con nuôi, người ở, bạn bè.

c- Các thành viên của gia đình được gắn liền với nhau bởi các ràng buộc pháp lý, bởi các nghĩa vụ và quyền lợi có tính chất kinh tế, tôn giáo hay cái khác; bởi các quan hệ nhất định về quyền và sự cấm đoán tình dục giữa các thành viên; bởi một tổng hợp có tính chất thay đổi về tình cảm, tâm lý như tình yêu, tình thương, sự kính trọng, sự sợ hãi v.v...

Định nghĩa trên chưa bao gồm tất cả các trường hợp, ví dụ như những đôi nam nữ chung sống nhưng không cưới nhau, ở cùng với con cái họ sinh ra; những đàn bà, những đàn ông goá hay ly dị sống với con cái họ v.v...

Định nghĩa của Liên hợp quốc: gia đình là một nhóm người có quan hệ họ hàng, cùng sống chung và có ngân sách chung.

Gia đình hôn phối hay gia đình hạt nhân gồm bố mẹ, con cái, sống chung một nhà là hình thức chiếm số đông hiện nay. *Gia đình hôn phối* được lập nên bằng *hôn nhân* và được giải thể cùng với sự giải thể hôn nhân (li dị).

3. Phân biệt khái niệm gia đình với khái niệm hộ

Cần phân biệt khái niệm gia đình với *khái niệm hộ*. Hộ được hiểu như một nhóm người sống chung một mái nhà, có thể có quỹ chi chung. Hộ có thể gồm những người có quan hệ ruột thịt, họ hàng hay bạn bè quen biết. Có trường hợp là hộ độc thân sống một mình, có trường hợp hộ gồm hai, ba người phụ nữ, hay nam giới, hay người già ở chung với nhau. Đặc biệt, trước đây chúng ta có nhiều *hộ tập thể* gồm một số người sống độc thân, xa gia đình như các cán bộ, nhân viên của một cơ quan, xí nghiệp hay sinh viên, học sinh ở chung một địa điểm, nhưng trong có thể có quỹ chi chung. Nhưng ở thành phố và nông thôn Việt Nam hiện nay, đại đa số trường hợp *một gia đình thường là một hộ*.

Cuộc điều tra dân số ở Việt Nam năm 1989 đã đưa ra *khái niệm hộ gia đình* bao gồm những người có

quan hệ hôn nhân, hay ruột thịt hoặc nuôi dưỡng có quỹ thu, chi chung. Mỗi hộ gia đình có một sổ đăng ký hộ khẩu ghi rõ số nhân khẩu, người chủ hộ và quan hệ của những thành viên với chủ hộ. Đây là tài liệu có tính pháp lý để chính quyền địa phương có thể quản lý tế bào xã hội là gia đình.

4. Quy mô gia đình thể hiện theo hộ trong lịch sử Việt Nam

Theo các sổ sách từ xưa để lại, gia đình (nhà) Việt Nam thường xuyên có quy mô nhỏ, vì khi con cái đã trưởng thành, lập gia đình và ra ở riêng thì bố mẹ già thường ở với người con trưởng hay người con út. Ví dụ ở thời Bắc thuộc:

- Giao Chỉ có 92.440 hộ, 746.237 khẩu, trung bình mỗi hộ có 8,07 khẩu. Cửu Nhân có 35.740 hộ, 166.013 khẩu, trung bình mỗi hộ có 4,64 khẩu. Nhật Nam có 15.460 hộ, 69.485 khẩu, trung bình mỗi hộ có 4,49 khẩu.

Đầu thế kỷ XV, thống kê nhân khẩu ở các phủ huyện cho biết lúc đó nước ta có 120.412 hộ với 500.264 khẩu, trung bình mỗi hộ có 4,12 khẩu.

5. Tính chất gia đình Việt Nam trước cách mạng tháng 8/1945

Nhìn chung gia đình Việt Nam là gia đình phụ hệ, có chịu ảnh hưởng của Nho Giáo, nhưng vẫn bảo tồn nhiều giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc. Quan hệ chi phối trong gia đình không phải là quan hệ gia trưởng, phụ quyền nặng nề nghiêm khắc như ở Trung Quốc, mà là quan hệ hoà thuận vợ chồng, cha mẹ, con cái, trong đó người vợ, người mẹ có vai trò quan trọng. Đặc điểm này được phản ánh khá rõ trong Bộ "*Quốc triều hình luật*" (1471) với quyền chia tài sản bình đẳng giữa con trai và con gái, quyền thừa kế của con gái khi gia đình không có con trai, quyền người vợ được ly dị chồng trong những trường hợp luật pháp cho phép.

6. Gia đình là đối tượng nghiên cứu của nhiều bộ môn khoa học

Do vị trí quan trọng của gia đình đối với mỗi cá nhân và đối với đời sống xã hội, *gia đình là cầu nối giữa cá nhân và xã hội* nên gia đình đã và đang là đối

tượng nghiên cứu của nhiều bộ môn khoa học khác nhau. Ví dụ:

Tâm lý học nghiên cứu quá trình hình thành và hoàn thiện nhân cách cá nhân trong gia đình.

Dân số học quan tâm đến vai trò của gia đình và cơ cấu gia đình trong tái sản xuất dân số: xem xét thái độ của các cá nhân, được đo bằng hàng số các đám cưới và tỷ lệ hôn nhân kéo dài bền vững, thái độ của đôi vợ chồng trước việc sinh con, quy mô gia đình.

Nhân chủng học nhấn mạnh đến tính biến đổi đa dạng của các loại hình gia đình giữa các nền văn hoá.

Dân tộc học nghiên cứu những đặc điểm của lối sống và sinh hoạt của gia đình với những đặc trưng dân tộc khác nhau.

Kinh tế học chú ý đến gia đình với tư cách là một đơn vị kinh tế, đơn vị tiêu dùng.

Sử học nghiên cứu những hình thái gia đình đã qua (những sự kiện mang tính đơn nhất).

Luật học quan tâm đến sự tồn tại của những mối quan hệ có tính luật pháp của gia đình.

Gia đình với tư cách là đối tượng nghiên cứu của xã hội học. Xã hội học quan tâm nghiên cứu gia đình như một thiết chế xã hội và một nhóm tâm lý xã hội đặc thù.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin bàn về gia đình: - Nguồn gốc ra đời của gia đình của chế độ sở hữu tư nhân và của Nhà nước. F.Engels.
- C. Mac F. Engels: tuyển tập, tập 1 và tập 6.
- Chủ nghĩa xã hội khoa học: Chương trình cao cấp: Tập 2. H.: Chính trị quốc gia, 1994.
2. Các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò gia đình, về con người trong các Đại hội Đảng lần thứ V, VI, VII: trong Cương lĩnh xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.
3. Một số vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu con người và xã hội. H.: Chương trình khoa học cấp Nhà nước KX-07, 1994.
4. Martine Segalen. Xã hội học về gia đình: Collection 21. Paris: Armand Colin, 1981.
5. Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam. H.: Khoa học xã hội, 1991.

6. Thông tin xã hội học - chuyên đề gia đình của Viện Xã hội học, số 2/1993.
7. Con người Việt Nam và công cuộc đổi mới. H.: Chương trình khoa học cấp Nhà nước KX-07, 1993.
8. Nghiên cứu con người, giáo dục - phát triển và thế kỷ XXI. H.: Chương trình khoa học cấp Nhà nước KX-07, 1995.
9. Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (Chủ biên). Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay. H.: Chương trình khoa học cấp Nhà nước KX-07, 1994.
10. Văn Tạo. Chúng ta kế thừa di sản nào. H.: Khoa học xã hội, 1993.
11. Phạm Văn Đồng. Văn hoá và đổi mới. H.: Chính trị quốc gia, 1994.
12. Phan Ngọc. Văn hoá Việt Nam và cách tiếp cận mới. H.: Văn hoá - Thông tin, 1994.
13. Lê Minh (Chủ biên). Thực trạng văn hoá gia đình Việt Nam. H.: Lao động, 1994.
14. Insun Yu. Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII. H.: Khoa học Xã hội, 1994.

15. Toan Ánh. Phong tục Việt Nam: Tập 2: Nếp cũ gia đình. H.: Thanh niên, 1992.
16. Trần Đình Hượu. Từ truyền thống đến hiện đại. H.: Khoa học Xã hội, 1994.
17. Hồ Chí Minh. Về chính sách xã hội. H.: Chính trị quốc gia, 1995.
18. Luận cứ khoa học cho việc đổi mới chính sách xã hội. H.: Chương trình cấp Nhà nước KX-07, 1994.
19. Những văn bản pháp luật về hôn nhân và gia đình. H.: Chính trị quốc gia, 1994.
20. Nguyễn Khắc Viện. Từ điển Xã hội học. H.: Thế giới, 1994.
Nguyễn Khắc Viện. Từ điển Tâm lý. H.: Ngoại văn, 1991.
21. Ngô Công Hoàn. Tâm lý học gia đình H.: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I, 1993.
22. Mai Huy Bích. Đặc điểm gia đình đồng bằng sông Hồng. H.: Văn hoá - Thông tin, 1993.
23. Gia đình, Dịch TỰ điển Bách khoa Pháp

24. Các tài liệu của Liên Hiệp Quốc xuất bản nhân năm quốc tế gia đình 1994.
 - Các quyền con người và gia đình
 - Sự biến đổi của cấu trúc gia đình
 - Vai trò của gia đình trong việc xã hội hoá lớp trẻ.
 - Những xu thế dân số học và gia đình.
 - Gia đình người sáng tạo và hưởng thụ sự phát triển kinh tế xã hội.
 - Các gia đình gặp nguy cơ
 - Các gia đình chạy trốn.
25. Mai Huy Bích (Tổng thuật). Xã hội học, về chức năng xã hội hoá của gia đình, 1993.
26. Người phụ nữ và Gia đình Việt Nam hiện nay. H.: Khoa học xã hội, 1991.
27. Nhận diện gia đình Việt Nam hiện nay. H.: Trung tâm Nghiên cứu Khoa học về Phụ nữ, 1991.
28. Một vài nét nghiên cứu về gia đình Việt Nam. H.: Trung tâm Nghiên cứu Khoa học về Phụ nữ, 1990.
29. Gia đình và vai trò giáo dục gia đình. H.: Khoa học xã hội, 1994.

30. Gia đình Việt Nam các trách nhiệm, các nguồn lực trong sự đổi mới của đất nước. H.: Khoa học xã hội, 1995.
31. Đỗ Thuý Bình. Hôn nhân và gia đình các dân tộc Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam. H.: Khoa học xã hội, 1994
32. Benjamin Spock. Con cái và bố mẹ ngày nay. H.: Đà Nẵng, 1989.
33. H. G. Ginott. Thuật ứng xử giữa cha mẹ và con cái . H.: Phụ nữ, 1992.
34. Maurice Porot. Trẻ em và những mối quan hệ gia đình: tài liệu dịch , NXB Puf, 1973.
35. Phạm Khắc Chương. Giải pháp tình huống trong giáo dục gia đình. H.: Chính trị quốc gia, 1993.
36. Hiện trạng tình hình phụ nữ và trẻ em Việt Nam do Unicef phát hành 1994.
37. Số liệu về phụ nữ Việt Nam 1985 - 1994. H.: Thống kê, 1995.
38. Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam 1992 - 1993. H.: Tổng cục Thống kê, 1994.

39. Kết quả các chuyên đề nhánh của đề tài KX-07-09.
40. Kết quả điều tra tình hình gia đình ở hai phường Ngô Thì Nhậm và Yên Phụ ở Hà Nội tháng 3-1995.
41. Bài nói chuyện của Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh tại Hội thảo "Gia đình Việt Nam trong sự đổi mới của đất nước và vấn đề xây dựng con người". Tổ chức tháng 4-1995 của đề tài KX-07-09.
42. Bài nói chuyện của Giáo sư, Tiến sĩ Phạm Minh Hạc, chủ nhiệm chương trình KX.07 tại Hội thảo nói trên tháng 4/1995.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời mở đầu	1
Chương I	
Con người và vấn đề xã hội hoá. Vai trò gia đình và sự hình thành nhân cách	8
I. Con người và vấn đề xã hội hoá	8
II. Nhân cách và quá trình hình thành nhân cách	12
III. Gia đình và vai trò gia đình trong việc hình thành, phát triển nhân cách	17
IV. Một vài quan điểm tiếp cận vấn đề	33
Chương II	
Sự phát triển của gia đình Việt Nam và chức năng giáo dục con người qua các giai đoạn lịch sử của đất nước (trước đổi mới)	41
I. Nghiên cứu sự phát triển của gia đình Việt Nam trong lịch sử để hiểu được gia đình Việt Nam hiện nay và vai trò của nó trong việc xã hội hoá con người	41
II. Gia đình truyền thống và đặc điểm giáo dục của gia đình truyền thống	53
III. Gia đình Việt Nam trong thời kỳ Pháp thuộc (1858 - 1945). Đặc điểm giáo dục gia đình và nhân cách con người Việt Nam	66
IV. Gia đình Việt Nam trong 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc (1945 - 1975) và sự rèn luyện nhân cách người chiến sĩ cách mạng, anh bộ đội cụ Hồ trong thời kỳ này.	76

V. Gia đình và nhân cách Việt Nam trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội kiểu cũ (1955 - 1986)	86
---	----

Chương III

Gia đình Việt Nam và sự hình thành nhân cách con người trong sự đổi mới của đất nước hiện nay	103
--	-----

I. Hiện trạng gia đình Việt Nam và việc thực hiện các chức năng trong giai đoạn đổi mới của đất nước hiện nay (1986 - 1995)	103
II. Chức năng xã hội hoá và xây dựng nhân cách con người của gia đình Việt Nam hiện nay	139
III. Đặc điểm, mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục của gia đình	153

Chương IV

Sự hợp tác giữa gia đình với nhà trường và các thiết chế xã hội khác. Sự hỗ trợ của nhà nước trong việc giáo dục, đào tạo con người của gia đình	215
---	-----

I. Mối quan hệ hợp tác giữa gia đình và nhà trường trong chức năng xã hội hoá cá nhân và cá thể hoá	218
II. Mối quan hệ giữa gia đình và các đoàn thể, tổ chức xã hội khác trong việc xây dựng nhân cách con người	226
III. Sự hỗ trợ của Nhà nước cho chức năng xã hội hoá của gia đình. Một số kiến nghị về các chính sách của Nhà nước đối với gia đình	232

Lời kết	255
---------	-----

Phụ lục chú thích	267
-------------------	-----

Tài liệu tham khảo chính	275
--------------------------	-----